



**ĐẢNG BỘ HUYỆN BẠCH THÔNG**  
**ĐẢNG ỦY XÃ VI HƯƠNG**

# **LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ** **XÃ VI HƯƠNG**

**(1946 - 2015)**

**NĂM 2018**



THƯ VIỆN CÁCH MẠNG VIỆT NAM  
XÃ VI HƯƠNG  
(1949 - 2022)  
LỊCH SỬ DẪNG BỘ

MÃN 2018

## **I. BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN**

1. Đồng chí Ngọc Văn Thoa, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã - Trưởng ban.

2. Đồng chí Lường Thị Tuyên, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy - Phó Trưởng ban.

3. Đồng chí Vi Văn Huân, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - thành viên.

4. Đồng chí Nguyễn Chu Luân, Đảng ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã - thành viên.

5. Đồng chí Dương Văn Tập, Đảng ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - thành viên.

6. Đồng chí Dương Văn Lưu, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã - thành viên.

7. Đồng chí Luân Văn Minh, Cán bộ kế toán, ngân sách - thành viên.

## **II. HỘI ĐỒNG BIÊN SOẠN**

1. Đồng chí Lường Thị Tuyên - Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy - Trưởng ban.

2. Đồng chí Vi Văn Huân - Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - Phó Trưởng ban.

3. Thạc sĩ Hứa Văn Quyền - Giảng viên trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên, đã nghỉ hưu.

4. Tiến sĩ Hứa Thanh Bình - Trưởng Bộ môn Lý luận chính trị, trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên.

5. Thạc sĩ Lê Trí Trung - Giảng viên Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên.

6. Thạc sĩ Nguyễn Thành Chung - Giảng viên Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên.

7. Đồng chí Phùng Đức Vy - Nguyên Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, đã nghỉ hưu.

8. Đồng chí Phùng Dương Hàm - Nguyên Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã.

9. Đồng chí Phùng Đức Hóa - Văn phòng Đảng ủy.

### **III. CHỦ BIÊN:**

1. Thạc sĩ Hứa Văn Quyền - Giảng viên trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên, đã nghỉ hưu.

2. Tiến sĩ Hứa Thanh Bình - Trưởng Bộ môn Lý luận chính trị, trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên.

3. Thạc sĩ Lê Trí Trung - Giảng viên Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên.

4. Thạc sĩ Nguyễn Thành Chung - Giảng viên Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên.



## LỜI GIỚI THIỆU

Vi Hương là một xã vùng cao, thuộc phía Bắc huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn, là vùng đất giàu truyền thống yêu nước và cách mạng. Trong suốt chặng đường lịch sử hình thành và phát triển, đồng bào các dân tộc Vi Hương đã kiên quyết chống chọi với thiên nhiên, anh dũng đánh đuổi giặc ngoại xâm, xây dựng và bảo vệ quê hương ngày càng giàu đẹp.

Ngay từ những ngày đầu trước tổng khởi nghĩa tháng Tám - 1945, những người con ưu tú làng bản Vi Hương đã sớm giác ngộ cách mạng, tự nguyện đứng vào hàng ngũ của Đảng Cộng sản, trở thành những người đảng viên trung kiên, tạo ra tiền đề quan trọng cho sự ra đời của chi bộ Hoa Sơn vào năm 1946. Ngay sau khi thành lập chi bộ Đảng, những người con ưu tú của Vi Hương đã hăng hái tham gia đấu tranh cách mạng, lãnh đạo nhân dân giành chính quyền trong cách mạng tháng Tám - 1945, kiên cường đấu tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, ra sức bảo vệ và xây dựng quê hương đạt được những thành tựu ngày càng to lớn. Vi Hương đã được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý ***“Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”***; ***Một Huân chương chiến công hạng Nhì; một Huân chương lao động hạng Ba.***

Để ghi lại những trang sử vẻ vang và hào hùng của quê hương, góp phần giáo dục truyền thống cách mạng cho mọi thế hệ cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc xã Vi Hương, đặc biệt là thế hệ trẻ. Triển khai Nghị quyết của của Tỉnh ủy Bắc Kạn và Huyện ủy Bạch Thông; thực hiện Công văn số 35-CV/TGHU ngày 11-3-2013 của Ban Tuyên giáo Huyện ủy Bạch Thông về việc biên soạn cuốn Lịch sử Đảng bộ xã, thị trấn. Thực hiện nghị quyết số 14-NQ/ĐU ngày 24-2-2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Vi Hương về việc sưu tầm, biên soạn cuốn Lịch sử Đảng bộ xã Vi Hương (1946 - 2015). Với đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, việc xuất bản cuốn sách nhằm ghi lại những trang sử vẻ vang của Đảng bộ và nhân dân xã là điều

vô cùng cần thiết. Đó vừa là trách nhiệm, vừa là tình cảm của Đảng bộ và nhân dân Vi Hương đối với các thế hệ đi trước. Cuốn sách ra đời sẽ là nguồn cổ vũ lớn lao, góp phần khơi dậy và giáo dục truyền thống cần cù, sáng tạo trong lao động, anh dũng, kiên cường trong chiến đấu, để các thế hệ trẻ thêm hiểu biết, tự hào, phát huy. Từ đó tích cực lao động, học tập, ra sức xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

Sau một thời gian nghiên cứu, biên soạn cuốn sách **Lịch sử Đảng bộ xã Vi Hương (1946 - 2015)** đã hoàn thành. Nội dung cuốn sách phản ánh một cách sinh động, có hệ thống quá trình xây dựng và trưởng thành của Đảng bộ và nhân dân xã Vi Hương trong suốt 70 năm qua, đồng thời rút ra những bài học quý báu trong quá trình lãnh đạo chỉ đạo của Đảng bộ qua các thời kỳ.

Trong quá trình nghiên cứu biên soạn mặc dù đã có nhiều cố gắng, song do nguồn tư liệu thành văn hạn chế, các nhân chứng lịch sử không còn nhiều, cuốn sách không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Do vậy, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Vi Hương, Ban biên soạn mong nhận được những ý kiến đóng góp của các đồng chí và bạn đọc gần xa để cuốn sách được hoàn thiện, đầy đủ hơn trong lần tái bản sau.

Nhân dịp cuốn sách được xuất bản, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Vi Hương xin trân trọng ghi nhận những đóng góp của các đồng chí cán bộ lão thành cách mạng, đảng viên cao tuổi, cán bộ chủ chốt qua các thời kỳ. Cảm ơn sự quan tâm giúp đỡ của Ban Tuyên giáo Huyện ủy Bạch Thông, các ban, ngành, đoàn thể, cán bộ, đảng viên, nhân dân Vi Hương và các cán bộ nghiên cứu lịch sử Đảng, các cơ quan xuất bản, lưu trữ đã tận tình giúp đỡ, tạo mọi điều kiện để cuốn sách được hoàn thành.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

**THAY MẶT ĐẢNG ỦY**

**Bí thư**

**Ngọc Văn Thoa**

# CHƯƠNG I

## VI HƯƠNG - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ, VĂN HÓA

### I. ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN

#### 1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

Vi Hương là một xã vùng cao, cách thị trấn Phủ Thông khoảng 7km về phía Tây, là một xã thuộc phía Bắc của huyện Bạch Thông. Phía Đông giáp xã Phương Linh, phía Tây giáp xã Đôn Phong (Bạch Thông) và xã Đồng Phúc (Ba Bể), phía Nam giáp xã Tú Trĩ (Bạch Thông); phía Bắc giáp xã Mỹ Phương (Ba Bể).

Vi Hương có diện tích tự nhiên 2.626ha. Địa hình của xã nằm dưới chân núi Phja Bjoóc, xung quanh là đồi núi cao bao bọc tạo thành hình lòng chảo.

Núi Phja Bjoóc nằm ở phía Tây bắc của xã, đỉnh cao nhất của núi Phja Bjoóc là 1.575m (còn có tên gọi là núi Cứu Quốc. Vì khoảng năm 1943 đồng chí Võ Nguyên Giáp và các đồng chí trong Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân đã đến đây hoạt động và đặt tên là núi Cứu Quốc. Núi Cứu Quốc đã trở thành vị trí chiến lược quan trọng của Đảng và nhân dân ta trong Cách mạng tháng Tám và trong cuộc kháng chiến chống Pháp 1946 - 1954).

Địa hình xã Vi Hương thấp dần từ Bắc xuống Nam. Phía Tây nam và Đông nam là vùng núi thấp, gò đồi xen



giữa các vùng núi cao, giữa gò đồi là những thung lũng, đồng ruộng và bãi đất bằng phẳng. Thung lũng rộng nhất là cánh đồng Vi Hương, trên cánh đồng này và rải rác bên các chân núi, gò đồi là các làng bản.

Hiện nay Vi Hương có 9 thôn gồm: Cốc Thốc, Địa Cát, Thủy Điện, Nà Ít, Bó Lịn, Nà Pái, Đon Bậy, Nà Chá, Nà Sang. Bên cạnh các bản làng đó là những đám ruộng màu mỡ, nhiều mùn thích hợp với sự phát triển của cây lúa, cây ngô.

Rừng ở Vi Hương chiếm 85% diện tích, chủ yếu là rừng tự nhiên, đất đai của Vi Hương cũng như đất ở các xã Lục Bình, Phương Linh, Tú Trĩ là loại đất feralit màu vàng, với độ ẩm ướt lớn, nhiệt độ thấp hơn so với các nơi khác, tỉ lệ mùn cao, thích hợp với phát triển nông nghiệp. Các cây mọc trên các cánh rừng này gồm lim, nghiến, sến, táu, trai, còn có nhiều vầu, nứa, trúc, tre, mai... Chủ yếu là rừng rậm rạp, nhiều tầng thực vật và dây leo chằng chịt. Trong các khu rừng có nhiều thú quý như lợn rừng, hươu, nai, còn có các loại chim muông như gà gô, gà lôi, công... Không thể không nhắc đến các đặc sản quý như nhung hươu, mật ong, sa nhân, nấm hương, mộc nhĩ, các loại măng, nấm, rau rừng... Xưa kia trên các bãi đất tương đối bằng phẳng, lớp thảm mục dày, tỉ lệ mùn trong đất cao và có độ ẩm khá lớn, đồng bào đã phát rẫy làm nương, thích hợp với các cây trồng như ngô, lúa nương, các loại đỗ, khoai, sắn, bầu bí, bông, chàm.

Từ xa xưa dựa vào rừng núi, đồng bào ta đã tích cực khai thác lâm thổ sản bao gồm khai thác gỗ, tre, nứa, vầu, trúc. Khai thác các sản vật như củ nâu, song mây, quả ép dầu (trầu, lai), mật ong, nấm hương, mộc nhĩ...

Về khoáng sản: Ở một số nơi trong xã có quặng sắt non chưa đến tuổi khai thác.

Về khí hậu: Xã Vi Hương nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa, hằng năm có 4 mùa rõ rệt: Xuân, Hạ, Thu, Đông. Mùa Hạ có gió mùa Đông nam từ tháng 4 đến tháng 10, nhiệt độ trung bình từ 25 đến 27<sup>0</sup>C. Vào mùa Đông thường có gió mùa Đông bắc khoảng từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Tiết trời giá rét, thỉnh thoảng có sương muối, gây ảnh hưởng xấu đến độ sinh trưởng của cây trồng và gia súc. Sự chênh lệch giữa hai mùa nóng và mùa lạnh tương đối lớn. Nhiệt độ trung bình tháng nóng nhất là tháng 7 lên tới 27<sup>0</sup>C, nhiệt độ trung bình tháng lạnh nhất là 13,7<sup>0</sup>C.

Với khí hậu đó, trên các cánh đồng của Vi Hương, cây lúa là cây trồng chính, lúa thường được trồng 2 vụ là vụ Chiêm xuân và Vụ mùa. Dòng suối chính chảy qua giữa cánh đồng, chảy dọc thung lũng là nguồn nước chính tưới tiêu cho hầu hết các triền ruộng của làng bản. Bên cạnh dòng suối chính, trên địa bàn Vi Hương còn có nhiều con suối nhỏ, các ngòi nước chảy từ các khe núi luôn bảo đảm tưới nước đầy đủ, tạo thuận lợi cho việc trồng lúa. Ngoài cây lúa, trên các bãi soi đồng bào còn trồng ngô, đỗ tương, đỗ xanh, mía, các loại rau màu vụ Đông và vụ Hè.

Bên cạnh trồng trọt là nguồn sống chính, chăn nuôi là nghề lâu đời và quan trọng trong đời sống của đồng bào các dân tộc Vi Hương. Dựa vào rừng núi, nhiều cỏ cây và khí hậu khá ôn hòa, từ xa xưa đồng bào đã nuôi trâu bò để làm sức kéo, nuôi ngựa để cưỡi, nuôi dê để bán và làm thực phẩm. Nhưng nguồn thực phẩm chính của các gia đình đồng bào Vi Hương trong các bữa ăn là từ việc nuôi lợn và gia cầm. Các hộ gia đình thường có từ 1 đến 3 con lợn trở lên, hàng chục đến hàng trăm con gà, vịt, ngan, ngỗng. Bên cạnh nuôi gia cầm, gia súc, đồng bào còn đào ao thả cá, đặc biệt là nuôi cá ruộng, sản phẩm thu được không chỉ dùng làm thực phẩm trong gia đình mà còn bán ra thị trường. Vi Hương là một xã ở gần đường quốc lộ, chỉ cách chợ huyện lỵ khoảng 5 đến 7 km, nên các sản vật sản xuất ra có thể đem ra chợ bán, trao đổi rất thuận lợi. Hơn nữa, nơi đây còn có thuận lợi là dễ dàng đem hàng hoá đến các địa phương lân cận. Từ Vi Hương không chỉ ra chợ Phủ Thông, đi theo Quốc lộ 3 mà còn có thể theo đường quốc lộ, đường mòn lên Ba Bể đến các chợ Pù Mát, Chợ Slo, và từ Ba Bể có thể lên Pác Nặm, đi lên Cao Bằng, Tuyên Quang, Hà Giang; từ Vi Hương có thể theo các đường liên xã, trước đây là đường mòn, nay đã khá rộng, ô tô có thể đi lại tới các xã Tú Trĩ, Lục Bình, Hà Vị...

## **2. Dân cư, làng bản, tên gọi qua các thời kỳ**

Theo cuốn sách *“Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc kỳ”* của tác giả Ngô Vi Liễn, viết năm 1927, Nhà xuất bản Văn



hoá thông tin Hà Nội năm 1928, tái bản năm 1999 thì Vi Hương vào thời kỳ này có 374 người<sup>(1)</sup>. Theo Báo cáo tổng kết của xã năm 2015 Vi Hương có 2.610 người. Căn cứ vào tên các địa danh như: Đon Bậy, Nà Sang, Cốc Thốc, Bó Lịn,... có thể khẳng định chắc chắn rằng, cộng đồng đầu tiên sinh sống ở vùng đất này là cư dân người Tày. Sau người Tày là người Nùng, người Dao và người Kinh.

Hầu hết cư dân Vi Hương ngày xưa đều ở nhà sàn, đồng bào vẫn giữ được đặc trưng của nếp nhà sàn cổ xưa như ở các vùng Vũ Muộn, Sĩ Bình, Hà Vị... Nay phần lớn các làng bản của xã Vi Hương là nhà xây và nhà đất.

- *Quá trình lịch sử địa danh*: Khoảng từ năm 1945 đến 1957 xã Vi Hương có 7 thôn: Cốc Thốc 13 hộ; Địa Cát 25 hộ; Bó Lịn 20 hộ; Nà Pải 22 hộ; Đon Bậy 16 hộ; Nà Đon 16 hộ; Nà Sang 27 hộ.

Ngày 11-4-1900, toàn quyền Đông Dương ra Nghị định thành lập tỉnh Bắc Kạn. Bắc Kạn gồm các châu Bạch Thông, Chợ Rã, Thông Hóa (Na Rì), Cẩm Hóa (Ngân Sơn). Sau đó nhập tổng Yên Đĩnh thuộc Phú Lương (Thái Nguyên) về Bạch Thông, đồng thời cắt một số xã của Thái Nguyên, của Bạch Thông, Chợ Rã để thành lập Chợ Đồn. Như vậy Bắc Kạn gồm 5 châu, 20 tổng, 103 xã. Trong đó Bạch Thông là châu lớn nhất tỉnh, gồm 5 tổng là: Yên Đĩnh, Nông Hạ, Nông Thượng, Hà Vị, Phương Linh. Tổng

---

<sup>(1)</sup> Phương Linh có 283 người, Sĩ Bình có 170 người, Vũ Muộn có 272 người.

Phương Linh gồm các xã: Vi Hương, Phương Linh, Tú Trĩ, Tòng Lạnh, Sĩ Bình, Vũ Muộn.

Sau cách mạng tháng Tám - 1945, Vi Hương được đổi tên là xã Hòa Bình.

Từ tháng 9 - 1949 đến tháng 9 - 1952 các địa phương Vi Hương, Phương Linh, Tân Tiến, Tú Trĩ, Sĩ Bình, Vũ Muộn sáp nhập thành một xã lấy tên là Hoa Sơn.

Đến tháng 10 - 1952 xã Hoa Sơn lại chia nhỏ các xã được lấy lại tên cũ, Vi Hương lúc này vẫn lấy tên là Hòa Bình. Đến năm 1965 mới đổi lại tên là xã Vi Hương thuộc huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Thái.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 1997 tỉnh Bắc Kạn được tái lập, xã Vi Hương thuộc huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

## **II. KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ TRUYỀN THỐNG VĂN HOÁ LỊCH SỬ**

### **1. Điều kiện kinh tế - xã hội**

Trong quá trình phát triển của lịch sử, người xa xưa chủ yếu là hái lượm và săn bắt. Theo sự phát triển của sức sản xuất và của các cuộc phân công lao động xã hội, vai trò săn bắt và hái lượm bị thu hẹp, nền kinh tế trồng trọt và chăn nuôi được hình thành và phát triển, đồng thời cũng xuất hiện thêm các ngành nghề thủ công khác. Có thể nói, kinh tế truyền thống của đồng bào nơi đây là sản xuất nông nghiệp, làm ruộng kết hợp với chăn nuôi là chủ yếu, ngoài ra còn làm các nghề thủ công khác như: Trồng bông dệt



vải, đan lát, làm mộc, rèn... để phục vụ sản xuất và nhu cầu cuộc sống.

Tuy là địa bàn có tài nguyên thiên nhiên khá phong phú, nhưng với đặc điểm miền núi, ruộng đất không nhiều, trước đây một số hộ do thiếu ruộng và năng suất thấp còn làm thêm nương rẫy và khai thác lâm thổ sản. Nhưng việc phát rừng làm nương rẫy và khai thác lâm thổ sản, ngày càng ảnh hưởng đến môi trường và nguồn nước. Thực hiện các chính sách về việc bảo vệ rừng, những năm gần đây đồng bào đã không còn phát rẫy làm nương và săn bắt muông thú nữa. Mỗi năm trên cánh đồng thường cấy hai vụ chiêm và vụ mùa, một số đám ruộng được trồng màu như ngô, khoai, đỗ... xen canh.

Căn cứ vào đặc điểm điều kiện tự nhiên và trước yêu cầu mới, Vi Hương ngày nay thực sự đã hình thành một cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp kết hợp, bao gồm trồng lúa, chăn nuôi và khai thác lâm sản. Các cánh rừng đã được trồng mới theo chương trình Pam, xuất hiện các xưởng chế biến gỗ, sửa chữa cơ khí nhỏ, đồng thời phát triển các loại hình dịch vụ, dần dần chuyển sang kinh tế hàng hóa. Với kỹ thuật mới, chủ yếu là cơ giới trong sản xuất cũng như trong vận chuyển hàng hoá, nguyên vật liệu, năng suất lao động ngày càng cao, thu nhập của các gia đình ngày càng tăng, đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện.

Trên vùng đất Vi Hương cho đến ngày nay còn lưu giữ nhiều di tích văn hóa nghệ thuật và lịch sử quý giá.

Trên một khu đất bằng của một ngọn đồi thuộc xóm Đon Bấy hiện còn di tích nền chùa Hoa Sơn (Hoa Sơn tự). Đây là ngôi chùa đã có từ lâu, dấu tích còn lại là nền chùa, xung quanh có móng gạch. Gạch nền là loại gạch nung (gạch vồ), là chất liệu chính để xây dựng chùa, nền chùa có chiều dài 9m, rộng 8m. Hiện nay nhân dân xã vẫn còn lưu giữ được quả chuông đồng cổ và còn một mảnh bia đá sót lại, trên bia đá ghi một số chữ Hán đã mờ.

Hiện vật có giá trị là quả chuông đồng nặng khoảng 200 kg, chuông hầu như còn nguyên vẹn. Chuông đúc cầu kỳ, cấu trúc đẹp, theo hình chữ U, quai chuông là đôi rồng giao nhau tạo nên chính thể cân đối. Thân chuông chia thành 4 ô, hoa văn đường diềm mỗi ô có một núm chuông. Trên cùng mỗi ô khắc hai hình hoa cúc to, tổng cộng là 8 bông hoa cúc, trong mỗi bông có một chữ Hán, nội dung cả 8 chữ là “Tạo, chủ, hồng, chung, Hoa Sơn, tự, ký” (Bài ký về việc nấu đúc quả chuông lớn chùa Hoa Sơn).

Bài minh khắc trên quả chuông ghi niên hiệu Lê Vĩnh Thịnh năm thứ 2 (năm 1706). Nội dung cơ bản của bài minh này là ca ngợi cảnh đẹp của quê hương, con người và ý thức trân trọng bảo vệ di sản văn hoá cổ truyền này, khắc tên những người đã có công đức, tiền của làm nên ngôi chùa để lưu truyền hậu thế. Quả chuông và bài minh thật sự là hiện vật cổ quý hiếm. Những dòng đầu tiên của bài minh có những câu sau:

*“Hoa Sơn thắng cảnh*

*Cổ tích danh lam*

*Đất thiêng ưu ái*

*Người sớm siêng năng*

*Uy linh hữu hiện*

*Báo ứng phân minh*

*Nơi này có một”.*

Hiện vật này đã khẳng định đây là vùng đất danh lam thắng cảnh và “Đất thiêng ưu ái” “Đất lành chim đậu”. Hằng năm sau mỗi vụ thu hoạch mùa màng, nhân dân thường đến cầu khấn, cảm ơn trời đất và cầu cho muôn vật tốt tươi, phồn thịnh.

Trên ngọn núi Phja Bjoóc (hay còn gọi là núi Hoa Sơn, núi Cứu Quốc) có một hang đá nằm giữa hai khe núi tại lưng chừng dãy núi Phja Bjoóc gọi là hang Píc Cáy, hang này đã được công nhận là di tích lịch sử văn hoá. Đây là một hang đá khá sâu, xung quanh cây cối rậm rạp, cỏ mọc um tùm. Vào năm 1943 đồng chí Võ Nguyên Giáp và một số đồng chí khác như Nông Văn Quang, Dương Mạc Thạch,... đã đến đây hoạt động và tuyên truyền. Hang đá vừa để sống, sinh hoạt, vừa là để dạy chữ. Hằng ngày các đồng chí trong đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân ra tập quân sự ở một vị trí gọi là Vằng Kheo. Nhân dân ba bản là Píc Cáy, Khuổi Bon, Khuổi Cọ ở gần hang đã bảo vệ và tiếp tế, dẫn đường cho tiểu đội Việt Nam tuyên truyền giải



phóng quân. Từ đó, ba bản này là cơ sở trung kiên của cách mạng (Tuy ba bản này thuộc xã Mỹ Phương, Ba Bể nhưng gần xã Vi Hương nên thuận lợi cho hoạt động bí mật). Tháng 5 - 1945, trên đường từ Cao Bằng về Tân Trào Hồ Chủ tịch đã đi qua và nghỉ chân ở đây. Các đồng chí Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân khi ở đây đã đặt tên cho núi Phja Bjoóc (Hoa Sơn) là núi Cứu Quốc. Núi Cứu Quốc thực sự là ngọn núi có vị trí chiến lược trong cách mạng tháng Tám - 1945 và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thân thánh của dân tộc ta. Từ năm 1939 đến 1943 các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Hoàng Sâm, Mai Trung Lâm, Nông Văn Quang... đã từng ở và hoạt động ở ba bản của núi Phja Bjoóc.

Di tích lịch sử văn hoá khu vực Nà Mẩn thuộc thôn Địa Cát: Vào khoảng đầu tháng 2 - 1945 đồng chí Đàm Quang Trung và các đồng chí Ngọc Trinh, Thái Cao, Trung Hoà đã đến tuyên truyền, hoạt động ở Vi Hương và trọ ở nhà ông Phùng Đức Chung thuộc thôn Bó Lịn. Trên bãi khu đất bằng (hiện nay là ruộng lúa) thuộc thửa ruộng Nà Mẩn đã diễn ra cuộc mít tinh của nhân dân, có cả các chức dịch cũ của Pháp ở địa phương tham gia. Tại cuộc mít tinh này đồng chí Đàm Quang Trung đã cầm lá cờ đỏ sao vàng và phát biểu xác định mục tiêu cách mạng cho nhân dân xã lúc này là: Đánh đổ phát xít Nhật và thực dân Pháp, chúng ta phải đánh Tây, đuổi Nhật để giành chính quyền. Cuộc mít tinh đã tạo ra khí thế cách mạng mạnh mẽ trong nhân dân, làm cho bọn tay sai của Nhật - Pháp hoang mang lo



sợ. Khi đồng chí Đàm Quang Trung chuyển đi đã cử đồng chí Ngọc Trinh ở lại tiếp tục củng cố và phát triển phong trào cách mạng trong xã.

## **2. Truyền thống văn hoá lịch sử**

Trong tiến trình lịch sử, nhân dân xã Vi Hương luôn luôn đoàn kết chinh phục thiên nhiên, chống các loài thú dữ, càn cù lao động, giúp nhau phát triển kinh tế, xây dựng cộng đồng dân cư ngày càng phát triển. Nhân dân xã Vi Hương đã xây dựng được một nền văn hoá tinh thần với nhiều nét đặc trưng, mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Vì vậy, văn hoá tinh thần của người dân nơi đây rất phong phú, ngôn ngữ của người Tày Vi Hương cũng giống như ngôn ngữ chung của người Tày Bạch Thông, Bắc Kạn, trong sáng, giản dị, dễ hiểu. Năm 1960 Đảng và Nhà nước đã giúp đồng bào Tày xây dựng hệ thống chữ Tày theo lối viết chữ quốc ngữ. Ngày nay người Tày ở Vi Hương vẫn sử dụng tiếng Tày trong giao tiếp hằng ngày. Đây vừa là bản sắc vừa là nét đẹp văn hoá truyền thống luôn được giữ gìn và phát huy.

Về văn học dân gian, trải qua quá trình lao động sản xuất và đấu tranh, nhân dân các dân tộc Vi Hương đã sáng tác và hát lượn những vần thơ ca trữ tình mượt mà, ấm áp. Nền văn hoá dân gian của người dân nơi đây khá đa dạng về thể loại như: Hát then, hát lượn, hát ví, phong slur... đã phản ánh mọi mặt sinh hoạt, tâm tư, nguyện vọng của người dân, ca ngợi cảnh đẹp thiên nhiên, thể hiện tình yêu quê hương đất nước, sự lạc quan, tinh thần chiến đấu chống

thiên nhiên, chống tệ nạn xã hội, bất công và chống giặc ngoại xâm.

Văn hoá tín ngưỡng tâm linh của người dân xã Vi Hương mang đậm tính dân gian bản địa. Gia đình nào cũng có bàn thờ tổ tiên được đặt ở nơi trang trọng. Người Tày quan niệm tổ tiên là cõi vô hình nhưng linh hồn không thể mất. Linh hồn các cụ quá cố vẫn lui tới bàn thờ chứng kiến những việc làm, lòng thành của con cháu, thể hiện trong các dịp lễ, tết, giỗ chạp hằng năm. Vì vậy đã từ lâu đời, tục thờ cúng tổ tiên luôn được duy trì và giữ vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh, nhằm giáo dục con cháu tưởng nhớ đến công sinh thành, dưỡng dục, quá trình phát triển của dòng họ và mỗi gia đình. Trong các dịp lễ, tết mọi gia đình đều làm bánh cúng tổ tiên, vào dịp tết Nguyên đán có bánh chưng, bánh khảo, bánh bòng... tết Mừng 3 tháng 3 có bánh chưng kiến, tết Mừng 5 tháng 5 làm bánh gio, tết rằm tháng Bảy có bánh gai...

Văn hoá tâm linh của người dân tộc Tày nơi đây còn được thể hiện rất rõ trong dịp “Tảo mộ” vào ngày mừng 3 tháng 3 âm lịch hằng năm. Dù đi đâu, ở đâu, đến dịp này người dân đều hướng về quê hương, đến thắp hương, dâng lễ, tham gia tu bổ, sửa sang lại mộ phần của tổ tiên. Trẻ em cũng được theo cha mẹ hay ông bà đi tảo mộ, để con cháu nhớ về nguồn cội, kính trọng, biết ơn ông bà, tổ tiên.

Từ xa xưa, người dân Vi Hương đã sinh sống gắn bó với thiên nhiên, với thôn xóm, rừng núi, đồng ruộng... Cho đến ngày nay nhiều tập quán phong tục, lễ hội vẫn còn

mang đậm nét truyền thống xưa kia. Đến dịp tết Nguyên Đán là dịp các thôn bản đều được sửa sang quét dọn sạch sẽ ngay từ những ngày cuối tháng chạp của năm cũ. Khu vực xung quanh nhà được phát quang dọn sạch. Các vật dụng trong gia đình cũng được lau chùi, cọ rửa chu đáo và mua sắm thêm để đón năm mới. Những ngày này các gia đình thường gói bánh chưng, bánh gio, làm bánh khảo, bánh bồng, có gia đình còn mổ lợn. Từ trẻ đến già, nam nữ thanh niên đều mặc áo mới đầu năm. Ngày 30 tết, mỗi gia đình thường dựng cây nêu trước nhà mình, đó là một cây tre hoặc mai, vầu còn giữ phần ngọn có lá và cao khoảng 4 đến 5 mét. Có nhà còn dán giấy đỏ, hoặc treo một số vật dụng vào phần ngọn cây nêu, thể hiện mong muốn, hy vọng cho gia chủ với một năm mới bình an, may mắn, xua đuổi ma quỷ và để những người đã khuất biết đường về ăn tết cùng con cháu.

Trong những ngày này đồng bào rất sôi nổi tham gia các hoạt động mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc như: Tung còn, đánh quay, kéo co, chơi cờ, chọi gà... Đây là dịp nhân dân các dân tộc bày tỏ tình thân ái đoàn kết, trai gái giao duyên tìm bạn, thể hiện nét văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc.

Song song với việc giữ gìn, duy trì các phong tục tập quán truyền thống, người dân Vi Hương rất quan tâm đến sinh hoạt văn hoá lễ hội. Hằng năm nhân dân toàn xã thường tổ chức lễ hội “Lồng tồng” (xuống đồng), lễ hội này được tổ chức vào đầu xuân, trước đây được tổ chức



vào ngày 18 tháng Giêng âm lịch, gần đây chuyển sang tổ chức vào ngày mùng 8 tháng Giêng âm lịch. Địa điểm được tổ chức hiện nay của hội Lồng tông là khu Nà Lại thôn Đon Báy. Đây là lễ hội truyền thống của dân tộc Tày, về cơ bản nội dung và hình thức tổ chức ở các vùng miền đều giống nhau.

Mục đích cơ bản của lễ hội “Lồng tông” là mong ước cầu cho một năm mới mưa thuận, gió hoà, mùa màng bội thu, bản làng bình yên, mọi người khoẻ mạnh. Lễ hội cũng là dịp để mọi người cùng nhau vui chơi, tham gia văn hoá, văn nghệ... thể hiện tinh thần đoàn kết cộng đồng. Mọi người đều nhiệt tình tham gia lễ hội với niềm mong ước cho một năm cũ qua đi và mở ra một năm mới no ấm, sung túc hơn. Trước ngày lễ hội, các gia đình đều quét dọn nhà cửa, xóm làng sạch sẽ, chuẩn bị đồ ăn, thức uống để đón khách.

Vào ngày hội “Lồng tông”, Lễ hội diễn ra có hai phần: Phần Lễ và phần Hội.

Để dâng lễ vật, các gia đình (hoặc các bản) đều có mâm cỗ bày lễ vật theo khả năng, mang hàm ý phô bày sự khéo léo của người phụ nữ trong việc nội trợ, nấu nướng các món ăn truyền thống như: Bánh khảo, bánh chưng, bánh dày, chè lam, bánh bồng, bánh hoa... lễ vật không thể thiếu là gà thiến luộc, thịt lợn quay, xôi, bánh chưng, bánh khảo.

Lễ khấn, do các thầy tào chủ trì, mở đầu là không khí trang nghiêm khi người chủ lễ đọc bài khấn cảm ơn các vị thần phù hộ nhân dân làm ăn no đủ, cầu cho vụ tới mưa thuận, gió hoà, mùa màng bội thu hơn nữa.



Sau phần lễ là phần hội với không khí vui nhộn náo nức, trong tiếng hát then hoà cùng tiếng đàn tính. Các trò chơi truyền thống đặc sắc được tổ chức như: Múa sư tử, múa võ, chơi cờ, đánh vật, đánh yến, đi cà kheo. Đặc biệt nhất là trò chơi tung còn, đây là trò chơi đặc sắc nhất trong các trò chơi dân gian.

Để chuẩn bị cho hội tung còn, người dân dựng một cây mai cao từ 15 đến 20 mét dựng trên một đám ruộng bằng phẳng, rộng nhất. Trên đỉnh cột có uốn một vòng tròn, đường kính từ 50 đến 60 cm. Dán giấy hai bên (đề chữ nhật - nguyệt, tượng trưng cho mặt trời và mặt trăng) hoặc dán một vòng tròn đồng tâm bằng giấy màu khác làm tâm điểm. Quả còn được các cô thiếu nữ khâu, quả còn hình vuông hay chữ nhật, bên trong đựng hạt bông, hay hạt thóc, hoặc hạt đậu xanh (nói chung phải là hạt giống). Quả còn được đính các dây có tua ngũ sắc dài từ 1m hoặc hơn.

Yêu cầu của trò chơi ném còn là phải tung còn vào trúng hồng tâm, phải làm thùng vòng tròn trên cây cột. Nếu có người tung trúng và làm thùng hồng tâm, thì theo quan niệm của người dân là năm đó làm ăn mới thuận lợi, mưa gió thuận hoà. Nếu cả cuộc chơi không ai ném trúng vòng tròn thì dân không vui, buộc ông thầy tào phải làm phép đục thùng vòng tâm mới được.

Như vậy tung còn đòi hỏi cả sức khoẻ và sự khéo léo, tài nghệ. Trong trò chơi này nam nữ thanh niên đứng đối diện tung còn cho nhau, thi thố, không khí náo nhiệt, vui nhộn.

Đây là một trò chơi mang tính phần thực rất đặc sắc, thể hiện sự kết hợp âm dương để tạo ra nòi giống kẻ cả người và vạn vật sinh sôi phát triển.

Bên cạnh các trò chơi đó thanh niên nam nữ còn tổ chức biểu diễn văn nghệ với các tiết mục đặc sắc như: Hát then, hát lượn và các bài hát của các làn điệu dân ca mọi miền đất nước.

Ai từng dự hội “Lồng tồng” sẽ không thể quên được không khí lễ hội say lòng người, cảnh sắc phong phú đẹp mắt, hoà quyện trong tình thân ái, đoàn kết, yêu thương. Những ấn tượng sâu sắc ấy sẽ được lưu giữ mãi.

*Truyền thống yêu nước chống ngoại xâm:* Nhân dân xã Vi Hương cũng như nhân dân các dân tộc mọi vùng miền khác của huyện Bạch Thông ngay từ những năm đầu công nguyên đã tham gia cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng chống lại ách đô hộ của nhà Hán. Qua 10 thế kỷ đấu tranh chống bọn phong kiến phương Bắc đã làm cho ý thức độc lập, tự chủ càng được nêu cao và sự đoàn kết thống nhất, gắn bó giữa các cộng đồng dân cư và các tộc người càng được tăng cường.

Từ thế kỷ thứ 11 trở đi, nhân dân các dân tộc đã ra sức bảo vệ nền độc lập, kiên quyết đánh bại các cuộc chiến tranh xâm lược của ngoại bang. Trong sử sách còn ghi rõ, để chống lại sự xâm lược của nhà Tống, Lý Thường Kiệt đã huy động 5.000 người là con em các dân tộc thiểu số phía bắc, lập thành đạo quân để chống lại giặc Tống xâm lược, trong đó có con em người Bạch Thông và Vi Hương.

Sang triều đại nhà Trần, nhân dân ta đã ba lần chống lại sự xâm lược của nhà Nguyên, vùng Việt Bắc nói chung và Bắc Kạn nói riêng, là nơi xảy ra nhiều cuộc đụng độ giữa nhân dân ta và quân giặc cướp nước.

Trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Minh, nhân dân Bắc Kạn, Thái Nguyên trong đó có nhân dân Vi Hương đã tiến hành nhiều cuộc nổi dậy dưới sự chỉ huy của Trần Nguyên Khang, Nguyễn Đa Bí, Chu Sư Nhan, Bùi Quý Thắng... Đặc biệt là đội quân “áo đỏ”, là đội quân đã được nhân dân các dân tộc miền núi che chở, giúp đỡ, nên đã tiến hành cuộc chiến đấu lâu dài tới 17 năm, gây cho địch nhiều tổn thất.

Sau khi đánh đuổi được giặc Minh, đất nước trở lại độc lập và thịnh vượng dưới triều đại nhà Lê.

Đến cuối triều Lê, vào giữa thế kỷ 16 đất nước ta lại rơi vào cuộc nội chiến giữa tập đoàn phong kiến nhà Mạc (Bắc Triều) và họ Trịnh (Nam Triều). Quân đội nhà Mạc đã dựa vào vùng rừng núi Bắc Kạn, Cao Bằng để chống lại nhà Trịnh. Vi Hương lúc này là nơi đã xảy ra nhiều trận đánh huyết chiến giữa hai thế lực Mạc - Trịnh. Cuộc chiến của hai tập đoàn phong kiến này đã làm cho người dân phải chịu bao thống khổ. Nhưng cũng qua đó nhân dân càng nhận thức rõ hơn, đâu là tập đoàn phong kiến phản động, đâu là tập đoàn phong kiến đại diện cho nhân dân. Chính vì vậy sau này khi Nùng Văn Vân phát cờ khởi nghĩa (1833 - 1835) chống lại chế độ phong kiến nhà Nguyễn hủ bại, nhân dân Bạch Thông nói chung và nhân dân Vi



Hương nói riêng đã tích cực ủng hộ, họ đã cho con em mình tham gia nghĩa quân, làm cho vua quan nhà Nguyễn vô cùng hoảng sợ.

Cũng trong thời kỳ này, trước sự suy vong của triều đình phong kiến nhà Nguyễn, các toán quân Thanh tràn qua biên giới, thâm nhập Việt Nam, chiếm đóng nhiều vùng ở Việt Bắc. Nhân dân Vi Hương cùng với nhân dân các vùng quê xung quanh đã tích cực tổ chức và đấu tranh kiên cường chống các toán quân “cờ trắng”, “cờ vàng” của quân Thanh để bảo vệ Tổ quốc và bảo tồn sự sống của mình.

Với truyền thống cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất và sinh hoạt văn hoá, nhân dân các dân tộc Vi Hương từ bao đời nay đã đoàn kết, tương thân, tương ái, đùm bọc và đấu tranh để bảo tồn và giữ gìn bản sắc văn hoá và bảo vệ quê hương, phát huy những giá trị quý báu trong truyền thống dựng nước và giữ nước nơi đây. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) của Đảng về “Xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc”, Đảng bộ và nhân dân Vi Hương đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt nội dung Nghị quyết đến toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân; chỉ đạo triển khai công tác xây dựng và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá truyền thống, các phong tục, tập quán văn hoá vật thể, văn hoá phi vật thể nhằm giáo dục truyền thống văn hoá dân tộc, giáo dục lòng yêu nước, ý thức tự lực, tự cường, đoàn kết tương trợ lẫn nhau trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội Vi Hương ngày càng giàu mạnh.

## **CHƯƠNG II**

### **CHI BỘ ĐẢNG XÃ VI HƯƠNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1946 - 1954)**

#### **I. NHÂN DÂN VI HƯƠNG DƯỚI ÁCH THỐNG TRỊ CỦA THỰC DÂN PHÁP VÀ CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN TRONG CÁCH MẠNG THÁNG 8 - 1945**

##### **1. Chính sách thống trị của thực dân Pháp**

Do thái độ bạc nhược của triều đình Huế, nhiều vùng đất của nước ta đã dần dần rơi vào tay thực dân Pháp, với Hiệp ước Ácmăng năm 1883 và Hiệp ước Patonôt năm 1884, thực dân Pháp đã thôn tính toàn bộ đất nước ta. Tuy nhiên ở các tỉnh miền núi phía Bắc, quân Pháp luôn bị chặn đánh, bị tiêu diệt bởi các lực lượng yêu nước của nhân dân địa phương, nên việc chiếm đóng đặt ách thống trị của Pháp ở các tỉnh này muộn hơn ở đồng bằng Bắc bộ.

Sau khi chiếm được Thái Nguyên vào tháng 5 - 1884, thực dân Pháp định dùng Thái Nguyên làm căn cứ để từ đó đánh chiếm các vùng xung quanh, trong đó có Bắc Kạn, nhưng kế hoạch đó đã vấp phải sự kháng cự của nhân dân vùng Chợ Mới và một số xã khác của huyện Bạch Thông đã kiềm chế bước tiến của quân xâm lược Pháp.

Đến năm 1888, một đội quân của Pháp từ Bảo Lạc (Cao Bằng) tiến xuống phía Nam, ngày 13-2-1888 chúng

chiếm được Chợ Rã, ngày 17-2-1888 quân Pháp chiếm được Ngân Sơn, áp sát các xã của huyện Bạch Thông.

Năm 1891 quân Pháp từ Lạng Sơn tiến vào Yên Lạc chiếm Na Rì và các xã phía Bắc của Bạch Thông, như vậy quân Pháp chỉ còn cách Vi Hương khoảng 30 đến 40 km.

Ngày 23-11-1892 quân Pháp từ Ngân Sơn phối hợp với lực lượng của chúng ở Na Rì tiến xuống Bạch Thông, trong đó có Vi Hương đã bị thực dân Pháp chiếm đóng. Chúng cho quân lập đồn bốt, tìm kiếm bọn tay sai, thiết lập ách thống trị của chúng.

Đặc điểm chung chính sách thống trị của thực dân Pháp ở các vùng núi lúc này là thiết lập song song hai hệ thống cai trị, là hệ thống quân sự và hệ thống hành chính.

*Về hệ thống quân sự:* Ở cấp châu, đứng đầu là châu đoàn, ở cấp tổng có tổng đoàn, ở cấp xã có xã đoàn và lính đồng. Lực lượng quân sự này được trang bị vũ khí, là công cụ vừa có tác dụng răn đe vừa trực tiếp đàn áp các cuộc đấu tranh của nhân dân ta. Khi cần thiết chúng còn đặt thêm chức châu úy ở Phủ Thông và Bằng Khẩu để tăng cường thêm cho lực lượng quân sự ở vùng xung yếu.

*Về hệ thống hành chính:* Đứng đầu cấp châu là Tri châu, ở cấp tổng là Chánh tổng, cấp xã là Lý trưởng, Phó lý. Từ năm 1931 Pháp kiện toàn bộ máy hành chính ở cơ sở và thành Hội đồng kỳ mục.

Tại các bản rẻo cao đồng bào dân tộc Dao sinh sống, thực dân Pháp còn thiết lập một hệ thống cai trị riêng,



nhằm kiểm soát chặt chẽ và hiệu quả hơn đối với tình trạng du canh du cư. Ở cấp châu đặt ra chức quản chiêu, phó quản chiêu, ở cấp tổng có chánh mán và cấp cơ sở có động trưởng. Những người giữ các chức vụ này đều do Pháp chỉ định.

Trong bộ máy hành chính ở cấp xã vùng có người Tày sinh sống nói chung và Vi Hương nói riêng, thực dân Pháp phân định chức trách cụ thể với từng chức danh như sau:

- Lý trưởng là người phụ trách hành chính toàn xã, đứng đầu chính quyền xã. Phó lý là người giúp việc cho lý trưởng.

- Xã đoàn là người chỉ huy lính đồng toàn xã, số lính này khoảng hai tiểu đội có trang bị vũ khí.

- Trương tuần là người phụ trách việc tuần tra, canh gác, giữ gìn an ninh toàn xã.

- Thủ bạ là người phụ trách về theo dõi sinh, tử, những thay đổi về dân số.

- Kỳ mục là người có nhiệm vụ tham gia góp ý kiến về công việc quản lý của thôn xã.

- Xã lộ là người theo dõi việc làm đường, quản lý đường xá. Bên cạnh xã lộ còn có một người giúp việc gọi là khán lộ.

- Trưởng lâm là người quản lý rừng, chủ yếu là thu thuế và thu nông lâm thổ sản.

- Thôn trưởng là người phụ trách hành chính của mỗi thôn.

Với hệ thống quân sự và hành chính này, thực dân Pháp và bọn phong kiến tay sai đã thực hiện chính sách chuyên chế, khủng bố, kìm kẹp với nhiều hình thức và thủ đoạn quân sự, chính trị để thực hiện âm mưu chia rẽ, phá hoại sự đoàn kết cộng đồng, nhằm vơ vét, bóc lột và khai thác cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên.

Một trong những hình thức bóc lột chủ yếu của thực dân Pháp đối với đồng bào ta là đặt ra các thứ thuế vô lý và chế độ phu phen tạp dịch nặng nề.

Về thuế, thứ thuế được coi là nặng nề nhất, dã man nhất là thuế đinh và thuế điền. Tất cả những người đàn ông từ 18 tuổi đến 60 tuổi phải nộp thuế đinh, mức đóng chia làm hai loại: Loại có tài sản là 3 đồng một người một năm; còn loại không có tài sản 1,5 đồng một người một năm. Còn thuế điền chia làm ba loại: Loại ruộng nhất đẳng điền là 7 đồng một mẫu/năm; loại nhị đẳng điền là 5 đồng một mẫu/năm, loại tam đẳng điền 4 đồng một mẫu/năm<sup>(1)</sup>. Để kiếm được thêm tiền bọn chức dịch thường gian lận bằng các thủ đoạn gia đẳng, tức đánh tráo loại thấp lên loại cao, buộc người nông dân phải đóng nhiều lên.

Bên cạnh hai loại thuế đinh, thuế điền, thực dân Pháp còn đặt ra các thứ thuế vô lý khác như: Thuế lâm thổ sản,

---

<sup>(1)</sup> Giá gạo năm 1931 là 4,6 đồng đến 5 đồng 1 tạ.

thuế nền nhà... người dân miền núi đã từ lâu đời, ngoài làm ruộng họ phải dựa vào tài nguyên rừng để sinh sống, người dân muốn vào rừng để khai thác gỗ hay kiếm lâm thổ sản phải mua giấy phép và sau khi khai thác được lâm thổ sản phải bán cho chúng theo giá do Pháp quy định.

Không phải chỉ mức thuế cao, mà mức thuế còn luôn luôn thay đổi, biến động, chỉ tăng không giảm. Trong thời gian chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945) thuế thân tăng 3 lần, thuế điền tăng 50 phần trăm. Nếu ai không đủ tiền nộp thuế thì bị tù, bị đánh đập, nhiều người buộc phải bán ruộng và trở thành tá điền làm không công cho địa chủ.

Thực dân Pháp tăng cường vơ vét, bóc lột nhân dân ta không chỉ ở chế độ thuế khoá nặng nề và tàn bạo, chúng còn thực hiện chế độ độc quyền buôn bán rất bất công về bán muối, rượu cồn, thuốc phiện. Mặc dù nghèo túng, thậm chí không uống, nhưng hằng năm người dân phải mua rượu của chúng với số lượng do chúng quy định, mua muối ăn với giá cao và tệ nạn thuốc phiện đã làm cho nhiều gia đình kiệt quệ, bại sản, cơ thể thanh niên suy nhược, ảnh hưởng lớn đến giống nòi sau này.

*Về phu phen tạp dịch:* Thực dân Pháp thực hiện chính sách phu phen rất bất công, chúng quy định mỗi người đàn ông trong độ tuổi phải đi phu mỗi năm 2 lần, mỗi lần từ 10 đến 12 ngày và phải tự túc lương thực. Trong những ngày đó dân phu phải làm việc hết sức nặng nhọc với những công việc rất vất vả như: Vận chuyển đồ đạc, khiêng quan



lại đi công cán, xây đồn bốt, làm cầu đường, ai ốm đau cũng không được nghỉ, ai nghỉ hoặc không làm được thì bị đánh đập, có người bị đánh đến thành tàn tật suốt đời. Năm 1935 thực dân Pháp xây dựng sân bay Bắc Kạn, chúng huy động nhiều dân công ở tất cả các địa phương trong tỉnh. Chế độ phu phen tàn bạo, điều kiện lao động nặng nhọc, thời tiết khắc nghiệt, giữa vùng trống trải không bóng cây lại đói khát, bị đánh đập... là một nỗi kinh hoàng đối với người dân phu.

Bằng rất nhiều thủ đoạn vợ vét và bóc lột như vậy, tài nguyên thiên nhiên của Vi Hương cũng như của nhiều vùng quê khác của Bạch Thông bị cạn kiệt, làng bản xơ xác, đời sống nhân dân bần cùng, tuyệt đại đa số các gia đình đều thiếu ăn từ 6 đến 8 tháng trong một năm. Đồng bào ta phải tìm kiếm củ mài, củ bầu, củ nâu, chặt cây đào, cây báng để lấy bột ăn trong những ngày giáp hạt. Do thiếu dinh dưỡng, bệnh dịch phát triển hoành hành như sốt rét, bệnh đậu mùa trở thành kinh niên. Trẻ em bủng beo, còi cọc, hiện tượng hữu sinh vô dưỡng đã gây bao đau khổ cho nhân dân. Thực dân Pháp không quan tâm đến sinh mệnh của người dân Việt, không đào tạo cán bộ y tế. Toàn châu Bạch Thông chỉ có 1 y tá, 1 nữ hộ sinh, số cán bộ y tế này chỉ phục vụ cho bọn thống trị, bọn quan lại, nhân dân hoàn toàn không được hưởng. Khi bị ốm đau người dân tự tìm thuốc Nam hay thuốc Đông y, hoặc bằng kinh nghiệm của mỗi người tự tìm các cây thuốc quanh bản, ngoài rừng núi để chữa. Còn

các thầy thuốc Nam và Đông y trong  
nhưng không nhiều, do điều kiện kinh  
có đủ tiền mua thuốc chạy chữa bệnh.  
không khỏi, nhiều gia đình đã tin vào b  
dị đoan phát triển đã gây bao thống kh  
Thầy bói đến trị ma, chẳng những bệnh kh  
“tiền mất, tật mang”.

*Về văn hoá xã hội:* Về mặt văn hoá, chính  
thực dân Pháp ở các thuộc địa trên lĩnh v  
đục là chính sách “ngu dân”, nhằm kìm hãm  
ng vòng ngu dốt lạc hậu. Chúng mở rất ít trư  
uyện Bạch Thông chỉ có 2 trường tiểu học là c  
và thị trấn Phủ Thông. Ở Vi Hương khô  
vậy hầu hết nhân dân không biết chữ. Đến  
Hương mới có lớp vỡ lòng dân lập và sau đó  
hai thuộc cấp I. Đến năm học 1963 - 1964 m  
chính tại xã.

việc kìm hãm sự phát triển giáo dục, thực  
phong kiến tay sai còn duy trì các tệ nạn  
nước phen, nạn cờ bạc... đồng thời còn ru  
r các trò chơi như: Thi leo cột mỡ, liếm  
nh miệt thị dân tộc.  
hống trị tàn bạo và phản động của  
sống của nhân dân các dân tộc Vi  
ng tình trạng nghèo đói, bệnh tật,  
bị sách nhiễu bằng các thứ thuế

phu phen, tạp dịch. Vì vậy mâu thuẫn xã hội ngày càng gay gắt, sẵn có truyền thống đấu tranh bất khuất với lòng yêu nước và tinh thần độc lập dân tộc, nhân dân ta đã liên tục đứng lên chống ách thống trị của chế độ thực dân phong kiến...

## **2. Phong trào đấu tranh chống Pháp và giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám - 1945**

Vi Hương là một xã gần đường quốc lộ và thị trấn Phủ Thông, do vị trí thuận lợi về giao thông và thông tin nên sớm chịu tác động và ảnh hưởng của các cuộc đấu tranh chống Pháp ở các địa phương khác thuộc tỉnh Bắc Kạn.

Năm 1904 đồng bào Dao ở xã Cao Sơn, Tân Sơn (Bạch Thông) đã đứng lên đấu tranh chống chính sách sưu cao thuế nặng của thực dân Pháp, tiếng vang của cuộc đấu tranh này đã ảnh hưởng đến nhiều vùng, có tác dụng thúc tỉnh đồng bào ta.

Năm 1914, những người tù ở trại giam Bắc Kạn của Pháp do Lý Thảo Long cầm đầu, được một số binh lính khổ xanh đồng tình đã nổi dậy tiến công quân Pháp, nghĩa quân đã giải phóng tù nhân, làm chủ thị xã Bắc Kạn. Thực dân Pháp phải tập trung lực lượng, điều quân từ nhiều nơi khác đến để đàn áp. So sánh tương quan lực lượng không có lợi, nghĩa quân phải rút khỏi thị xã Bắc Kạn, sau đó phân tán lên các xã thuộc địa bàn phía Bắc huyện Bạch Thông, trong đó có Vi Hương, một số vào Na Rì, một số lên các xã của Ngân Sơn, Chợ Rã.



Qua những sự kiện trên, sự giác ngộ và tinh thần đấu tranh chống Pháp ngày càng được nâng lên.

Năm 1930 Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đã có sự lãnh đạo cách mạng của Đảng chân chính, thống nhất khắp cả nước. Vì vậy phong trào chống Pháp của nhân dân ta ngày càng sôi nổi, rộng khắp, trong đó có các địa phương miền núi và vùng dân tộc ít người.

Tại huyện Bạch Thông, trong những năm 1932 - 1934 đã diễn ra phong trào chống thuế của nhân dân hai tổng Hà Vị và Nông Thượng. Nhân dân nơi đây đã đưa đơn kiện bọn quan lại địa phương lên tận Phủ toàn quyền ở Hà Nội. Cuộc đấu tranh đó lôi cuốn nhân dân nhiều xã ở tổng Phương Linh, trong đó có Vi Hương. Nhân dân ta thời kỳ này đều nhận thấy rằng chính sách thuế của Pháp là bất công, vô lý không thể chấp nhận, từ đó sẵn sàng đứng lên đấu tranh.

Thời kỳ 1936 - 1939 nổi lên cao trào vận động dân chủ, đòi các quyền lợi dân sinh, dân chủ, chống chiến tranh, chống phát xít, bảo vệ hoà bình. Trước làn sóng đấu tranh mạnh mẽ của dân chúng, thực dân Pháp buộc phải nói rộng một số quyền tự do dân chủ, nên các tờ báo tiến bộ và một số tài liệu của Đảng Cộng sản Đông Dương đã được phổ biến rộng rãi trong quần chúng. Nhờ đó những tư tưởng tiến bộ dần dần được thâm nhập vào các địa phương miền núi, tới các vùng xa xôi hẻo lánh. Đồng bào ngày

càng hiểu rõ đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận dân chủ Đông Dương, hiểu rõ hơn bản chất phản động của chế độ thuộc địa và bọn phong kiến tay sai. Sự giác ngộ này chuẩn bị cho nhân dân tiến lên đấu tranh ngày càng quyết liệt với bọn thực dân, phản động và bọn phát xít xâm lược trong các thời kỳ sau.

Từ năm 1935, thực dân Pháp xây dựng sân bay Bắc Kạn, để sớm hoàn thành sân bay quan trọng này, thực dân Pháp đã huy động một lực lượng lớn dân phu của tất cả các xã trong toàn tỉnh, đảm bảo lúc nào cũng có khoảng 800 người làm việc trên sân bay. Sân bay được xây dựng trên một vùng đất rộng, bằng phẳng, không một bóng cây, người dân phu làm việc trong điều kiện khắc nghiệt, nặng nhọc, nóng bức lại luôn bị đánh đập, đe dọa. Nên nhân dân đã sử dụng nhiều hình thức để đấu tranh như tìm cách trốn đi phu, còn những người trốn không được đã đến địa điểm buộc phải làm việc thì tìm cách bãi công, nghỉ việc, lãn công... kết quả kế hoạch dự kiến của Pháp không đạt được, chúng phải kéo dài 5 năm mới hoàn thành sân bay Bắc Kạn.

Đầu tháng 9-1939, chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, nước Pháp bị cuốn vào vòng xoáy của cuộc chiến. Bọn Pháp ở Đông Dương đã thi hành chính sách phản động để đối phó với chiến tranh, chúng ra sức đàn áp, khủng bố, xóa bỏ các quyền tự do dân chủ thời kỳ 1936 - 1939, đồng thời

tăng cường vơ vét, bóc lột của cải để ném vào cuộc chiến tranh. Đặc biệt, bọn thống trị của Pháp ở Đông Dương đã ra lệnh tổng động viên và thực hiện chính sách “Kinh tế chỉ huy” nhằm vơ vét tối đa sức người và sức của phục vụ cho chiến tranh.

Cuối tháng 9-1940 phát xít Nhật chiếm Đông Dương. Thực dân Pháp bạc nhược, từng bước dâng Đông Dương cho Nhật. Nhật - Pháp cấu kết với nhau để thống trị Đông Dương. Nhân dân ta sống trong tình cảnh “một cổ hai tròng” chịu ách đô hộ cả hai kẻ thù phát xít Nhật và thực dân Pháp.

Thực hiện chính sách phản động thuộc địa, bọn quan lại ở Bạch Thông ra sức tăng thuế, thuế đinh tăng từ 2,50 đồng lên 3,70 đồng, rồi lên 5 đồng một người một năm. Còn thuế điền chúng gộp cả ba loại thuế làm một và tăng 50 phần trăm. Thuế nương rẫy tăng từ 0,15 đồng lên 0,30 đồng. Nhiều thứ thuế vô lý được đặt ra như thuế trâu, thuế chó, thuế nền nhà, thuế đất ở... để vơ vét thật nhiều phục vụ cho chiến tranh. Ngoài ra chúng còn tăng giá các mặt hàng thiết yếu đối với đời sống hằng ngày của đồng bào ta như: Diêm, muối, vải, dầu thắp... đồng thời hạ giá thu mua các mặt hàng nông sản như: Thóc, gạo, lạc, vừng và các nông sản khác.

Những chính sách về kinh tế, chính trị trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ hai của Pháp đã đè nặng lên đời sống nhân dân các dân tộc, làm cho mọi người bất bình



căm phẫn. Vì vậy phong trào đấu tranh chống Pháp, Nhật của nhân dân ngày càng mạnh mẽ, tiêu biểu là cuộc đấu tranh chống đi phu làm đường vào năm 1938 - 1939.

Để tăng cường kiểm soát các địa phương trong tỉnh, thực dân Pháp chủ trương mở rộng các con đường từ tỉnh lỵ đến các huyện, như từ thị xã Bắc Kạn đến Chợ Đồn, Chợ Rã... Để làm đường chúng ra sức bắt phu ở Bạch Thông trong đó có xã Vi Hương bị huy động đi phu liên miên, mỗi người đàn ông trong độ tuổi đều bị bắt buộc đi làm đường từ hai đến ba lần trong năm và làm liên như vậy trong ba năm từ 1938 đến năm 1940.

Người dân phu bị bắt làm đường rất nặng nhọc và luôn bị đánh đập, bị phạt tiền đã tạo nên sự căm phẫn của người dân ngày càng cao, họ không cam chịu nữa, số người đứng lên đấu tranh ngày càng đông đảo, nhất là dân phu thuộc tổng Phương Linh và Hà Vị. Yêu sách chủ yếu của dân phu là phải được trả tiền công và phản đối hành vi bạo ngược của bọn quan lại. Anh em dân phu đã phát đơn kiện lên quan tỉnh, nhưng không được giải quyết. Họ quyết định về Hà Nội đệ đơn kiến nghị lên toà Khâm Sứ. Để có tài chính chi phí đi đường, nhân dân các xã Vũ Muộn, Sĩ Bình, Phương Linh, Vi Hương, Tòng Lạnh, Tú Trĩ, Cẩm Giàng, Lục Bình, Quân Bình... tổ chức quên góp được 200 đồng để làm lộ phí cho những người đại diện đi Hà Nội. Đến Hà Nội, đoàn đại diện đã đưa đơn kiến nghị lên Bộ Thanh tra lao động, chúng buộc phải chuyển đơn sang toà Thống sứ, bọn thực dân Pháp ở Hà Nội hứa sẽ hỏi tội bọn quan lại địa

phương và đồng ý trả tiền công cho anh em phu làm đường theo ba loại: Loại khỏe 0,4 đồng một ngày công; loại trung bình 0,18 đồng một ngày công; loại yếu và phụ nữ 0,15 đồng một ngày công. Nhưng một thời gian dài vẫn không được giải quyết, anh em phu lại kéo lên Châu ly đấu tranh. Lúc này Tri châu đàn áp trắng trợn hơn, bắt giam luôn hai người phu. Mâu thuẫn ngày càng gay gắt, anh em phu đấu tranh càng quyết liệt, cuối cùng buộc chúng phải thả hai người bị bắt và chấp nhận trả cho anh em phu mỗi ngày 0,18 đồng. Tên Tri châu Bạch Thông bị chuyển đi nơi khác.

Đến năm 1940, chiến tranh thế giới thứ hai đang ở giai đoạn quyết liệt. Tháng 9-1940 quân Nhật đã tiến vào đất Lạng Sơn, quân Pháp chống cự yếu ớt, thua chạy. Một bộ phận quân Pháp từ Lạng Sơn về Thái Nguyên qua vùng Bắc Sơn, bị nhân dân Bắc Sơn đánh chặn thu được nhiều vũ khí đạn dược. Phát huy thắng lợi đạt được, nhân dân Bắc Sơn (Lạng Sơn) đã đứng lên khởi nghĩa ngày 27-9-1940 và tiếp tục đấu tranh du kích kéo dài 8 tháng từ (tháng 7-1941 đến tháng 2-1942) ở Bắc Sơn và Võ Nhai (Thái Nguyên). Tiếng súng Bắc Sơn, Võ Nhai trong thời kỳ này đã có tác dụng khích lệ nhân dân các vùng khác đứng lên đấu tranh chống thực dân Pháp để giành quyền độc lập.

Sau cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, thực dân Pháp đã cấu kết với phát xít Nhật đàn áp dã man nhân dân Bắc Sơn, Võ Nhai, làm cho nhân dân ta rất căm phẫn. Đặc biệt khi thực dân Pháp và bọn tay sai bắt được đồng chí Phùng Chí Kiên

(Ủy viên Trung ương Đảng, phụ trách quân sự của Đảng) tại Khau Pàn, xã Đức Vân, huyện Ngân Sơn và sau đó sát hại tàn bạo, sự việc đã gây sự căm phẫn cao độ, quá sức chịu đựng của người dân. Nhân dân đã quyết tâm vùng lên đấu tranh một mất một còn với Pháp, Nhật.

Đầu năm 1941, với nhận định sáng suốt và dự kiến đúng đắn về xu thế cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã về nước. Sau ba mươi năm bôn ba ở nước ngoài, vào tháng 2-1941 Nguyễn Ái Quốc về đến Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Tại đây Người đã chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (tháng 5-1941) và quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh. Sự ra đời của Mặt trận Việt Minh đã đoàn kết, tập hợp nhân dân các dân tộc đấu tranh chống Pháp, Nhật. Sau khi thành lập Mặt trận Việt Minh đã nhanh chóng phát triển từ Cao Bằng tới các địa phương khác như Lạng Sơn, Hà Giang, đặc biệt phát triển nhanh xuống phía Nam tới các huyện Ngân Sơn, Bạch Thông của Bắc Kạn. Trong khoảng thời gian từ năm 1942 đến năm 1943, tại các huyện Ngân Sơn, Bạch Thông đã xây dựng được một số cơ sở của mặt trận Việt Minh. Đứng trước tình hình ấy, thực dân Pháp hết sức hoảng sợ, chúng tìm cách ngăn chặn và thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng. Về kinh tế, chúng hạn chế bán muối, diêm, dầu hoả cho đồng bào ở các vùng này. Về chính trị, quân sự chúng tăng cường lùng sục, càn quét và ra sức tuyên truyền lừa bịp để lôi kéo quần chúng nhân dân.



Vi Hương là địa phương có cơ sở cách mạng sớm vì vậy vào tháng năm 1943 đồng chí Võ Nguyên Giáp và các đồng chí Nông Văn Quang, Dương Mạc Thạch... đã đến hoạt động cách mạng tại xóm Píc Cáy (thuộc xã Mỹ Phương, Ba Bể). Để đảm bảo bí mật, đồng bào đã bố trí cho các đồng chí ở hang Píc Cáy, hang nằm giữa hai khe núi ở lưng chừng dãy núi Phja Bjoóc. Là một hang đá sâu, xung quanh nhiều cây cối rậm rạp, cỏ mọc um tùm. Hang Píc Cáy cách bản Píc Cáy không xa. Bản Píc Cáy có 8 gia đình dân tộc Dao sinh sống đã giác ngộ cách mạng. Ông Triệu Hữu Văn là xóm trưởng, là người Dao đỏ yêu nước, giác ngộ cách mạng, ông đã mở lợn đón tiếp các đồng chí cách mạng. Bà Triệu Thị Giàng và Triệu Thị Man, hai nữ thanh niên người Dao ở bản Píc Cáy đã nấu cơm, tiếp tế cho các đồng chí cán bộ cách mạng. Để giữ bí mật các bà đã giả làm người đi rừng, đi nương để tiếp tế lương thực, thực phẩm cho cán bộ. Tại hang này các cán bộ đã tổ chức học tập nghiên cứu tài liệu, dạy chữ và hằng ngày lên khu Vàng Kheo tập quân sự. Khi rút đi, ông Vụ đã đưa đoàn cán bộ đi lên Khưa Quang (Đồng Phúc, Ba Bể), sau đó đưa các đồng chí lên Cao Bằng. Trên đường đi bị lộ, ông Vụ bị giặc bắn chết.

Cuối tháng 12-1943 thực dân Pháp tổ chức cuộc càn quét với qui mô khá lớn vào Nà Lôm, xã Đôn Phong (Bạch Thông), tại đây chúng đã bắt tất cả cán bộ, đảng viên và quần chúng trung kiên về giam ở Pá Danh (Huyện Tụng, Bạch Thông).

Đêm mùng 8-1-1944 bọn tay sai thực dân Pháp đã sát hại đồng chí Đức Xuân ở xã Quân Bình, chúng chặt đầu và đem bêu ở đầu cầu phà thị xã Bắc Kạn. Tiếp sau đó chúng càng điên cuồng khủng bố, nhiều đồng chí cán bộ của ta bị bắt và bị giết, trong đó có đồng chí Bàn Văn Hoan, đang là Phó Chủ nhiệm Ban Chấp hành Việt Minh khu Quang Trung, Bàn Văn Hoan là đồng chí đảng viên dân tộc Dao xuất sắc về vận động quần chúng. Khi giặc bắt, bị tra tấn dã man đồng chí vẫn kiên quyết không khai báo, cuối cùng chúng hèn hạ xử bắn đồng chí tại km số 9 đường Bắc Kạn - Chợ Đồn vào ngày 16-5-1944.

Những tấm gương hy sinh anh dũng của các đồng chí đảng viên cộng sản đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của nhân dân, nhân dân đều hiểu rõ rằng, kẻ thù càng điên cuồng, tàn bạo bao nhiêu thì sự sụp đổ, diệt vong của chúng càng đến gần bấy nhiêu.

Ngày 23-1-1944 Tỉnh bộ Việt Minh Bắc Kạn được thành lập, sự kiện này chứng tỏ bước phát triển mạnh mẽ của phong trào Mặt trận Việt Minh ở Bắc Kạn. Chứng tỏ sự thất bại thảm hại của những hành động điên cuồng tàn bạo của thực dân Pháp, những hành động ấy không thể đè bẹp được ý chí đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta. Từ đó phong trào mặt trận Việt Minh của Bắc Kạn có sự lãnh đạo tập trung thống nhất, tạo ra bước phát triển của phong trào.

Ở một số xã cách Vi Hương không xa như Đôn Phong, Dương Phong, Quang Thuận, các cơ sở cũ của cách mạng được phục hồi nhanh chóng.

Ngày 7-5-1944 tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị: “Sửa soạn khởi nghĩa”. Ngày 10-8-1944 Trung ương Đảng ra lời kêu gọi “Sấm vũ khí đuổi thù chung” đã thúc đẩy phong trào Việt Minh chuyển sang thời kỳ chuẩn bị khởi nghĩa. Ở một số địa phương của Bạch Thông như Đôn Phong, Dương Phong, Quang Thuận, Vũ Muộn... đã thành lập các đội tự vệ, ngày đêm luyện tập. Ở Vi Hương Mật trận Việt Minh đã được thành lập từ cuối năm 1943 do ông Hoàng Văn Bảo làm Chủ nhiệm Mật trận Việt Minh xã đầu tiên. Tháng 3 năm 1945, Đội tự vệ xã cũng được thành lập.

Từ cuối năm 1944 đến đầu năm 1945 chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Ở châu Âu quân phát xít Đức thua chạy, hồng quân Liên Xô truy kích đến tận sào huyệt. Còn ở viễn Đông quân Nhật bị thất bại trên biển Thái Bình Dương, đường biển Nhật không còn, phạm vi chiếm đóng dần bị thu hẹp. Ở Đông Dương quân Pháp lợi dụng tình hình bất lợi của Nhật đã quay lưng chống lại Nhật. Trong tình thế bất buộc, Nhật tiến hành cuộc đảo chính lật đổ Pháp vào đêm mùng 9-3-1945. Quân Pháp thua chạy, Nhật độc chiếm Đông Dương, để giữ con đường duy nhất nối với các miền đất của Đông Nam Á. Cuộc đảo chính Nhật - Pháp đã gây ra khủng hoảng chính trị sâu sắc ở Đông Dương và nhất là ở Việt Nam, tạo điều kiện tổng khởi nghĩa chín muồi nhanh chóng.

Ngay sau đảo chính Nhật - Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã kịp thời ra Chỉ thị lịch sử “Nhật - Pháp bắn



nhau và hành động của chúng ta”. Bản Chỉ thị đã phát động cao trào kháng Nhật cứu nước, đã làm dậy lên một cao trào chống Nhật mạnh mẽ, nhân dân khắp nơi tiến hành khởi nghĩa từng phần, lập chính quyền cách mạng, tích cực xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang.

Ở các địa phương của Bắc Kạn nói chung và Bạch Thông nói riêng, quân Pháp tìm đường bỏ chạy, quân Nhật nhanh chóng chiếm các vị trí của quân Pháp và thiết lập hệ thống cai trị mới.

Ngày 17-3-1945 một đạo quân của Nhật khoảng 500 tên từ Cao Bằng kéo xuống chiếm đóng Bắc Kạn. Chúng bắt một số quan chức trong bộ máy cũ của Pháp và thả một số tù nhân do Pháp giam giữ. Hành động này nhằm lừa bịp nhân dân ta và để tập hợp lực lượng tay sai cho chúng, chuẩn bị cho việc thiết lập bộ máy cai trị cho Nhật ở các địa phương Bắc Kạn. Để làm điều đó, chúng đã thành lập các tổ chức thân Nhật như: “Tỉnh bộ Đại Việt”, “Thanh niên Đại Việt”, nhưng chỉ có một số tên tay sai theo chúng, còn lại nhân dân ta, nhất là vùng nông thôn không ai bị Nhật lung lạc được. Đại bộ phận nhân dân ta bất hợp tác và tìm cách chống lại Nhật. Một số đồn binh của Nhật ở Phủ Thông, Lanh Chang, Nà Tu bị cô lập vì nhân dân đã giác ngộ Việt Minh.

Ngày 23-3-1945 một đơn vị Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân do đồng chí Đàm Quang Trung và đồng chí Hoàng Sâm chỉ huy đã về đến Vi Hương (Bạch Thông),

theo đường từ Ba Bể đi xuống. Các đồng chí đến Vi Hương đã thúc đẩy mạnh mẽ phong trào mặt trận Việt Minh và thành lập chính quyền cách mạng. Đoàn cán bộ ở nhà ông Phùng Đức Chung và Phùng Đức Ngao thôn Bó Lịn. Ngoài đồng chí Đàm Quang Trung, Hoàng Sâm còn có các đồng chí Ngọc Trinh, Thái Cao, Trung Hòa và một số đồng chí khác gồm một tiểu đội.

Đoàn cán bộ đã vận động nhân dân tổ chức cuộc mít tinh trên đám ruộng lớn, thuộc Nà Mặn, đồng bào các xóm đến tham dự đông đảo, kể cả các chức dịch địa phương. Trong cuộc mít tinh đồng chí Đàm Quang Trung thay mặt đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân phát biểu và nêu rõ thời cơ cách mạng đang đến, vận động nhân dân đứng dậy đánh Tây đuổi Nhật giành chính quyền về tay nhân dân. Lần đầu tiên lá cờ đỏ sao vàng pháp phới tung bay trên vùng đất Vi Hương. Sau cuộc mít tinh, một tiểu đội du kích của xã được thành lập do ông Vi Văn Quý phụ trách, đồng thời Chính quyền cách mạng đại diện cho nhân dân của xã cũng ra đời do ông Lương Văn Chu là Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính lâm thời xã Hòa Bình.

Đến tháng 5-1945 đồng chí Hoàng Sâm, Hoàng Thái Sơn, Chu Huy Mân, Nguyễn Xuyên, Đàm Quang Trung, Mai Trung Lâm, Bế Sơn Cương, Nông Quốc Chấn và các đồng chí trong đoàn đi ra Phương Linh, đồng chí Ngọc Trinh ở lại công tác ở Vi Hương thêm một thời gian nữa. Đi theo đồng chí Đàm Quang Trung có các thanh niên xã

Vi Hương giác ngộ cách mạng là Phùng Đức Tông, Ngọc Văn Ninh, Dương Văn Quế, Nông Văn Cầu, Triệu Văn Bảo, Phùng Dương Quan, Dương Văn Cương, Mạc Thiêm Tịnh, Phùng Đức Khuyên...

Từ tháng 5-1945 Nhật đưa tên Nông Ích Diện làm bang tá ở Phủ Thông. Quân Nhật vào Vi Hương dồn dân về sống tập trung ở bản Nà Pái, không cho về bản cũ của mình, để tách dân ra khỏi cơ sở cách mạng. Sống trong trại tập trung luôn bị đe dọa, quản lý gắt gao, hằng ngày người dân phải gánh nước cho chúng, đi làm đường, tải đạn hết sức cực khổ.

Trên khắp các địa phương của Bạch Thông, giải phóng quân phối hợp với tự vệ và du kích các xã đã liên tiếp tổ chức các cuộc tấn công quân Nhật ở Nà Hoan, Phủ Thông. Quân Nhật mất quyền kiểm soát nông thôn, chúng chỉ còn chiếm một số điểm như thị xã Bắc Kạn, Phủ Thông, Nà Cù, Chợ Mới. Từ trung tuần tháng 4-1945, ta chủ trương đẩy mạnh phá hoại giao thông, bưu điện của Nhật, làm nhiều đoạn đường Quốc lộ 3 bị cắt đứt, các cầu cống Nà Cù, Phủ Thông, chân đèo Giàng đều bị phá. Quân Nhật gặp nhiều khó khăn về tiếp tế lương thực, thực phẩm, thuốc men, đạn dược cho các đồn bót. Định rút dần các vị trí về co cụm ở thị trấn Phủ Thông và thị xã Bắc Kạn. Vi Hương và các xã không còn quân Nhật.

Phân khởi và tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng nhân dân Vi Hương hằng hái đóng góp lương thực, thực



phẩm, tích cực giúp đỡ đội tự vệ, du kích và quân giải phóng. Thanh niên nô nức tham gia lực lượng vũ trang. Năm 1945 có 22 thanh niên của xã Vi Hương gia nhập đơn vị giải phóng quân ở Tân trào, Tuyên Quang.

Tháng 5-1945 phát xít Đức bị tiêu diệt, ngày 8-8-1945 đội quân Quan Đông của Nhật bị hồng quân Liên Xô đánh tan ở Mãn Châu (Trung Quốc) buộc Nhật phải đầu hàng đồng minh vô điều kiện. Bọn tay sai của Nhật hoang mang đến cực điểm. Đêm ngày 13-8-1945 bản Quân lệnh số 1 được phát đi từ Tân Trào (Tuyên Quang) hạ mệnh lệnh cho cả nước tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Tại Bắc Kạn và các địa phương của Bạch Thông nhân dân ta đã sẵn sàng đánh Nhật, thanh niên hăng hái tham gia lực lượng vũ trang. Nhân dân mít tinh hô khẩu hiệu hỗ trợ cho lực lượng vũ trang. Trước khí thế của quần chúng nhân dân, quân Nhật run sợ không dám chống cự, chúng bỏ chạy khỏi đồn Phủ Thông, tên bang tá xin hàng giao toàn bộ vũ khí, tài liệu cho tự vệ của Việt Minh. Lực lượng Việt Minh tiến đến Nà Cù, quân Nhật không kháng cự, nhường lối cho ta hành quân vào thị xã Bắc Kạn. Ngày 21-8-1945 Việt Minh chiếm các công sở. Ngày 22-8-1945 ta giải tán trại Bảo an binh và tuyên bố xoá bỏ chính quyền địch. Ngày 23-8-1945 toàn bộ quân Nhật rút khỏi Bắc Kạn, nhân dân ta làm chủ hoàn toàn Bắc Kạn.

Cùng lúc đó ở Phủ Thông diễn ra cuộc mít tinh lớn có đại diện nhân dân tất cả các xã toàn tổng Phương Linh

trong đó có nhân dân Vi Hương tham gia. Cuộc mít tinh thể hiện sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân tộc, chính quyền cách mạng lâm thời huyện được thành lập, mở ra một thời kỳ mới cho nhân dân ta, thời kỳ nhân dân thực sự là người làm chủ đất nước, quê hương, làng bản.

Trong thời kỳ Cách mạng tháng Tám - 1945, Vi Hương có 01 ông là lão thành cách mạng và 15 ông được công nhận là cán bộ tiền khởi nghĩa (xem phụ lục).

## **II. CHI BỘ ĐẢNG XÃ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TIẾN HÀNH CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP**

### **1. Chi bộ Đảng thành lập, lãnh đạo nhân dân xây dựng và củng cố chính quyền, chuẩn bị kháng chiến chống thực dân Pháp**

Sau Cách mạng tháng Tám - 1945, đất nước được độc lập, nhân dân ta từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước. Bản làng đổi mới, nhân dân phấn khởi tự hào, ra sức xây dựng cuộc sống mới và quyết tâm bảo vệ đất nước, bảo vệ độc lập dân tộc và chính quyền cách mạng còn non trẻ.

Tuy nhiên cách mạng nước ta trong những ngày đầu độc lập đứng trước những khó khăn thử thách vô cùng to lớn. Thực dân Pháp lần le trở lại xâm lược, bọn phản động nhất là bọn tay sai của các thế lực ngoại bang như “Việt quốc”, “Việt cách” và các thế lực phản động khác đã ngóc đầu dậy, tìm cách chống phá cách mạng nước ta. Ở Bạch

Thông, trước đây có bọn tay sai của Tưởng đến hoạt động và là nơi có nhiều người Hoa sinh sống như thị trấn Phú Thông. Lợi dụng tình hình ấy, khi quân Tưởng tràn vào miền Bắc nước ta thì tổ chức “Nam dương Hoa Kiều hiệp hội” cũng mọc lên ở khắp nơi trong huyện. Phần lớn người Hoa bị lôi kéo đã đòi trở lại quốc tịch Trung Quốc, họ cắt tóc, cạo trọc đầu để vào “Nam dương Hoa Kiều hiệp hội”, treo cờ “Thanh thiên bạch nhật”, treo ảnh Tưởng Giới Thạch. Chúng còn lôi kéo các phần tử lưu manh trộm cắp tiến hành các hoạt động gây rối trật tự trị an nhằm phá hoại chính quyền cách mạng.

Bên cạnh khó khăn về ngoại xâm nội phản, nhân dân ta còn gặp khó khăn về nạn đói, nạn dốt, nền tài chính trống rỗng, lực lượng cách mạng còn yếu, chính quyền non trẻ.

Trước tình hình ấy, quán triệt Chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc” của Trung ương Đảng ra ngày 25-11-1945, nhân dân ta nhận thức rõ ràng rằng: Nhiệm vụ cơ bản nhất là phải giữ vững nền độc lập, bảo vệ chính quyền cách mạng, đấu tranh kiên quyết với bọn phản động xâm lược và xây dựng đời sống mới của nhân dân. Trong đó vấn đề hàng đầu và bức thiết nhất là xây dựng và phát triển cơ sở Đảng ở địa phương.

Đầu năm 1946, Đảng bộ cấp trên đã cử cán bộ xuống trực tiếp chỉ đạo mọi mặt công tác ở huyện và các xã, nhằm đẩy mạnh giáo dục, tuyên truyền gây dựng cơ sở Đảng cho toàn huyện. Trải qua những năm tháng đấu tranh cách



mạng, nhiều người con của huyện Bạch Thông và các địa phương trong đó có Vi Hương đã trưởng thành, họ luôn luôn trung thành với cách mạng, có tinh thần hăng hái sẵn sàng chịu đựng gian khổ, sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Cũng từ đó sản sinh ra biết bao người con ưu tú có đủ phẩm chất và năng lực của một người đảng viên cộng sản.

Đầu năm 1946, bên cạnh Chi bộ cơ quan huyện ở Bạch Thông, Chi bộ Hoa Sơn - một tổ chức cơ sở đảng đầu tiên ở địa phương đã được thành lập. Hội nghị thành lập Chi bộ Hoa Sơn được diễn ra tại khu rừng Khuổi Luông, xã Vi Hương. Chi bộ gồm có các đồng chí: Thế Trọng, Đinh Ích Cầm, Đinh Văn Cao, Hoàng Bằng, Hoàng Khải Mạc, Hoàng Mạc Ty và đồng chí Tươi (nữ đồng chí người xã Tú Trĩ) do đồng chí Thế Trọng làm Bí thư Chi bộ<sup>(1)</sup>.

Chi bộ Hoa Sơn ra đời là một bước phát triển quan trọng, tạo một bước ngoặt lớn về sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào cách mạng của Vi Hương cũng như một số địa phương khác thuộc các xã phía Bắc của Bạch Thông. Lấy Vi Hương làm trung tâm, dựa vững chắc vào cơ sở quần chúng ở chân núi Phja Bjoóc. Chi bộ Hoa Sơn đã có vai trò quan trọng, có tính chất quyết định lãnh đạo nhân dân các xã Vi Hương, Tú Trĩ, Phương Linh, Sĩ Bình, Vũ Muộn... để dần dần các xã này tiến lên xây dựng cơ sở

---

<sup>(1)</sup> Huyện ủy Bạch Thông (1996), *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông 1930 - 1975*, trang 61.

đảng và lần lượt chi bộ Đảng ở các xã cũng ra đời. Chi bộ Hoa Sơn đã lãnh đạo Chính quyền cách mạng lâm thời của xã do ông Lương Văn Chu làm Chủ tịch, sau khi ông Chu nghỉ, ông Mạc Thiêm Chấn lên thay. Trên cơ sở Chi bộ Hoa Sơn và Chi bộ Cơ quan huyện, Huyện ủy Bạch Thông được thành lập vào giữa tháng 6-1946 do đồng chí Hoàng Mỹ Đức làm Bí thư.

Dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo của Chi bộ Đảng Hoa Sơn, sự nỗ lực của toàn thể cán bộ, đảng viên và được quần chúng nhiệt liệt ủng hộ. Từ đầu năm 1946 nhân dân Vi Hương đã thu được nhiều thắng lợi quan trọng trong việc xây dựng chính quyền, phát triển lực lượng cách mạng và tổ chức đời sống cho nhân dân.

Ngày 6-1-1946, nhân dân các dân tộc rất phấn khởi, tự hào, những công dân từ 18 tuổi trở lên, bất kể trai, gái, già, trẻ, không phân biệt tôn giáo, dân tộc đều được đi bầu cử Quốc hội. Cuộc bầu cử thực sự là ngày hội của nhân dân, mọi người đều nhận thức đầy đủ về quyền lợi và nghĩa vụ trong việc bầu cử, đều có ý thức cao lựa chọn những đại biểu vào Quốc hội của nước Việt Nam mới.

Sau cuộc bầu cử Quốc hội là cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, trong đó có bầu cử Hội đồng nhân dân xã. Kết quả của cuộc bầu cử đã lựa chọn được các đại biểu chính thức vào Hội đồng nhân dân, Hội đồng nhân dân đã bầu ông mạc Thiêm Chấn làm Chủ tịch xã.

Cùng với việc củng cố, kiện toàn chính quyền cách mạng non trẻ và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phong trào cách mạng của quần chúng luôn được đẩy mạnh và không ngừng phát triển. Các tổ chức quần chúng của mặt trận Việt Minh như nông hội, thanh niên, phụ nữ, phụ lão... đều được củng cố và có những chương trình hoạt động cụ thể với nhiều biện pháp, hình thức phong phú, vì vậy các phong trào thi đua đều đạt hiệu quả cao.

Hưởng ứng chủ trương của Chính phủ về “Quỹ độc lập”, “Tuần lễ vàng”, nhân dân Vi Hương đã đóng góp, ủng hộ cho cách mạng nhiều vàng, bạc, của cải quý giá, điển hình là ông Phùng Đức Ngao đã ủng hộ cách mạng 60 đồng bạc trắng cổ quỹ tham gia kháng chiến (có biên lai).

Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch về diệt “giặc đói”, mỗi gia đình ở khắp các bản Vi Hương đều lập “Hũ gạo cứu đói”, đến bữa nấu cơm hăng ngày đều bỏ một phần gạo cứu đói vào hũ. Số gạo cứu đói này được chuyển đi tới các vùng đồng bào bị đói, phát huy truyền thống “Lá lành đùm lá rách” của dân tộc ta.

Tập trung xây dựng đời sống mới và để vượt qua nạn đói, nhân dân ta đã hăng hái tham gia phong trào “Tăng gia sản xuất lương thực”. Nhiều gia đình tích cực “Khai hoang phục hoá”, mở rộng diện tích trồng trọt, đồng thời sửa chữa nương phai, đắp đập, đảm bảo nước tưới cho lúa và hoa màu. Các bãi soi ven suối, ven rừng đều được khai phá để trồng ngô, khoai, đỗ, lạc, vừng... Đến cuối năm 1946, các



gia đình đều thu hoạch với sản lượng lương thực khá, khắc phục được tình trạng thiếu đói, không còn hiện tượng ăn củ nâu, củ bầu thay cơm nữa.

Bên cạnh trồng trọt, nhân dân ta còn chú ý phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm. Nhà nào cũng nuôi trâu bò để làm sức kéo, đại đa số các gia đình đều có 3 con trâu trở lên. Để cải thiện đời sống trong hoàn cảnh kinh tế tự cung, tự cấp, các gia đình nuôi lợn và các loại gia cầm gà, vịt, ngan, ngỗng... Ngoài ra còn nuôi cá ở ao, ở ruộng. Nhờ vậy nhân dân ta đã khắc phục được tình trạng thiếu dinh dưỡng, sức khoẻ người dân được đảm bảo.

Ngoài chăm lo đời sống vật chất, cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương còn ra sức tuyên truyền “Diệt giặc đói” để nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân. Cụ thể, tổ chức các lớp bình dân học vụ trong các thôn bản để xóa nạn mù chữ cho toàn dân với nhiều hình thức. Với phương châm người biết nhiều dạy cho người biết ít, người biết ít dạy cho người chưa biết. Các lớp thường được tổ chức học vào buổi trưa, buổi tối. Sau một năm người biết đọc biết viết ngày càng nhiều. Nhiều người lần đầu tiên đọc được sách, báo, viết được chữ, làm được 4 phép tính rất phấn khởi, vui mừng, hạnh phúc.

Cùng với việc học tập, xóa nạn mù chữ, nhân dân ta tiếp thu nếp sống mới, bài trừ mê tín dị đoan, xóa bỏ các tập tục lạc hậu như hút thuốc phiện, cờ bạc. Xây dựng cuộc sống mới vui tươi, lành mạnh hướng tới khoa học, văn

minh. Từ đó nhận thức mỗi người dân đối với quê hương, đất nước, lãnh tụ được nâng lên, mọi người tin tưởng vào Chính phủ Hồ Chí Minh. Vì vậy các luận điệu tuyên truyền phản động của địch không gây được ảnh hưởng trong nhân dân.

## **2. Chi bộ Đảng lãnh đạo nhân dân tham gia chiến đấu chống thực dân Pháp thời kỳ 1947 - 1949**

Nhân dân ta là một dân tộc yêu chuộng hoà bình, muốn sống hoà hiếu với mọi quốc gia dân tộc trên toàn thế giới. Nhưng bọn đế quốc, nhất là đế quốc Pháp luôn tìm cách xâm lược nước ta bằng vũ lực. Khi quân đồng minh vào nước ta để giải giáp quân đội Nhật, quân Pháp núp sau quân Anh để vào Nam bộ, thực hiện âm mưu xâm lược nước ta một lần nữa.

Ngày 23-9-1945 được quân Anh yểm trợ, thực dân Pháp đã nổ súng tấn công Nam bộ, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược. Nhân dân Nam bộ đã đứng lên kháng chiến. Cũng như nhân dân cả nước, nhân dân Vi Hương với lòng yêu nước thiết tha đã hướng về Nam bộ kháng chiến, khẩn trương chi viện sức người, sức của, sát cánh cùng đồng bào Nam bộ kháng chiến chống Pháp.

Hưởng ứng phong trào “Nam tiến”, một số thanh niên đã lên đường nhập ngũ, hầu hết thanh niên còn lại ở hậu phương đều tham gia tự vệ, du kích. Đội du kích của xã ngày càng đông đảo, có tổ chức chặt chẽ, quy củ, thường xuyên luyện tập theo các khoa mục cơ bản như bắn súng,

ném lựu đạn, đánh địa lôi và các hình thức đánh giặc thô sơ theo phương pháp truyền thống như cạm bẫy, cung nỏ... Các thanh niên trong xã còn lên đường đánh lực lượng Quốc dân Đảng phản động ở Yên Bái, Vĩnh Yên.

Tháng 2-1947 Bộ Quốc phòng ra thông tư quy định cụ thể về tổ chức, nhiệm vụ của du kích và dân quân tự vệ thi phong trào xây dựng lực lượng vũ trang của Vi Hương được đẩy mạnh và phát triển lên một bước, đội du kích trở thành lực lượng nòng cốt, là chỗ dựa rất đáng tin cậy của nhân dân trong xã.

Đảng và Chính phủ ta muốn hoà bình nên đã nhân nhượng, ký với Pháp Hiệp định sơ bộ vào ngày 6-3-1946, và tiến hành đàm phán với Pháp tại Hội nghị Fontenay-Breton. Trái lại với thiện chí của ta, thực dân Pháp lại rắp tâm phá hoại Hiệp định. Đầu tháng 12-1946 thực dân Pháp liên tiếp tiến hành các cuộc khiêu khích quân sự với ta ở Hà Nội. Để đảm bảo nền độc lập thiêng liêng của Tổ quốc, ngày 19-12-1946 Hồ Chủ tịch đã ra “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”, Người đã động viên toàn quân, toàn dân ta kiên quyết đứng lên kháng chiến chống Pháp cứu quốc.

Trong cuộc kháng chiến này, Việt Bắc có vị trí chiến lược rất quan trọng. Bắc Kạn nói chung, Bạch Thông nói riêng được coi là căn cứ địa của cuộc kháng chiến. Thực hiện phương châm “Trường kỳ kháng chiến”, nhiều cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ đã sơ tán lên Bắc Kạn và chủ yếu là ở địa bàn huyện Bạch Thông.



Vi Hương nằm bên đường quốc lộ, gần thị trấn, khi chiến tranh xảy ra sẽ là một xã có vị trí chiến lược quan trọng. Không chỉ đối mặt với kẻ thù mà còn là nơi bộ đội đóng quân, các cơ quan Trung ương và Chính phủ sơ tán đến, là hậu cứ, đồng thời cũng là nơi được bà con miền xuôi sơ tán (tản cư) lên khai hoang sinh sống ở nhiều vùng của Bạch Thông.

Thực hiện chủ trương chuẩn bị kháng chiến, nhân dân Vi Hương đã nhường cơm sẻ áo, nhường ruộng vườn, nương rẫy cho đồng bào tản cư. Đồng bào tản cư vào Vi Hương đã nhanh chóng ổn định được cuộc sống, yên tâm sản xuất, phục vụ kháng chiến.

Cùng với việc ủng hộ bà con tản cư, cho tre, gỗ để làm nhà, nhường cơm sẻ áo... nhân dân Vi Hương còn giúp đỡ bộ đội, công nhân quốc phòng và các cơ quan Trung ương về đóng tại Vi Hương.

Từ năm 1945 đến năm 1947, xưởng quân giới của Bộ Quốc phòng đến đóng ở Phiêng Mồ (Bó Lịn). Lúc này, có nhiều thanh niên xã Vi Hương đã tham gia vào đơn vị công binh của Bộ Quốc phòng như Phùng Đức Quỳnh, Lương Văn Học... Sau đó kho quân nhu của Tổng cục hậu cần đóng ở Đon Bậy, đơn vị công binh xưởng ở Nà Sang (1950 - 1953), nhà in báo ở Nà Pải...

Ngoài ra các đơn vị bộ đội đều đến đóng quân tại Vi Hương để từ đó ra đánh các trận tại đồn Phủ Thông và Quốc lộ 3, cũng như đánh Pháp trên đường từ Phủ Thông

đến Ba Bể. (Bản Nà Han thuộc thôn Địa Cát là khu tập kết thương binh cho các đơn vị về đánh đồn Phủ Thông và trên Quốc lộ 3).

Tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam lần này, thực dân Pháp thực hiện chiến lược “Đánh nhanh thắng nhanh”, đó là chiến lược cổ hủ của đội quân xâm lược. Trong chiến lược “Đánh nhanh thắng nhanh” đó, Bắc Kạn chiếm vị trí quan trọng.

Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch đã xác định âm mưu tấn công Việt Bắc, trong đó có Bắc Kạn của thực dân Pháp, nên đã chỉ đạo cho quân và dân ta ở các khu vực gần Quốc lộ 3 và các thị trấn sẵn sàng chuẩn bị đánh địch khi chúng liều lĩnh nhảy dù xuống địa phương. Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng, nhân dân và các lực lượng vũ trang địa phương đã khẩn trương chuẩn bị chiến trường để đối phó với âm mưu tấn công của Pháp. Ở đầu xã, đầu làng cuối bản, nhân dân đã bố trí các vọng gác để cảnh giới địch và có các tín hiệu để truyền tin như mõ, trống, thanh la... các tín hiệu được thống nhất quy định rõ ràng, cụ thể lúc địch còn ở xa, địch đã đến gần, địch đã vào làng... tín hiệu sẽ được báo chuyển từ vọng gác này đến vọng gác khác loan truyền khắp các bản trong xã để nhân dân nắm tin tức kịp thời. Vì vậy các đơn vị bộ đội, cán bộ, dân quân và nhân dân ta yên tâm công tác, sản xuất, chủ động đối phó kịp thời với các tình huống xảy ra. Các lực lượng vũ trang, thanh niên còn đào đắp công sự, hố cá nhân, hào chiến đấu,

hầm tránh bom, ở bên đường quốc lộ, ở nơi đồng trống, nơi đông dân. Các khu vực đồi bãi trống, cánh đồng đều được cắm chông để chống địch nhảy dù, kết hợp với việc xây dựng trận địa phục kích đón đánh địch, bắn tỉa, khi chúng vừa nhảy dù chạm đất. Nhân dân ta tự động chặt tre vót chông, xe trâu, xe bò được huy động chuyển chông. Chông vót dài 2 mét, cắm theo kiểu gác 3 chân, mỗi cụm cách nhau khoảng 5m.

Thực hiện chủ trương Vườn không nhà trống”, không để cửa cải, thóc gạo rơi vào tay địch, đồng bào ta còn làm lán trong rừng sâu để cất giấu và cũng là nơi sơ tán nếu địch nhảy dù, lợi dụng rừng núi, hang đá để chiến đấu lâu dài chống địch. Và thực hiện bảo mật một cách nghiêm ngặt với khẩu hiệu “ba không”: Không nói chuyện làm lộ bí mật; Không nghe những điều không liên quan đến mình, không nghe tin đồn nhảm; Không biết, không chỉ đường, cảnh giác với người lạ mặt.

Để bảo vệ bộ đội, bảo vệ cơ quan, công xưởng, nhân dân ta ai cũng đặt lợi ích của Tổ quốc lên trên hết, sẵn sàng hy sinh để bảo vệ Tổ quốc, kiên quyết đánh bại kẻ địch, giữ gìn độc lập dân tộc, bảo vệ quê hương làng bản.

Đúng như dự kiến của Trung ương Đảng, ngày 7-10-1947 thực dân Pháp sử dụng một lực lượng quân tinh nhuệ khoảng 12.000 tên, bắt đầu mở cuộc tấn công lên Việt Bắc bao gồm cả thủy, lục, không quân.



Sáng ngày 7-10-1947 thực dân Pháp cho lực lượng nhảy dù đổ bộ xuống một số địa điểm ở Việt Bắc, trong đó có thị xã Bắc Kạn. Cuộc đổ bộ này do tên trung tá SôVaNhắc chỉ huy.

Mặc dù ta nắm được ý đồ tấn công của Pháp, nhưng vẫn không nắm được thời điểm nhảy dù của chúng ở thị xã Bắc Kạn và nhiều vùng xung quanh.

Buổi sáng hôm đó mọi hoạt động vẫn diễn ra bình thường, nên khi quân Pháp nhảy dù, việc xử trí của ta có gặp khó khăn, lúng túng lúc đầu, chiến đấu kém hiệu quả. Sau đó rút kinh nghiệm, tổ chức lại đã chặn được địch không cho chúng mở rộng phạm vi chiếm đóng ra các vùng xung quanh.

Thực hiện kế hoạch chiếm đóng vùng Việt Bắc để tiêu diệt chủ lực ta, phá hoại căn cứ địa Việt Bắc, bắt cơ quan đầu não kháng chiến. Quân Pháp từ Lạng Sơn tiến theo đường bộ chiếm giữ Đường số 4 (Lạng Sơn - Cao Bằng), và từ Cao Bằng quân Pháp tiến theo Quốc lộ 3 (Cao Bằng - Bắc Kạn) để chốt giữ các vị trí trên Quốc lộ 3. Thực dân Pháp đã hành quân chiếm một số vị trí ở Ngân Sơn, Nà Phặc, Phủ Thông, Nà Cù, thiết lập một hệ thống đồn bốt trên Quốc lộ 3 từ Cao Bằng xuống tới Chợ Mới. Nhân dân các dân tộc Bắc Kạn bước vào cuộc chiến đấu trực tiếp với quân Pháp, cuộc chiến một mất, một còn để bảo vệ quê hương yêu dấu.

Ngày 9-10-1947 Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị cho các đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy, quân dân tỉnh Bắc Kạn. Chỉ thị chỉ rõ các nhiệm vụ cần kíp trước mắt về quân sự, chính trị, kinh tế và về phòng chống các hoạt động chống phá của bọn phản động, phòng ngừa máy bay oanh tạc và tổ chức sơ tán cho nhân dân, di chuyển các cơ quan đến vùng an toàn.

Ngày 15-10-1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Phải phá tan cuộc tiến công mùa Đông của quân Pháp”. Chỉ thị đã vạch ra phương hướng hành động cho quân dân ta tại các vùng địch tạm chiếm, là bao vây các căn cứ của Pháp, thu nhỏ, cô lập lực lượng địch như hòn đảo giữa biển khơi, chặt đứt giao thông liên lạc giữa các cứ điểm của địch, không cho ứng cứu và tiếp tế cho nhau. Quân ta phải chủ động tiêu diệt địch ở các cứ điểm mới chiếm, ra sức chế tạo vũ khí cho dân như: Lựu đạn, địa lôi, súng kíp...

Quán triệt tinh thần các chỉ thị trên của Trung ương Đảng và sự chỉ đạo của các cấp ủy địa phương, Chi bộ Vi Hương đã đẩy mạnh các hoạt động đánh địch, bảo vệ nhân dân, ra sức tăng gia sản xuất để góp phần sức người, sức của cho kháng chiến, để giải phóng quê hương Bắc Kạn.

Để chặn đường tiếp tế của địch, kiên quyết giam chân địch tại các căn cứ chúng vừa chiếm được, ta chủ trương phá hoại đường sá, cầu cống để cản trở giao thông của địch. Huyện Bạch Thông đã chỉ đạo các xã tiến hành theo từng

đợt nhằm hỗ trợ cho kế hoạch tác chiến của lực lượng vũ trang, gồm Trung đoàn 72 và các đội du kích, tự vệ của các xã dọc Quốc lộ 3. Lực lượng phá hoại giao thông chủ yếu là dân quân du kích, cùng một số thanh niên, phụ nữ có sức khỏe. Nhân dân ta đã vượt qua mọi khó khăn, vất vả, thiếu thốn. Ban đêm lực lượng của ta ra mặt đường một số làm cảnh giới, còn đại bộ phận dùng cuốc, xẻng, xà beng đào những ổ gà, hố cản tăng (ổ gà dài 2,5 mét, hố cản tăng dài 8 mét), có những đoạn đường độc đạo ta phá hẳn một đoạn dài 20 đến 30 mét. Ta phá, địch sửa, ta lại phá, nhiều đoạn đường bị phá đi phá lại nhiều lần. Chúng ta vừa tạo các hố sâu, vừa chặt cây ngổ ngang cản đường giao thông của địch, làm con đường đi của địch luôn bị tắc nghẽn, làm chậm tiến trình cướp phá, tiếp tế đạn dược, lương thực của địch.

Trong khi đó lực lượng du kích của địa phương đã phối hợp với bộ đội chủ lực luôn quấy rối quân địch, tổ chức những trận phục kích đánh các trận cản của lính Pháp từ đồn Phủ Thông vào Vi Hương.

Tại đồn Phủ Thông, luôn có khoảng 150 tên lính, chủ yếu là lính lê dương của Pháp, vũ khí có 1 khẩu 12,7mm, 1 cối 81mm, 2 cối 60mm, 1 đại liên hoocket, 10 trung liên, súng trường và lựu đạn... Quanh đồn chúng đào hầm hào và xây công sự kiên cố bằng gạch dày hoặc bê tông cốt thép, cùng với trang bị hỏa lực mạnh. Có thể nói đây là một công sự kiên cố. Dựa vào thế mạnh đó địch thường tổ chức các



cuộc càn quét với quy mô từ trung đội đến đại đội. Có lần chúng còn kết hợp với lực lượng Pháp đóng ở Bành Trạch, Chợ Rã, càn quét các địa phương trên đoạn đường từ Phủ Thông - Vi Hương đến Ba Bể để cướp bóc lương thực, thực phẩm, đốt phá bản làng, đồng ruộng, hoa màu của nhân dân. Nhiều lần chúng vào Vi Hương đốt phá. Cùng với biện pháp quân sự, thực dân Pháp còn sử dụng các biện pháp chính trị thâm độc nhằm tuyên truyền phá hoại sự đoàn kết toàn dân của đồng bào ta. Chúng liên lạc móc nối với bọn “Nam dương Hoa Kiều hiệp hội” và bọn thân Tưởng để lập chính quyền tay sai cho chúng nhằm phá hoại sự đoàn kết giữa nhân dân ta với người Hoa. Chúng còn thành lập “Hội đồng an dân” để lừa bịp và ra sức tuyên truyền “Liên bang Tày - Nùng miền Bắc Đông Dương”, chúng cho máy bay thả truyền đơn có chữ ký của Hoàng Đức Tân xuống một số vùng nông thôn Việt Bắc.

Đặc biệt tháng 11 - 1947 quân Pháp đã càn quét vào Vi Hương gây nhiều tội ác, chúng đã đốt 85 nhà dân, bắn chết 2 người dân đang cày ruộng và bắt đi 4 người ra đến đồn Phủ Thông chúng mới thả về<sup>(1)</sup>.

Với lòng căm thù giặc sâu sắc, nhân dân Vi Hương càng quyết tâm giúp đỡ, tạo điều kiện cho các cơ quan nhà nước và bộ đội đánh Pháp. Trong suốt thời gian từ năm 1947 đến năm 1949, nhân dân Vi Hương đã giúp các đơn vị

---

<sup>(1)</sup> Hai người bị Pháp bắn chết là ông Dương Văn Phúc và ông Lý Văn Phủ.

bộ đội và cơ quan dựng 22 căn nhà, xưởng (khoảng 3.700 công). Nhân dân đã cho các đơn vị mượn 42 nhà làm kho và cho công nhân trọ, điển hình là gia đình ông Lương Văn Tài ở Phặc Quếng (thôn Bó Lịn), nhà có 8 khẩu, nhưng đã thu xếp gọn cho Ban giám đốc công xưởng làm nhà họp và làm việc. Nhân dân toàn xã đã làm đường giúp đưa máy móc, vật tư vào xưởng, huy động thanh niên khỏe vận chuyển máy móc, dùng 8 xe gạc do trâu kéo các bộ phận máy móc có trọng tải lớn di chuyển (ước khoảng 800 công). Trong thời gian bộ đội và công nhân sống ở Vi Hương nhân dân địa phương đã cung cấp cho các đơn vị hàng chục tấn lương thực, hàng trăm tấn rau các loại. Trung bình mỗi gia đình đóng góp cho kháng chiến 100 kg lương thực và 1 tấn rau các loại. Những ngày lễ, tết nhân dân ta đều ủng hộ bộ đội, công nhân lương thực, thực phẩm (bò, lợn, gà, vịt, bánh trái). Đồng thời còn ra sức bảo vệ các đơn vị, xã thành lập một tiểu đội gồm 6 người để bảo vệ cho đơn vị C1 suốt 6 năm (1947 - 1953).

Trong những năm 1947 đến 1949 Vi Hương thực sự là hậu cứ của bộ đội chủ lực. Đồn Phủ Thông là một cứ điểm quan trọng của quân Pháp, đồn này án ngữ ngã ba Phủ Thông, khống chế Quốc lộ 3 và con đường từ Phủ Thông đi Ba Bể và để khống chế một vùng quan trọng với nhiều xã thuộc phía Bắc huyện Bạch Thông. Nhiệm vụ bức thiết của quân đội ta là phải phá tan cứ điểm này. Trong quá trình chuẩn bị để tiêu diệt đồn Phủ Thông, đơn vị bộ

đội 395 và Trung đội du kích Bắc Kạn đã chọn Nà Han của Vi Hương làm hậu cứ đóng quân. Nhân dân Vi Hương đã đóng góp 500 cây tre mai để làm doanh trại cho bộ đội, ngoài ra còn cho mượn nhà để làm nhà kho. Đồng thời mỗi người dân luôn có ý thức bảo vệ, giữ gìn bí mật. Cả ba lần tập kích Phủ Thông, Nà Han đều là hậu cứ an toàn, đảm bảo bí mật, địch khó phát hiện. Cả 3 lần tấn công đồn Phủ Thông, tiểu đội du kích của Vi Hương đều sát cánh cùng bộ đội chủ lực, giúp bộ đội kéo pháo lên Pù Phan và vận chuyển thương binh về hậu cứ chăm sóc, tìm thuốc cứu chữa, tổ chức mai táng 2 đồng chí hi sinh với nghi thức nghiêm trang, chu đáo.

Với phương châm vừa kháng chiến vừa kiến quốc, Đảng ta xác định nội dung xây dựng kinh tế trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là: Đẩy mạnh sản xuất theo hướng tự cấp, tự túc, chống âm mưu lấy chiến tranh nuôi chiến tranh của địch.

Khi địch chiếm đóng ở Phủ Thông và các vùng xung quanh, vấn đề sản xuất, xây dựng kinh tế, đời sống nhân dân có gặp khó khăn. Hầu hết các đám ruộng gần đường giao thông đều bị bỏ hoang, vì quân địch hay tuần tiểu và sợ máy bay bắn phá, đồng bào đều sơ tán vào các lán xa xôi, lại thiếu sức kéo. Năm 1948 mùa màng thu hoạch kém hơn năm 1947 khoảng 20%.

Được sự chỉ đạo kiên quyết của các cấp ủy Đảng, Chi bộ Hoa Sơn từ năm 1946 đến 1950 do đồng chí Thế Trọng



làm Bí thư, đồng chí Mạc Thiêm Chân làm Chủ tịch (xã Hòa Bình 1947 - 1948), đã động viên nhân dân tích cực sản xuất, phát triển kinh tế, coi sản xuất cũng là một mặt trận, coi ruộng rẫy cũng là chiến trường, nên đồng bào ta tiến hành sản xuất cả ban đêm, cày cấy hết diện tích, tổ chức canh giới các đám ruộng gần nơi địch đóng, gần đường quốc lộ khi tiến hành sản xuất. Được bộ đội và công nhân giúp đỡ, sản xuất và đời sống đồng bào từng bước được ổn định, hằng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu giao nộp lương thực, thực phẩm phục vụ cho kháng chiến. Trong 6 năm 1947 - 1953, Vi Hương có 5 thôn, 100 hộ, bình quân mỗi gia đình đóng góp cho kháng chiến 100 kg lương thực và hàng tấn rau các loại, ngoài ra nhân dân còn đóng góp hũ gạo kháng chiến khoảng 180 kg.

Để đảm bảo đời sống, nhân dân còn trồng bông, kéo sợi, dệt vải phục vụ nhu cầu tiêu dùng và ủng hộ bộ đội. Hội mẹ chiến sĩ, phong trào "Mùa đông binh sĩ", các mẹ, các chị đã tặng bộ đội nhiều áo trấn thủ, mũ, khăn...

Mặc dù trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, phong trào Bình dân học vụ vẫn được duy trì và phát triển, các cháu vẫn được đi học lớp vỡ lòng và lớp 1.

Việc chăm lo sức khỏe của nhân dân cũng được chú ý, cán bộ y tế tổ chức phát thuốc cho nhân dân, phát động phong trào ăn chín, uống sôi. Mặc dù đời sống khó khăn, chiến tranh ác liệt, nhưng các bệnh dịch đều không xảy ra. Số người tử vong do dịch bệnh giảm xuống rõ rệt.

133 *Về an ninh:* Trong hoàn cảnh chiến tranh, việc đảm bảo bí mật bảo vệ bộ đội, an ninh cho làng bản được đảm bảo, đồng thời 8 tên việt gian có nợ máu nhân dân đã bị tiêu diệt.

*Về quân sự:* Để góp phần đánh địch cùng bộ đội và phục vụ chiến đấu, chúng ta xây dựng đội du kích ngày càng lớn mạnh, được tập luyện, trang bị vũ khí, lực lượng dân quân tự vệ tích cực tuần tra canh gác bảo vệ bản làng. Tháng 3 - 1947 giặc Pháp càn vào xóm Bó Lịn, tiểu đội du kích do ông Vi Văn Quý chỉ huy phục gác ở Pù Đồn (Tà Chai) phát hiện địch và báo động cho dân biết, địch phát hiện và bắn trả, đồng chí Quý bị thương. Ngoài tuần tra canh gác, tiểu đội còn khôn khéo bí mật chuyển tài liệu công văn an toàn.

Với lòng yêu nước nồng nàn và chí căm thù giặc sâu sắc, nhiều thanh niên đã tham gia trong đội du kích Đào hoa sỹ, tham gia lực lượng vũ trang như Đại đội Ba Bể của tỉnh Bắc Kạn. Trong 6 năm từ 1947 - 1953 có 6 thanh niên Vi Hương đã lên đường nhập ngũ và 4 thanh niên đi theo đơn vị C1 làm công nhân quốc phòng.

Từ cuối năm 1948 quân Pháp ở Bắc Kạn gặp nhiều khó khăn, ngày càng lâm vào tình thế tuyệt vọng. Về phía ta, Bộ Quốc phòng và Tỉnh ủy Bắc Kạn đã chủ trương đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động quân sự tiến tới giải phóng toàn tỉnh Bắc Kạn.

Ngày 25-7-1948 quân ta giành thắng lợi trong trận tấn công đồn Phủ Thông lần 3, trận này ta tiêu diệt 100 tên địch trong đó có đồn trưởng và đồn phó. Trong tình thế bất lợi, quân Pháp phải rút tất cả các vị trí lẻ về co cụm tại vị trí trọng yếu.

Đầu năm 1949, bộ đội ta được lệnh tổng công kích trên mặt trận đường số 3. Để chuẩn bị cho trận đánh lớn, Bộ chỉ huy chiến dịch đã vận động dân công làm đường từ Mỹ Thanh lên Sĩ Bình, Hương Nê, dân công nhiều xã trong đó có Vi Hương đã được huy động tham gia. Nhờ vậy, đến tháng 4 - 1949 đoạn đường dài 30 km được hoàn thành.

Tháng 7 - 1949 bộ đội và các lực lượng du kích Bạch Thông định phục kích đánh lớn ở khu vực Đèo Giàng, đây là trận quyết định để tiêu diệt phần lớn lực lượng địch. Nhưng quân Pháp sợ hãi không hành quân qua Đèo Giàng, đoán biết được chủ trương chiến lược của ta sẽ đánh vào thị xã Bắc Kạn. Ngày 8-8-1949 bọn Pháp cho quân lính ở thị xã Bắc Kạn phá phách, cướp bóc, hăm hiếp dân chúng. Sáng ngày 9-8-1949 quân Pháp lạng lẽ rút khỏi thị xã Bắc Kạn lên Phủ Thông, Nà Phặc, Ngân Sơn theo lối cuốn chiếu. Đến Bằng Khẩu (Ngân Sơn), quân Pháp bị lực lượng ta chặn đánh, 100 tên địch bị tiêu diệt, phá hủy 15 xe cam nhông, thu nhiều chiến lợi phẩm. Số quân Pháp sống sót vội tháo chạy lên Cao Bằng. Bắc Kạn sạch bóng quân xâm lược.



### **3. Chi bộ lãnh đạo nhân xây dựng hậu phương, chi viện cho tiền tuyến, đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi (1949 - 1954)**

Thất bại trong chiến dịch Việt Bắc, năm 1950 thực dân Pháp có âm mưu xây dựng hệ thống phòng ngự Đường số 4 thành cứ điểm mạnh gồm các vị trí Cao Bằng, Đông Khê, Thất Khê, Na Sầm, Đồng Đăng và thị xã Lạng Sơn nhằm khoá chặt biên giới Việt - Trung, không cho ta liên lạc với nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, bao vây căn cứ địa Việt Bắc để tấn công Việt Bắc lần thứ hai.

Đây là kế hoạch quân sự đầy tham vọng của Pháp. Đảng và Hồ Chủ tịch đã quyết tâm mở Chiến dịch biên giới nhằm đập tan hệ thống phòng ngự Đường số 4 của địch, để khai thông biên giới Việt - Trung, bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc. Chiến dịch biên giới dự kiến mở vào Thu đông 1950, là một chiến dịch quan trọng có ý nghĩa chiến lược của ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

Hưởng ứng chủ trương của Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch, nhân dân toàn huyện Bạch Thông và Vi Hương tin tưởng, phấn khởi sau ngày Bắc Kạn được giải phóng, đã hăng hái tham gia phong trào chuẩn bị cho Chiến dịch biên giới Thu Đông 1950.

Thanh niên Vi Hương sẵn sàng lên đường, gia nhập lực lượng vũ trang để trực tiếp chiến đấu. Có 8 thanh niên đi dân công hỏa tuyến để vận chuyển lương thực ra mặt trận, đóng góp 200 ngày công.

Nhằm ngăn chặn bộ đội ta và phá hoại đường giao thông, thực dân Pháp cho máy bay bắn phá cầu cống, đường xá dọc Quốc lộ 3 ở đoạn Đèo Giàng. Để giữ được mạch máu giao thông lên biên giới, tỉnh Bắc Kạn phát động “Chiến dịch cầu đường lần thứ nhất” từ ngày 15-1-1950 đến ngày 19-5-1950. Hưởng ứng chiến dịch này thanh niên Vi Hương đã tham gia hàng trăm ngày công san lấp mặt đường, chặt cây, dẫn gỗ làm cầu thông xe, thông tuyến trên đoạn đường từ Phủ Thông đến Nà Phặc.

Đáp ứng nhu cầu tiền tuyến, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi và phát động phong trào “Bán gạo để khao thưởng bộ đội”, các gia đình đều tiết kiệm lương thực, thực phẩm để bán nhiều cho bộ đội, góp phần thúc đẩy thắng lợi lớn trên mặt trận biên giới, đập tan được hệ thống phòng ngự Đường số 4, khai thông biên giới Việt - Trung. Căn cứ địa Việt Bắc được bảo vệ, quân địch chết và bị bắt sống nhiều tên, tương quan lực lượng có lợi cho quân ta. Từ đó cuộc kháng chiến chuyển sang một giai đoạn mới, ta giành được quyền chủ động trên chiến trường Bắc bộ, chuẩn bị tổng phản công trên các chiến trường để giành thắng lợi quyết định.

Quốc lộ 3 trở thành huyết mạch chính nối liền chiến khu Việt Bắc với các chiến trường khác trong cả nước. Máy bay Pháp điên cuồng thả bom bắn phá xuống các khu vực Đèo Giàng và đoạn đường từ Phủ Thông đến Nà Phặc suốt ngày đêm. Thực hiện quyết tâm của tỉnh Bắc Kạn:

“Đường số 3 phải tốt để xe trâu, xe ô tô, và cả ô tô cỡ lớn GMC đi lại dễ dàng”<sup>(1)</sup>, huyện Bạch Thông chủ trương mỗi xã tổ chức một đội dân công gồm 40 người, chia thành 2 tiểu đội, luôn có mặt tại công trường, bắt chấp bom đạn của địch.

Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch luôn quan tâm tuyến đường giao thông Bắc Kạn nhất là Bạch Thông. Ngày 28-3-1951 Hồ Chủ tịch đến thăm liên phân đội thanh niên xung phong tại khu Nà Cù, xã Cẩm Giàng, Người ân cần thăm hỏi sức khỏe anh chị em và nhắc nhở động viên Bác đã tặng bốn câu thơ:

*“Không có việc gì khó*

*Chỉ sợ lòng không bền*

*Đào núi và lấp biển*

*Quyết chí ắt làm nên”*

Bài thơ của Bác đã có tác dụng động viên thanh niên xung phong và dân công hăng hái phục vụ chiến dịch. Nhân dân Vi Hương tích cực huy động được 1.000 lượt dân công cho công trường 2 (đoạn từ Phủ Thông đến xã Hương Nê).

Năm 1952 để cứu vãn tình thế, thực dân Pháp điên cuồng phá hoại đường Quốc lộ số 3, chúng ném bom bắn phá 180 lần vào những đoạn đường xung yếu, nhất là khu

---

<sup>(1)</sup> Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông 1930 - 1975, trang 130.



Đèo Giàng, chúng trinh sát cả ban đêm để oanh kích không cho ta sửa đường. Trước tình hình đó Đảng ta chủ trương làm con đường tránh Đèo Giàng từ Vi Hương qua Mỹ Phương ra Nà Phặc dài 9.750 mét. Nhân dân Vi Hương là lực lượng chủ chốt, vừa tham gia dân công vừa tạo mọi điều kiện về mọi mặt để hoàn thành con đường trong năm 1952. Năm 1953, thực dân Pháp cho máy bay ném bom xuống xưởng quân giới Nà Sang, nhân dân Vi Hương đã cùng công nhân, bộ đội nhanh chóng khắc phục hậu quả. Đó là ý chí, là sức mạnh to lớn của lòng dân yêu Tổ quốc, góp một phần thắng lợi cho chiến dịch.

Để chuẩn bị cho chiến dịch Điện Biên Phủ, nhiều thanh niên Vi Hương lại lên đường tòng quân. Thực hiện khẩu hiệu: “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”, 9 thanh niên Vi Hương đã đi dân công hỏa tuyến trong 4 tháng phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ, đóng góp khoảng 1.200 công. Ở hậu phương nhân dân Vi Hương nhất là thanh niên tích cực đẩy mạnh sản xuất, khôi phục lại ruộng đất bị bỏ hoang trong thời kỳ địch chiếm đóng. Chi viện ngày càng nhiều sức người sức của cho chiến dịch Điện Biên Phủ.

#### *Về xây dựng hậu phương từ năm 1949 đến 1954*

Quán triệt chủ trương xây dựng nền kinh tế kháng chiến với 2 nguyên tắc “Vừa kháng chiến vừa kiến quốc và tự cung tự cấp về mọi mặt”. Chi bộ Đảng đã lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể của xã tích cực khôi phục và phát triển

kinh tế bằng các biện pháp đẩy mạnh khai hoang phục hoá, ra sức tăng gia sản xuất cứu đói, cung cấp giống tốt, tích cực chăm sóc cây trồng bằng bón phân chuồng, chú trọng thuỷ lợi, làm mương, phai.

Năm 1951 kinh tế dần dần phát triển, đời sống các gia đình vững chắc, mức đóng góp cho kháng chiến ngày càng tăng. Ngày 1-5-1951 Chính phủ ban hành chính sách Thuế nông nghiệp. Sau khi được học tập, hiểu rõ chủ trương, chính sách thuế của nhà nước, nhân dân kê khai đầy đủ diện tích, sản lượng nông nghiệp để đóng nộp thuế đúng và đầy đủ.

Năm 1952 phong trào thi đua sản xuất đạt đến đỉnh cao nhất với khẩu hiệu “Thi đua giành vụ mùa thắng lợi, lấy thanh niên đi đầu”, các thôn bản thành lập tổ đổi công, phát huy truyền thống giúp đỡ tương trợ vốn sẵn có từ xa xưa. Tổ đổi công là hình thức tổ chức giúp đỡ nhau sản xuất rất thích hợp và hiệu quả trong điều kiện chiến tranh, nhờ đó các gia đình có con em đi bộ đội, thanh niên xung phong, đi dân công hoả tuyến, sản xuất vẫn đảm bảo bình thường. Thông qua tổ đổi công xóm giềng ngày càng gắn bó, hiểu biết lẫn nhau, khối đoàn kết được tăng cường.

Đời sống vật chất nhân dân được cải thiện, đời sống tinh thần cũng được nâng cao. Phong trào văn nghệ quần chúng ở các thôn bản được duy trì. Thanh niên phối hợp với bộ đội, công nhân tổ chức biểu diễn văn nghệ, diễn kịch, hát sli lượn. Các tệ nạn xã hội được xoá bỏ, số người

nghiện thuốc phiện, cờ bạc, mê tín dị đoan giảm hẳn. Các lớp bình dân học vụ ở thôn bản được duy trì, số người biết đọc biết viết ngày càng nhiều. Số học sinh học cấp I ngày càng tăng, nhiều em đi học lên cấp II.

Công tác y tế và bảo vệ sức khỏe của nhân dân ngày càng có chất lượng. Ý thức vệ sinh phòng bệnh ngày càng tốt, thực hiện ăn chín uống sôi với các khẩu hiệu “sạch làng tốt ruộng”, phong trào “ba sạch” (ăn sạch, uống sạch, ở sạch), “ba diệt” (diệt ruồi, diệt muỗi, diệt chuột). Nếp sống mới, văn minh ở các làng bản dần dần được xác lập, các bệnh sốt rét, cảm cúm giảm hẳn, hiện tượng “hữu sinh vô dưỡng” không còn. Nhân dân đã nhận thức rõ ràng giá trị của thuốc Tây y và thuốc Nam cho việc chữa bệnh, từ bỏ chữa bệnh bằng thầy mo, then, bói.

Năm 1953 sau Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 4 (1 - 1953), Đảng phát động giảm tô, thực hiện giảm tức nhằm đem lại quyền lợi cho người nông dân. Xã đã đón tiếp đoàn giảm tô về địa phương công tác, nhân dân được học tập thông suốt đường lối chủ trương chính sách của Đảng. Các mục tiêu giảm tô, giảm tức đều đạt kết quả tốt, đem lại quyền lợi cho nông dân nghèo.

Trong khi cuộc vận động giảm tô, giảm tức đang tiến hành thì quân và dân ta đã giành được thắng lợi to lớn ở Điện Biên Phủ ngày 7-5-1954. Hiệp định Giơnevơ được ký kết, cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc. Nhân dân Vi Hương nói riêng cùng nhân dân cả nước phấn khởi và tiếp



tục bước vào giai đoạn mới của cách mạng là xây dựng chủ nghĩa xã hội, đấu tranh thống nhất đất nước.

Qua chín năm kháng chiến, Vi Hương là hậu cứ kiên cường của cuộc kháng chiến, đã góp phần quan trọng cho cuộc kháng chiến nói chung và giải phóng tỉnh Bắc Kạn nói riêng. Nhân dân các dân tộc Vi Hương luôn tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng, trực tiếp là chi bộ Đảng xã Vi Hương. Chi bộ Vi Hương cho đến năm 1953 có 7 đảng viên đều là những đảng viên giàu đức hi sinh, kiên cường, anh dũng, một lòng vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Từ năm 1945 đến năm 1954 xã Vi Hương có 6 thanh niên lên đường nhập ngũ, trong đó có 3 người đã anh dũng hi sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Đó là các anh Phùng Dương Quan, Mạc Thiêm Tịnh, Dương Văn Cương và 6 thương binh. Sự hi sinh anh dũng của các liệt sĩ trên đã góp một phần xương máu đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc ta đến thắng lợi và tô thêm thêm truyền thống anh hùng, vẻ vang của quân đội ta.

### CHƯƠNG III

## ĐẢNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TIẾN LÊN XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ GÓP PHẦN ĐẤU TRANH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1954 - 1975)

### I. CHI BỘ ĐẢNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHÔI PHỤC KINH TẾ, PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ, CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1954 - 1960)

#### 1. Khôi phục kinh tế và xây dựng hợp tác xã nông nghiệp (tháng 7 - 1954 - 1960)

Chiến thắng Điện Biên Phủ đã đi vào lịch sử dân tộc ta như một mốc son chói lọi, kết thúc chín năm kháng chiến trường kỳ của dân tộc, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, chuyển sang làm nhiệm vụ của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Tháng 9-1954, Hội nghị Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã chỉ ra những nhiệm vụ đối với miền Bắc là hoàn thành cuộc cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, tăng cường xây dựng quân đội nhân dân, củng cố miền Bắc; giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh chính trị ở miền Nam nhằm củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước.

Từ sau chiến thắng ở Việt Bắc Thu Đông năm 1947, khi thực dân Pháp rút khỏi Bắc Kạn năm 1949, địa bàn xã Vi Hương đã nằm trong vùng tự do. Nhân dân các dân tộc

trong xã Vi Hương có điều kiện đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế, văn hoá, củng cố an ninh chính trị, tiến hành giảm tô, đồng thời ra sức đóng góp sức người, sức của cho tiền tuyến.

Bước vào thời kỳ lịch sử mới, Chi bộ Đảng xã Vi Hương được kiện toàn, đồng chí Hứa Văn Tân làm Bí thư chi bộ (1954 - 1955) và sau đó đồng chí Hà Văn Hầu là Bí thư chi bộ (1956 - 1958). Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy Bạch Thông, Đảng, Chính quyền, nhân dân xã Vi Hương có đầy đủ điều kiện để tiến hành khôi phục kinh tế, phát triển văn hoá theo kế hoạch của Đảng đề ra trong thời kỳ từ 1955 - 1957.

Đến cuối năm 1955, xã Vi Hương cũng như các xã khác của huyện Bạch Thông đều hoàn thành công tác phát động quần chúng, giảm tô, giảm tức, từ đó đời sống của người nông dân được cải thiện một bước.

Đầu năm 1956 dưới sự lãnh đạo trực tiếp của liên khu Việt Bắc, xã Vi Hương (Hòa Bình) là một trong nhiều xã của huyện Bạch Thông được làm thí điểm cải cách ruộng đất ở miền núi. Cùng với kết quả của những đợt giảm tô trước đó, qua đợt cải cách ruộng đất, địa vị chính trị và kinh tế của nông dân, đặc biệt là bản cổ nông được đề cao, trình độ giác ngộ giai cấp của nhân dân lao động được nâng lên. Qua cuộc vận động này ta đã đào tạo được một số cán bộ cốt cán, củng cố được lập trường tư tưởng cho cán bộ, đảng viên. Tuy vậy, giảm tô và cải cách ruộng đất ở các địa



phương của Bạch Thông, trong đó có Vi Hương đã mắc một số sai lầm nghiêm trọng về mặt tổ chức, về phân định thành phần giai cấp. Năm 1956 Đảng và Chính phủ cho học tập sửa sai, sau đó xác định lại thành phần giai cấp cho một số gia đình, Vi Hương không còn địa chủ. Qua sửa sai, khối đoàn kết trong cộng đồng dân cư được tăng cường, nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Đồng bào có ruộng cày cấy, sản xuất ổn định, đời sống dần được cải thiện. Tuy nhiên vào những năm 1955 - 1956 do ảnh hưởng thời tiết khô hạn, ít mưa, một số chân ruộng bậc thang có nguy cơ bị bỏ hoang. Chi bộ Đảng và chính quyền hết sức coi trọng công tác thủy lợi, cụ thể vận động các đoàn thể quần chúng, nhân dân hợp sức khơi các nguồn nước, đắp phai đập, làm mương máng, nhờ đó cây được hết diện tích ruộng cạn. Để nâng cao năng suất cây trồng, Chi bộ tập trung chỉ đạo đồng bào xóa bỏ tập quán cày chay, vận động đồng bào khai thác các nguồn phân bón như phân chuồng, phân xanh bón ruộng. Để chống lại nạn sâu bọ cắn lúa, nhân dân ta đã được mọi lực lượng tham gia bắt sâu từ bộ đội, cán bộ, học sinh với nhiều hình thức như bẫy diệt bướm, bắt sâu tại ruộng diễn ra sôi nổi, hiệu quả.

Trong ba năm khôi phục kinh tế (1955 - 1957) do xuất phát từ nền kinh tế tiểu nông, phân tán, kỹ thuật sản xuất lạc hậu, thiếu phân bón, thiếu thuốc bảo vệ thực vật, bị thiên tai sâu bệnh, mặc dù vậy nhân dân đã tích cực khai hoang, làm thủy lợi, biết khai thác phân bón cho ruộng

đồng tốt tươi nên đời sống nhân dân được cải thiện, nhiều gia đình không còn thiếu đói. Nhưng về cơ bản nền kinh tế vẫn là tự cung tự cấp, sản xuất chưa phát triển, đời sống nhân dân vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

Để tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 14 (tháng 11 - 1958) quyết định: Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế cá thể, thợ thủ công, kinh tế tư bản tư doanh, đối với nông nghiệp là xây dựng các hợp tác xã.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp là một nhiệm vụ hết sức khó khăn và phức tạp, do tập quán làm ăn riêng lẻ đã có từ ngàn đời trong nhân dân ta. Nhưng cũng có những thuận lợi cơ bản là nông thôn đã xây dựng các tổ đổi công, người lao động cũng quen dần với việc làm ăn tập thể. Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp là đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể, từ tổ đổi công lên hợp tác xã bậc thấp rồi lên hợp tác xã bậc cao.

Tháng 4 - 1959 Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 16 ra Nghị quyết về hợp tác hoá nông nghiệp và Nghị quyết cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh. Phương châm tiến hành hợp tác xã nông nghiệp là “Tích cực lãnh đạo, vững bước tiến lên, quy hoạch về mọi mặt, sát với từng vùng, làm tốt, vững và gọn”. Hội nghị nêu ba nguyên tắc cần được quán triệt, chấp hành nghiêm chỉnh trong quá trình xây dựng, củng cố hợp tác xã là: Tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ.

Bước vào thực hiện nhiệm vụ cách mạng mới Chi bộ Đảng xã Vi Hương cũng có những thuận lợi cơ bản. Chi bộ vừa được củng cố nâng cao số lượng và chất lượng. Năm 1957 Chi bộ có 15 đồng chí đảng viên, do đồng chí Hoàng Long Mạ làm Bí thư Chi bộ (1959 - 1960).

Công tác chính quyền cũng được củng cố, đồng chí Ngọc Văn Ninh, Phó Bí thư chi bộ kiêm Chủ tịch Ủy ban hành chính xã (1954 - 1958). Từ khi Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ra đời (9 - 1955), kế tục Mặt trận Liên Việt trong hoàn cảnh mới, công tác mặt trận xã được củng cố một bước, ông Hoàng Văn Bằng (Xạ Bằng) giữ chức Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc liên xã.

Khi thực hiện vận động hợp tác hoá nông nghiệp xã Vi Hương cũng gặp khó khăn, nền sản xuất nông nghiệp manh mún, lệ thuộc nhiều vào tự nhiên, phương thức canh tác còn lạc hậu, cơ sở vật chất, khoa học chưa có gì ngoài ruộng đất, trâu cày, trình độ, năng lực tổ chức quản lý mới bắt đầu mảy mò, tìm hiểu.

Để chuẩn bị đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể, tỉnh và huyện Bạch Thông đã mở nhiều lớp tập huấn để bồi dưỡng cán bộ, đảng viên phụ trách nông nghiệp các xã. Tổ chức hàng chục buổi nói chuyện với cán bộ xã về việc làm ăn theo lối mới, về định canh định cư... Trên cơ sở đó, dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng, năm 1960 xã Vi Hương đã thành lập 3 hợp tác xã đầu tiên là Thống Nhất (Cốc Thóc, Địa Cát); Thắng Lợi (Bó Lịn, Nà Pải); Liên Minh (Đon Bậy,



Nà Sang). Hợp tác xã Thống Nhất có 38 hộ (194 khẩu), do ông Lý Văn Mạnh làm Chủ nhiệm; Hợp tác xã Thắng Lợi có 40 hộ (258 khẩu), do ông Triệu Văn Bảo làm Chủ nhiệm; Hợp tác xã Liên Minh có 15 hộ (94 khẩu), do ông Hoàng Văn Lôi làm Chủ nhiệm.

Cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp ở Vi Hương diễn ra nhanh, gọn, đảm bảo đúng nguyên tắc, phương châm. Cán bộ quản lý hợp tác xã phần lớn là chi ủy viên hay đảng viên, tham gia trong ban chủ nhiệm hay ban quản trị của hợp tác xã. Cuối năm 1968 hợp tác xã hợp nhất toàn xã lấy tên là hợp tác xã Toàn Thắng, do ông Ngọc Văn Ninh làm Chủ nhiệm và ông Triệu Văn Bảo, Hoàng Long Mạ làm Phó Chủ nhiệm.

Tổ chức, quản lý hợp tác xã trong những năm mới thành lập nhìn chung đơn giản, cơ cấu mùa vụ ít thay đổi, độc canh cây lúa là chính, ngành nghề khác hầu như chưa có. Nông dân từ 18 tuổi trở lên, chưa già, không ốm yếu, có đóng cổ phần được coi là lao động chính, là xã viên của hợp tác xã, dưới 18 tuổi trở xuống là lao động phụ. Công điểm và hoa lợi tính cho lao động phụ cũng có nhiều hình thức khác nhau và không có quyền biểu quyết bầu ban quản trị. Lao động theo công nhật, ngày 8 tiếng đồng hồ, tính công điểm theo từng loại lao động, không cần tính đến năng suất hiệu quả lao động, nếu là lao động chính, mỗi buổi đi làm tính 5 điểm, cả ngày 10 điểm (1 công), lao động phụ là học sinh ăn theo tính 3,5 điểm một buổi.

Sản phẩm lao động được chia theo ngày công nhật sau khi tổng sản phẩm thóc và hoa màu đã trừ các khoản thuế, thóc giống, quỹ, thóc hoa lợi. Hộ nào có nhiều công điểm thì được chia nhiều thóc và ngược lại, nên đã không khuyến khích được lao động, năng suất thấp, giá trị ngày công không cao.

Năm 1960, Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông phát động đợt thi đua: Phát huy thắng lợi vụ mùa 1959, hoàn thành sản xuất vụ Đông Xuân 1959 - 1960, đưa phong trào hợp tác xã nông nghiệp lên một bước mới, lập thành tích chào mừng 30 năm ngày thành lập Đảng và 16 năm thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, đã tạo đà cho sản xuất phát triển và hợp tác xã được củng cố.

## **2. Phát triển văn hoá, giáo dục, y tế (1954 - 1960)**

Trong không khí phấn khởi sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơnevơ được ký kết, miền Bắc hòa bình tạo ra các điều kiện thuận lợi về phát triển văn hóa, giáo dục, y tế. Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân xã Vi Hương ngày càng được nâng lên, các hoạt động thông tin báo chí, báo ảnh đưa về tận thôn bản, bình quân 5,42 người có 1 tờ báo, các đội chiếu bóng, văn công hằng năm về phục vụ tận xã. Thanh niên xã thành lập đội văn nghệ và biểu diễn vào các dịp lễ, tết.

Nhân dân cũng nhận thức rõ, muốn xây dựng đất nước phát triển giàu mạnh cần phải có kiến thức, nên đã

động viên và tạo điều kiện cho con em đi học. Chi bộ Đảng rất quan tâm đến phát triển giáo dục, chú trọng xây dựng trường học từ vỡ lòng đến cấp I. Hầu hết các em trong độ tuổi đều được đi học, một số em ra học cấp II tại thị xã Bắc Kạn. Các lớp bình dân học vụ và bổ túc văn hoá cũng được tổ chức vào buổi trưa và ban đêm ở các thôn bản, số học viên đi học ngày càng đông. Năm học 1958 - 1959 xã Vi Hương đã có Cấp I (lớp 1 và 2) do thầy Triệu Văn Ninh và thầy Hà Thiêm Đường giảng dạy. Từ đó số học sinh đến học tại các lớp ngày càng đông. Năm 1960 cơ bản số người trong độ tuổi từ 40 trở xuống đã thoát nạn mù chữ. Năm học 1961 - 1962, xã Vi Hương đã có Trường cấp I hoàn chỉnh do thầy Đinh Văn Tịnh là Hiệu trưởng.

Công tác y tế, giữ gìn vệ sinh phòng bệnh, bảo vệ sức khoẻ người dân được chú trọng thường xuyên, đều đặn. Xã cử người đi đào tạo cán bộ y tế, chủ yếu là y tá và nữ hộ sinh. Trong xã đã có trạm xá, người ốm được thăm bệnh và được phát thuốc, trẻ em được tiêm sinh hoá, chủng đậu. Công tác vệ sinh phòng bệnh được tiến hành thường xuyên bằng các cuộc vận động “Sạch làng tốt ruộng”, “Ba sạch”, “Ba diệt”, ý thức vệ sinh phòng bệnh của nhân dân ở các thôn bản được nâng lên rõ rệt. Bệnh sốt rét, đậu mùa đã được đẩy lùi.

### **3. Về an ninh và xây dựng lực lượng chính trị xã hội**

Do nhận thức được đầy đủ tình hình, nhiệm vụ trong giai đoạn mới, nhân dân ta hiểu rõ trách nhiệm đối với đất



nước là phải xây dựng miền Bắc vững mạnh để làm hậu thuẫn cho cách mạng miền Nam tiến tới thống nhất đất nước. Thực tế tình hình miền Nam có nhiều chuyển biến không theo đúng tinh thần của Hiệp định Gionevo. Chính quyền Ngô Đình Diệm tăng cường đàn áp nhân dân, trả thù những người kháng chiến cũ, phá hoại Hiệp định Gionevo chuẩn bị tấn công miền Bắc bằng quân sự. Các cấp ủy Đảng đã lãnh đạo, trực tiếp là Chi bộ xã Vi Hương đã cho nhân dân học tập quân sự, nhất là các bản thuộc khu vực xung yếu và ra sức xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, nêu cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu. Kiện toàn lực lượng dân quân du kích, trang bị đầy đủ vũ khí, đảm bảo chương trình luyện tập, nâng cao trình độ kỹ thuật phục kích, tập kích, tiến công, nâng cao khả năng cơ động, lập phương án chống nhảy dù, chống đổ bộ bằng đường không. Hằng năm các đơn vị bộ đội đóng trên địa bàn cử cán bộ xuống trực tiếp huấn luyện cho dân quân du kích, cho mượn súng, bia, công cụ chuyên dụng để tập luyện.

Các cán bộ phụ trách dân quân tự vệ như xã đội, trung đội, tiểu đội trưởng được đi học các lớp huấn luyện ở huyện và trực tiếp làm trung đội, tiểu đội trưởng ở các hợp tác xã sản xuất.

Lực lượng dân quân tự vệ được củng cố, an ninh làng bản được giữ vững, không còn trộm cắp, cướp giật. Thanh niên phấn khởi lên đường làm nghĩa vụ quân sự tham gia lực lượng bảo vệ Tổ quốc.

Đợt tuyên truyền năm 1959 là đợt thí điểm về luật nghĩa vụ quân sự, nhiều thanh niên xã đã tham gia khám tuyển, một số đã lên đường làm nghĩa vụ quân sự như các anh Hoàng Văn Văn, Lương Văn Tiều, Dương Văn Hạp, Ngọc Văn Tương, Nông Văn Thu.

Tóm lại, trong những năm tháng cần kiệm và ra sức thi đua khôi phục, cải tạo phát triển kinh tế - xã hội từ 1954 đến năm 1960 dưới sự lãnh đạo của Chi bộ xã Vi Hương, nhân dân các dân tộc ra sức phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn, đã làm thay đổi bộ mặt địa phương về kinh tế - xã hội, hoàn thành nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng hợp tác xã vững mạnh, củng cố an ninh quốc phòng, sản xuất phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển chung của toàn xã hội.

## **II. CHI BỘ LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT (1961 - 1965)**

### **1. Tình hình và chủ trương**

Tháng 9 - 1960 Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng đã đề ra hai chiến lược cách mạng cho hai miền Nam, Bắc là vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, vừa tiến hành kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam. Đề ra kế hoạch 5 năm lần thứ nhất cho miền Bắc từ năm 1961 - 1965 nhằm bước đầu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Triển khai Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ ba của Đảng, được sự chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy Bạch

Thông, Chi bộ xã đã tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với mọi mặt đời sống xã hội của địa phương.

Sau cuộc chinh huấn vào năm 1959 và qua các cuộc vận động cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, công tác xây dựng Đảng đã có bước phát triển mới. Cán bộ, đảng viên, nhân dân đã thấy rõ nhiệm vụ bức thiết là phải xây dựng địa phương tiến lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện kế hoạch 5 năm góp phần làm cho miền Bắc vững mạnh, trở thành hậu phương vững chắc cho tiền tuyến miền Nam. Cạnh đó, một số đảng viên, sau khi chiến tranh kết thúc, đất nước hoà bình, đã có tư tưởng cầu an, hưởng lạc, xin nghỉ công tác, điều này ít nhiều đã ảnh hưởng đến nhận thức chung của đại đa số đảng viên.

Quý I năm 1960, Chi bộ xã tiến hành Đại hội và bầu đồng chí Hoàng Long Mộc làm Bí thư Chi bộ. Đại hội chú trọng nêu cao vai trò lãnh đạo của Chi bộ với chính quyền và các đoàn thể quần chúng, nhiều đồng chí đảng viên được cử và được quần chúng bầu nắm các chức vụ trong các tổ chức chính trị - xã hội và đoàn thể nhân dân, công tác phát triển đảng cũng được đẩy mạnh.

Chính quyền xã được kiện toàn vững chắc, do đồng chí Hoàng Văn Bảo làm Chủ tịch.

Trong thời kỳ này, cách mạng giải phóng miền Nam có những chuyển biến quan trọng. Đầu năm 1960 nhân dân Bến Tre tiến hành “đồng khởi” làm chủ nhiều vùng nông thôn, làm sụp đổ hệ thống cai trị của địch. Đặc biệt ngày



20-12-1960, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam - người đại diện chân chính và duy nhất của nhân dân miền Nam ra đời.

Trước tình hình đó đế quốc Mỹ và nguy quyền tay sai Ngô Đình Diệm đã tiến hành chiến tranh “đặc biệt” vừa bình định miền Nam vừa chuẩn bị chiến tranh đối với miền Bắc. Cho máy bay do thám miền Bắc, thả biệt kích, phá hoại sự nghiệp xây dựng CNXH và đời sống yên lành của nhân dân ta, chuẩn bị cho lực lượng quân sự tấn công ra Bắc.

## **2. Những thắng lợi trong thời kỳ 1961 - 1965**

Thanh niên Vi Hương, với tinh thần yêu nước, yêu quê hương, yêu CNXH đã hăng hái lên đường vào miền Nam chiến đấu để bảo vệ miền Bắc XHCN. Rất nhiều thanh niên Vi Hương đã lên đường tham gia bộ đội. Ở địa phương hầu hết thanh niên đều tham gia dân quân tự vệ, thường xuyên được luyện tập quân sự, luôn cảnh giác trước âm mưu phá hoại và chiến tranh tâm lý của địch. Làm sao phát hiện kẻ gian, chống biệt kích nhảy dù.

Đúng như Đảng ta dự đoán, lúc 22 giờ 5 phút ngày 4-9-1963 Mỹ - Diệm thả toán biệt kích xuống địa bàn Bạch Thông, toán biệt kích này gồm 5 tên, nhảy dù xuống khu vực Nà Hải, Nà Phải thuộc xã Phương Linh, xã giáp danh với Vi Hương, cách Vi Hương 2km. Sẵn có tinh thần cảnh giác và sẵn sàng chiến đấu, nhân dân toàn xã, trong đó trung đội dân quân tự vệ làm nòng cốt đã kịp thời phối hợp

với các đơn vị bạn truy lùng toán biệt kích. Đặc biệt hai tiểu đội dân quân được bố trí phục kích ở khu vực Cốc Pjoi (giáp với xã Phương Linh) và khu vực thôn Chương (giáp với xã Tú Trĩ) đã phát hiện và tiêu diệt 2 tên biệt kích chỉ sau 2 tiếng đồng hồ sau khi chúng nhảy dù. Đến 14 giờ 30 ngày 7-9-1963 ta bắt gọn và tiêu diệt toàn bộ toán biệt kích đem lại sự bình yên cho nhân dân. Sau sự kiện này, lực lượng dân quân tự vệ càng nêu cao hơn nữa tinh thần cảnh giác và sẵn sàng chiến đấu, lập các đội cứu thương, hình thành mạng lưới thông tin, báo động kịp thời khi có tiếng máy bay lạ để đối phó kịp thời lúc có tình huống xảy ra.

Bên cạnh nâng cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, Chi bộ xã đã quán triệt phương hướng và nhiệm vụ do Đảng bộ huyện Bạch Thông đề ra trong kế hoạch 5 năm (1961 - 1965) nhằm phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp theo hướng toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc, lấy sản xuất lương thực là khâu chính, trên cơ sở đó phát triển cây công nghiệp, chăn nuôi và nghề rừng cùng các nghề phụ khác. Phát triển văn hoá xã hội, nâng cao dân trí, đưa “miền núi tiến kịp miền xuôi”.

Củng cố phong trào thi đua xây dựng CNXH khắp cả nước, theo gương các điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực “gió đại phong”<sup>(1)</sup>, “sóng duyên hải”<sup>(2)</sup>, “lửa thành công”<sup>(3)</sup>,

---

(1) Hợp tác xã Đại Phong ở Quảng Bình.

(2) Nhà máy cơ khí Duyên Hải ở Hải Phòng.

(3) Xưởng cơ khí Thành Công ở Nam Định.

“trồng Bắc Lý”<sup>(4)</sup>, “cờ Ba Nhất”<sup>(5)</sup>. Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng và sự tiên phong của cán bộ đảng viên, nhân dân ta đã sôi nổi thi đua, vượt mọi khó khăn gian khổ để đạt được hiệu quả cao nhất. Hưởng ứng các chiến dịch thi đua sản xuất do huyện phát động như: “Đèo Giàng anh dũng, Đông xuân đại thắng”, “vượt gió đại phong, Đông xuân quyết thắng”, nhân dân ta đã xác định rõ các chỉ tiêu thi đua như: Cây đứng thời vụ, đưa giống lúa Nam Ninh vào đồng ruộng 100%, thực hiện cấy dày, làm cỏ xục bùn, bón phân, đủ nước, sửa chữa và làm mới nhiều công trình thủy lợi.

Bên cạnh cấy lúa, các hợp tác xã còn vận động xã viên đưa cây màu “xuống ruộng” góp phần giải quyết vấn đề lương thực của địa phương và chi viện cho chiến trường.

Trong chăn nuôi, hợp tác xã chú trọng phát triển đàn trâu, bò để lấy sức kéo và phân bón. Nhằm khuyến khích người dân chăn nuôi, từ năm 1963 hợp tác xã đã điều chỉnh chế độ công điểm hợp lý và phân tán trâu từ nuôi thả, tập trung sang nuôi ở các hộ gia đình xã viên, nhờ đó đàn trâu phát triển, số lượng tăng lên.

Số lợn nuôi cũng ngày càng tăng, những năm 1961 - 1962, do chính sách quản lý thị trường chưa thật hợp lý (không cho bán lợn ra ngoài địa bàn huyện), lợn xuất chuồng giảm dần. Trước tình hình đó để thay đổi phương thức quản lý và

---

(4) Trường cấp II Bắc Lý ở Hà Nam.

(5) Phòng trào 3 nhất trong quân đội.



điều chỉnh giá thu mua lợn theo hướng có lợi cho người chăn nuôi, đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền kỹ thuật chăn nuôi rộng rãi, chú trọng nâng cao chất lượng giống, nên năm 1964, 1965 số lượng đàn lợn tăng, trọng lượng xuất chuồng cao hơn.

Ngoài ra các gia đình còn nuôi nhiều gà, vịt, mỗi gia đình đều có từ vài chục tới hàng trăm con. Chăn nuôi không chỉ đảm bảo dinh dưỡng cho gia đình mà còn bán cho nhà nước, cung cấp cho chiến trường. Đồng thời nhân dân ta còn chú trọng phát triển nuôi cá, các khe suối được đào đắp thành ao, hồ, các đầm ruộng nước được thả cá để cải thiện đời sống.

Để sản xuất phát triển, năng suất cao, Chi bộ đặc biệt quan tâm vấn đề nâng cao trình độ quản lý hợp tác xã, cụ thể tổ chức sản xuất, kế hoạch, phương án ăn chia sao cho hợp lý. Thực tế những năm 1961 đến 1963 năng lực lãnh đạo chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, các ban quản trị hợp tác xã phần lớn chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu của phương thức sản xuất mới. Một số biểu hiện trong quản lý, chỉ đạo chưa thực hiện tốt ba nguyên tắc (tự nguyện, dân chủ, cùng có lợi), trong tuyên truyền vận động còn mang tính gò ép, máy móc, áp đặt. Một số hợp tác xã không báo cáo tài chính công khai, có biểu hiện tham ô, có tình trạng dung công phóng điểm. Đồng thời các hợp tác xã không chú trọng phát triển sản xuất, mở rộng thêm ngành nghề để giải quyết việc làm tăng thêm thu nhập cho xã viên, do đó kinh

tế giảm sút, giá trị ngày công thấp, nhiều hộ xin ra khỏi hợp tác xã để làm ăn cá thể.

Để khắc phục tình trạng trên, huyện Bạch Thông đã mở nhiều lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cán bộ ban quản trị hợp tác xã về xây dựng kế hoạch, tổ chức điều hành, quản lý tài sản, xác định phương hướng, mở rộng sản xuất thêm các ngành nghề khác ngoài nông nghiệp. Từ năm 1963 đến năm 1965, sau 2 vòng cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp, Vi Hương là một trong bảy xã hoàn thành 2 vòng cải tiến quản lý hợp tác xã của Bạch Thông. Nhiều cán bộ hợp tác xã được nâng cao trình độ quản lý, nên từ năm 1964 đến năm 1965 phong trào hợp tác xã có bước phát triển mới. Số lượng xã viên ngày càng đông, số đồng bào miền xuôi lên miền núi trong đó có Vi Hương từ năm 1963 được bổ sung vào các hợp tác xã là 33 hộ, tất cả đều là đồng bào ở tỉnh Thái Bình lên khai hoang phát triển kinh tế ở địa phương. Đồng thời các hợp tác xã đã mở thêm các ngành nghề như làm gạch, trồng màu xuống ruộng cạn, và điều hoà sức kéo hợp lý giữa các tổ sản xuất tương ứng với số lao động và diện tích sản xuất.

Tuy nhiên, trong hoàn cảnh các điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật chưa đáp ứng, khâu quản lý còn yếu, nên gặp nhiều khó khăn. Sản lượng lương thực từ 1960 đến 1964 thấp dần, bình quân lương thực đầu người từ 400 kg giảm chỉ còn 280 kg (1964). Đó là những thách thức lớn cho toàn thể cán bộ, đảng viên và Chi bộ xã nói chung.

Về văn hoá xã hội, nét độc đáo trong giai đoạn này là nhân dân đều cùng chung ý nguyện xây dựng đời sống mới, sự nghiệp văn hoá giáo dục phát triển mạnh mẽ, góp phần to lớn của mình vào việc giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Mọi suy tư về lợi ích cá nhân đều nhường bước cho lợi ích tập thể, không khí đoàn kết, thân ái bao trùm toàn xã hội. nếp sống mới trong thôn bản được xác lập, hưởng ứng phong trào chống mê tín, dị đoan, tiết kiệm, không ma to, cưới lớn. Những người hành nghề then, bụt, tào cũng giác ngộ từ bỏ.

Trên lĩnh vực giáo dục, không chỉ số lượng học sinh các cấp ngày càng tăng, chất lượng giáo dục ngày càng cao. Toàn thể giáo viên và học sinh đều tham gia phong trào “Hai tốt”. Năm 1962 toàn xã xoá xong nạn mù chữ, bỏ túc văn hoá trở thành trọng tâm giáo dục ở địa phương. Số học viên theo học bỏ túc ngày càng đông và mỗi hợp tác xã quản một lớp võ lòng.

Công tác thông tin tuyên truyền được đẩy mạnh, ở các thôn bản dựng lên các chòi truyền thanh, các buổi chiều tối thanh niên xã đọc tin thắng lợi của hai miền Nam - Bắc qua loa truyền thanh. Đặc biệt các tin tức từ chiến trường miền Nam đều được truyền tin kịp thời qua loa công cộng ở trụ sở ủy ban, trường học, ở đầu ngõ các thôn bản đều có khẩu hiệu, áp phích. Ngày lễ tết các gia đình đều treo cờ, trong nhà có ảnh Hồ Chủ tịch treo ở nơi trang trọng nhất.

Đội văn nghệ xã do đoàn thanh niên chủ trì, thường xuyên luyện tập và biểu diễn phục vụ nhân dân vào các dịp



lễ tết, số người đi xem ngày càng đông. Các hoạt động thể dục thể thao được đẩy mạnh như bóng chuyền, bóng đá, bóng bàn, nhất là dịp học sinh nghỉ hè.

Về y tế, phong trào thực hiện nếp sống mới được thực hiện theo quy ước do nhân dân tự xây dựng. Năm 1964 trạm y tế của xã được thành lập do ông Lương Văn Phùng làm Trạm trưởng. Đảng ủy và chính quyền xã thường xuyên tổ chức các buổi nói chuyện về vệ sinh phòng bệnh, vận động các gia đình đào giếng lấy nước dùng, không dùng nước sông, suối. Vận động nhân dân làm chuồng trại gia súc xa nhà. Cán bộ y tế được đào tạo đã tận tình phục vụ nhân dân, hoạt động của trạm xá ngày càng có uy tín, bệnh sốt rét căn bản được thanh toán. Nhân dân đã có ý thức giữ gìn vệ sinh phòng bệnh.

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng, năm 1963 hưởng ứng cuộc vận động xây dựng chi bộ “Bốn tốt” do Trung ương Đảng phát động đã nâng cao tinh thần trách nhiệm cho đảng viên. Chú trọng công tác xây dựng Đảng, mỗi đảng viên nhận giúp một quần chúng ngoài đảng để trở thành đảng viên. Chi bộ giai đoạn này có 25 đồng chí (gồm các đồng chí Ninh, Mộc, Bảo, Việt, Nự, Len, Ất, Long, Hồ, Viện, Cát, Bằng, Bình, Mạnh, Quế, Thệ, Thái, Duyên, Thượng, Vĩnh, Cấn, Lộc, Thạch, Viện, Sàng) do đồng chí Ngọc Văn Ninh làm Bí thư Chi bộ (1962 - 1971) và đồng chí Hoàng Long Mộc làm Chủ tịch xã (1961 - 1966). Năm 1964 kết nạp thêm 6

đồng chí đảng viên mới, từ đó công tác phát triển đảng được duy trì đều đặn qua các thời kỳ. Tháng 2-1965 Chi bộ Vi Hương đã có 39 đồng chí, với các tổ đảng: Nà Sang, Thống Nhất, Nà Pái, Bó Lịn, các tổ đảng đó chính là nòng cốt là hạt nhân của ba hợp tác xã Thắng Lợi, Liên Minh, Thống Nhất. Tháng 7-1965 Chi bộ có 42 đảng viên và được công nhận là chi bộ 4 tốt. Hội đồng nhân dân xã có 21 đại biểu, hoạt động theo đúng chương trình, kế hoạch, tiến hành đều đặn các cuộc tiếp xúc cử tri.

Cuối năm 1965 có thêm 7 hộ đồng bào Dao từ bản Khuổi Cọ hạ sơn xuống bản Phiêng Mồ gồm 54 nhân khẩu. Các tổ đảng cũng được tăng thêm: Bó Lịn, Thống Nhất, Nà Pái, Liên Minh. Số lượng đảng viên ngày càng đông, tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế như: Các chỉ tiêu sản xuất chưa đạt vững, trong chỉ đạo chưa đi sâu đi sát vào các ngành, đoàn thể như thanh niên, phụ nữ, chưa bám sát các tổ đảng hợp tác xã, việc kiểm tra nắm vững tình hình trong nhân dân còn hạn chế, nên điều hoà lương thực chưa tốt. Chưa kiên quyết với các hộ cá thể trong việc bán thóc nghĩa vụ cho nhà nước.

Tuy vậy với những thành tích đã đạt được trên tất cả các lĩnh vực sản xuất, đời sống, xây dựng hợp tác xã, đặc biệt làm tốt công tác hậu phương đã khẳng định sự vững vàng của Chi bộ và vai trò lãnh đạo toàn diện, quyết định bước phát triển của địa phương trên tất cả mọi lĩnh vực.

### **III. XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG VỮNG MẠNH, TÍCH CỰC CHI VIỆN CHO TIỀN TUYẾN TRONG THỜI KỲ 1965 - 1975**

#### **1. Đảng bộ xã lãnh đạo nhân dân vừa sản xuất vừa chiến đấu bảo vệ quê hương**

Cuối năm 1964 đầu năm 1965, bị thất bại trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, đế quốc Mỹ leo thang lên bước cao nhất là “Chiến tranh cục bộ”. Chúng ồ ạt đưa quân viễn chinh Mỹ và chư hầu vào miền Nam Việt Nam, đồng thời tiến hành chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc, nhằm phá hoại các cơ sở kinh tế, quốc phòng, bệnh viện, trường học để ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với cách mạng miền Nam.

Ngày 5-8-1964 máy bay Mỹ ném bom một số địa điểm ven biển miền Bắc như Hải Phòng, Vinh...

Tháng 2-1965 máy bay Mỹ tiến hành ném bom bắn phá ồ ạt miền Bắc. Miền Bắc chuyển từ thời bình sang thời chiến, vừa là hậu phương vừa là tiền tuyến.

Trước âm mưu leo thang chiến tranh của Mỹ, Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá III) họp ngày 25-3-1965, đã đề ra nhiệm vụ cấp bách cho cách mạng hai miền là “Sẵn sàng đối phó và quyết thắng cuộc chiến tranh cục bộ ở miền Nam nếu địch gây ra; tiếp tục xây dựng miền Bắc, kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế và tăng cường quốc phòng, kiên quyết bảo vệ miền



Bắc, đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại và phong toả bằng không quân, hải quân của địch”<sup>(1)</sup>.

Ngày 21-4-1965, Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn hợp nhất hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên thành tỉnh Bắc Thái. Bắc Thái trở thành một trong những tỉnh lớn của miền Bắc, có khu công nghiệp gang thép (Thái Nguyên), có công trường A3 Tân Phúc, có cầu phà (Bắc Kạn)... là những mục tiêu phá hoại của máy bay Mỹ.

Ngày 8 và 9 tháng 3 năm 1964 Chi bộ xã Vi Hương đã tiến hành đại hội với 30 đảng viên tham dự. Đại hội đã bầu đồng chí Ngọc Văn Ninh làm Bí thư và đồng chí Hoàng Long Mộc làm Phó Bí thư chi bộ.

Hoà vào không khí kháng chiến chống Mỹ cứu nước của cả dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, quân và dân xã Vi Hương đã nhanh chóng chuyển mọi hoạt động kinh tế - xã hội từ thời bình sang thời chiến, nêu cao khẩu hiệu “Vừa sản xuất vừa chiến đấu”, “quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, Đoàn thanh niên nêu cao khẩu hiệu “Ba sẵn sàng”, hội phụ nữ thực hiện khẩu hiệu “Ba đảm đang”.

Để lãnh đạo cuộc kháng chiến, nhiệm vụ trước mắt là phải kiện toàn và xây dựng chi bộ đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng.

Sau cuộc vận động chi bộ 4 tốt do Trung ương phát động từ năm 1963, Chi bộ đảng xã Vi Hương đã được củng cố và ngày càng vững mạnh. Trước yêu cầu nhiệm vụ mới,

---

<sup>(1)</sup> Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ cứu nước, Nxb Sự thật, H. 1985, T1, trang 218.

căn cứ vào sự trưởng thành của Chi bộ Vi Hương, Huyện ủy Bạch Thông đã quyết định thành lập Đảng bộ Vi Hương năm 1965. Đại hội Đảng bộ lần thứ nhất của xã Vi Hương khai mạc lúc 13h ngày 15-11-1965, tổng số đảng viên có mặt 37 đồng chí, 31 đồng chí là đại biểu chính thức. Sau khi trình bày báo cáo chính trị và phương hướng công tác của Đảng bộ, Đại hội đã bầu các đồng chí: Ngọc Văn Ninh, Dương Văn Thượng, Hoàng Long Mộc, Hoàng Long Mạ, Dương Văn Việt vào Ban Chấp hành Đảng bộ và thông qua Nghị quyết Đại hội.

Ban Chấp hành Đảng bộ phân công nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Đồng chí Ngọc Văn Ninh - Bí thư Chi bộ phụ trách chung, trực tiếp phụ trách tổ chức và công tác hợp tác xã.

- Đồng chí Hoàng Long Mộc - Phó Bí thư, phụ trách chính quyền (Chủ tịch xã).

- Đồng chí Dương Văn Việt - Đảng ủy viên, phụ trách Dân quân tự vệ xã.

- Đồng chí Hoàng Long Mạ - Đảng ủy viên, phụ trách Mặt trận xã.

- Đồng chí Dương Văn Thượng - Đảng ủy viên, phụ trách công tác Tuyên huấn và Thanh vận.

Căn cứ vào số lượng đảng viên, Đảng ủy xã đã tổ chức thành 3 chi bộ trực thuộc là các chi bộ Thắng Lợi, Liên Minh, Thống Nhất.

Ban Chi ủy Chi bộ Thắng Lợi gồm các đồng chí: Mạ (Bí thư), Hồ (Phó Bí thư), Von, Nự, Bảo (Ủy viên).

Ban Chi ủy Chi bộ Liên Minh gồm các đồng chí: Việt (Bí thư), Vĩnh (Phó Bí thư), Long (Ủy viên).

Ban Chỉ ủy Chi bộ Thống Nhất gồm các đồng chí: Thượng (Bí thư), Quý (Phó Bí thư), Quế (Ủy viên).

Căn cứ vào Nghị quyết của Đảng bộ, Đảng ủy chỉ đạo kiên quyết công tác phát triển đảng và giáo dục quần chúng, mỗi đảng viên phụ trách 4 đến 8 hộ. Đồng thời đảm bảo sinh hoạt đều đặn ở các chi bộ mỗi tháng họp một lần, tổ đảng họp từ ngày 10 đến 15, chi bộ họp từ ngày 15 đến 20, Đảng ủy họp từ ngày 20 đến 25 hằng tháng. Nội dung các cuộc họp là kiểm điểm công tác cũ, đề ra công tác mới, góp ý phê bình giúp đỡ nhau. Chú ý giúp đỡ các đối tượng để trở thành đảng viên.

Đảng bộ Vi Hương được thành lập đã tạo ra tiền đề có ý nghĩa quyết định đưa tới mọi thắng lợi của cách mạng ở địa phương Vi Hương. Từ đó chính quyền, các đoàn thể quần chúng cũng được kiện toàn và vững mạnh. Hội đồng nhân dân xã lúc này có 23 đại biểu, do đồng chí Hoàng Long Mộc làm Chủ tịch và đồng chí Dương Văn Thương làm Phó Chủ tịch. Lúc này toàn xã Vi Hương có 157 hộ, trong đó có 106 hộ dân tộc Tày; 33 hộ dân tộc Kinh; 16 hộ dân tộc Dao; 2 hộ dân tộc Hoa. Dân số toàn xã năm 1965 là 1.221 người.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ xã, công tác cấp bách là thực hiện chủ trương phòng tránh máy bay địch. Ban phòng không nhân dân huyện và xã đã chỉ đạo các bản, trường học, trạm xá, đào hầm cá nhân. Từ sản xuất ngoài



đồng ruộng đến các nơi sinh hoạt cộng đồng, các tụ điểm đông dân cư mọi việc đều diễn ra nhanh gọn, tránh giờ cao điểm. Với khẩu hiệu “Tay cày, tay súng” chị em dân quân ra đồng ruộng vừa sản xuất vừa tham gia chiến đấu khi cần thiết.

Thực hiện nhiệm vụ quân sự cấp trên giao phó, được Huyện đội quan tâm chỉ đạo, trang bị vũ khí, Đảng bộ đã thành lập một trung đội cơ động, trang bị vũ khí đầy đủ, được huấn luyện công tác phòng không, bắn máy bay bay thấp, thực hiện nhiệm vụ trực chiến 24/24 giờ. Trong các buổi giao ban của Đảng ủy, Chính quyền đều có kiểm điểm rút kinh nghiệm, nhằm nâng cao cảnh giác, khả năng và hiệu quả chiến đấu, bổ sung phương án tác chiến cho phù hợp với tình hình. Xã đã thành lập Ban cứu thương, Đội xung kích cứu hoả, Tổ phá bom, Đội chuyển tải, mỗi hợp tác xã thành lập đội Bảo vệ kho tàng. Công tác trị an bảo mật luôn được coi trọng, theo dõi người lạ mặt vào địa phương, thực hiện nếp sống phòng không nhân dân, có kế hoạch dự phòng sơ tán khi cần thiết.

*Công tác xây dựng, huấn luyện dân quân được tăng cường:*  
Xã đã làm tốt công tác xây dựng lực lượng hậu bị, sẵn sàng bổ sung lực lượng cho quân chủ lực khi cần. Các đợt tuyển quân hằng năm, Vi Hương đều đạt và vượt kế hoạch. Tinh thần chiến đấu chống Mỹ cứu nước đã thôi thúc nhiều thanh niên chưa đến tuổi nghĩa vụ quân sự đã viết đơn bằng máu tình nguyện lên đường để chiến đấu. Nhiều gia đình có từ 2 đến 3 con lên đường nhập ngũ. Trong suốt

cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã có 463 người tham gia chiến đấu, nhiều chiến sĩ lập chiến công dũng sĩ diệt Mỹ. Trong đó có 22 liệt sĩ, 11 thương binh và 12 người bị chất độc da cam.

Phát huy truyền thống kháng chiến chống Pháp, trong những năm tháng kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đảng bộ và nhân dân xã Vi Hương đã đón nhận trường Trung cấp Ngân hàng đến sơ tán tại địa phương. Nhà trường đã dựa vào sự giúp đỡ của Đảng bộ và nhân dân trong xã để xây dựng và phát triển, thực hiện sự nghiệp đào tạo cán bộ của Đảng và Nhà nước. Nhân dân xã đã tạo điều kiện về nhà ở, xây dựng lớp học, nhà làm việc, thư viện... để giáo viên và sinh viên giảng dạy và học tập. Qua các hoạt động giữa nhà trường và nhân dân địa phương, các buổi biểu diễn văn nghệ, dạy bổ túc văn hoá, phát thanh truyền tin và các buổi lao động của sinh viên cùng với nhân dân thu hoạch mùa vụ, đào mương chống hạn, bắt sâu bọ... quan hệ giữa giáo viên, sinh viên của nhà trường với nhân dân địa phương ngày càng gắn bó.

*Tiến hành cải tiến quản lý trong các hợp tác xã là nhiệm vụ trọng tâm trong lúc này, Đảng bộ chỉ đạo các hợp tác xã sắp xếp lại lao động, cơ cấu lại ngành nghề, chấn chỉnh lại các đội sản xuất, phát triển ngành nghề, thành lập đội thủy lợi, tu bổ cải tạo rừng, khai thác gỗ, xây dựng trạm thủy điện, xây dựng hợp tác xã mua bán (1967), làm lò gạch. Mỗi xã viên một năm phải đảm bảo 245 ngày công. Hậu phương có trăm công nghìn việc, cơ bản nhất vẫn là*

đồng chí Bảo - Bí thư Chi bộ Thắng Lợi, đồng chí Thượng  
- Bí thư Chi bộ Thống Nhất.

Đại hội Đảng bộ lần thứ 2 đã thúc đẩy thêm một bước về sự lãnh đạo toàn diện của Đảng với các phong trào trong toàn xã nói chung và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng nói riêng.

Bị thất bại nặng nề trong cuộc chiến tranh cục bộ ở miền Nam và chiến tranh phá hoại miền Bắc, đế quốc Mỹ từng bước xuống thang chiến tranh. Ngày 31-3-1968, tổng thống Mỹ tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra. Và đến ngày 01-11-1968 Mỹ buộc phải ngừng ném bom miền Bắc vô điều kiện, chấp nhận đàm phán ở Hội nghị Pari.

Tranh thủ thời gian có hòa bình, Đảng bộ và nhân dân xã Vi Hương ra sức phát triển kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, đẩy mạnh phát triển văn hoá, giáo dục, củng cố quốc phòng an ninh.

Trước tình hình phát triển mới có nhiều thuận lợi của cuộc kháng chiến, Đảng bộ xã Vi Hương họp Đại hội lần thứ 3 vào ngày 11, 12 tháng 11 năm 1968. Đại hội có 37 đồng chí tham dự đã nhất trí bầu các đồng chí Nhình, Thượng, Lanh, Lôi, Von vào Ban Chấp hành Đảng bộ. Đồng chí Nhình tiếp tục giữ chức Bí thư, đồng chí Thượng Phó Bí thư Đảng ủy.

Quán triệt chủ trương của huyện về đẩy mạnh công tác quản lý hợp tác xã, đưa hợp tác xã bậc thấp lên hợp tác



xã bậc cao, trên cơ sở các hợp tác xã đã được củng cố vững mạnh. Huyện Bạch Thông quyết định thành lập hợp tác xã bậc cao ở Vi Hương vào năm 1968. Ông Ngọc Văn Ninh được bầu làm Chủ nhiệm hợp tác xã.

Bước đầu xây dựng hợp tác xã toàn xã còn gặp nhiều khó khăn, do cơ sở vật chất, kỹ thuật còn yếu kém, năng lực quản lý còn hạn chế, chưa có kinh nghiệm. Mặc dầu vậy, bước đầu đã phát huy được một số mặt tích cực như điều hoà được nhân lực giữa các tổ sản xuất, điều hoà diện tích ruộng đất cho các tổ hợp lý hơn, thuận lợi cho phát triển ngành nghề, làm các công trình công cộng như làm đường, làm đập thủy điện.v.v...

Trong những năm 1968 - 1972 nhiệm vụ chủ yếu của Đảng bộ là lãnh đạo nhân dân khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế, văn hoá, tích cực chi viện cho chiến trường miền Nam. Nhân dân luôn phấn khởi tin tưởng vào cuộc kháng chiến sẽ thành công, ý thức chính trị được nâng lên, hợp tác xã được củng cố.

Quán triệt Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh và huyện Bạch Thông, Đảng bộ xã Vi Hương xác định phương hướng phát triển kinh tế là nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi, đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống nhân dân sau chiến tranh, thực hiện chính sách hậu phương quân đội.

Về sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã chủ trương triển khai các biện pháp kỹ thuật, mạnh dạn đưa giống lúa mới có năng suất cao vào đồng ruộng như giống lúa Nam lùn, Mộc tuyền, thực hiện cấy thẳng hàng, đúng thời vụ, phân

đầu theo tinh thần đạt 5 tấn/ha, nuôi 2 con lợn, 1 đến 4 con trâu đối với mỗi gia đình xã viên hợp tác xã. Chú trọng chăn nuôi đại gia súc, tiểu gia súc cả chăn nuôi tập thể và các hộ xã viên.

Về lâm nghiệp, Đảng bộ tập trung chỉ đạo trồng rừng, lập tổ chuyên nghiệp khai thác rừng, vừa tu bổ vừa cải tạo làm cho rừng mau tái sinh, lập quy ước bảo vệ rừng, chú trọng bảo vệ rừng Khuổi Cọ. Nhân dân phát rẫy làm nương phải theo quy định của ngành lâm nghiệp.

Về giao thông, tiến hành làm đường và sửa chữa các đoạn đường đã làm, mở rộng đường chính của xã, đồng thời tiến hành làm các con đường vào các thôn bản.

Trên lĩnh vực văn hoá giáo dục cũng có nhiều hoạt động sôi nổi. Phong trào văn nghệ với phương châm “Tiếng hát át tiếng bom” đã trở thành phong trào quần chúng rộng rãi, thu hút nhiều người tham gia nhất là thanh niên. Các đội văn nghệ, tổ văn hoá thông tin hoạt động rầm rộ.

Trong các thôn bản việc chăm sóc thương binh, bệnh binh gia đình liệt sĩ, gia đình bộ đội được chú trọng. Các tổ chức như tổ thương binh, vợ quân nhân, có nhiều hoạt động giúp đỡ chia sẻ. Các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, mặt trận... thường xuyên thăm hỏi các đối tượng chính sách, nhất là vào các dịp lễ tết. Con em các gia đình liệt sĩ, thương binh, người có công được chú ý chăm sóc giáo dục, nhiều em được cấp học bổng, miễn học phí, ưu tiên phát sách giáo khoa, phân công giáo viên kèm cặp.

Nhiều phụ nữ là vợ bộ đội đã phát huy truyền thống thuỷ chung, đảm đang, bất khuất, tích cực hoạt động xã hội, trở thành cán bộ cốt cán trong các tổ chức đoàn thể và chính quyền.

Trong các trường học cấp I và vỡ lòng, một số trường rời nơi sơ tán trở về đã nhanh chóng đưa các hoạt động giảng dạy và học tập vào nền nếp. Phong trào thi đua “Hai tốt” dần dần đi vào chiều sâu và đã trở thành mục tiêu phấn đấu của giáo viên và học sinh. Số học sinh càng tăng, trường lớp tăng. Năm học 1972 - 1973, Trường phổ thông cấp II xã Vi Hương được thành lập, đây là bước phát triển quan trọng của ngành giáo dục địa phương, thầy Luân Văn Khoa là Hiệu trưởng đầu tiên của Trường liên cấp I, II Vi Hương. Trường cấp I của xã lúc này đạt danh hiệu tiên tiến. Năm 1965 lần đầu tiên Vi Hương có người tốt nghiệp đại học là anh Đặng Kim Hùng.

## **2. Chi viện cho tiền tuyến miền Nam từ 1965 - 1975**

Năm 1969 Ních Xon làm tổng thống Mỹ đã thực hiện chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”. Sau hơn 3 năm tiến hành chiến lược này vẫn liên tiếp bị thất bại. Để cứu vãn tình thế, Ních Xon liền lệnh thực hiện chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai. Ngày 18-10-1972 máy bay Mỹ bắn phá trở lại địa bàn Bạch Thông. Bất kể trong tình huống nào dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ xã, nhân dân các dân tộc Vi Hương vẫn hoàn thành nhiệm vụ chính trị của mình. Kinh tế - xã hội vẫn ổn định và giữ vững, chi viện cho chiến trường miền Nam ngày càng tăng cả về sức người và sức của.



Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Vi Hương có 463 thanh niên lên đường nhập ngũ và 7 người đi thanh niên xung phong, trong đó có 22 chiến sĩ đã hy sinh, 11 chiến sĩ là thương binh. Có nhiều người được tặng thưởng huân huy chương, danh hiệu dũng sĩ, một số đồng chí là sĩ quan chỉ huy, có 24 gia đình liệt sĩ và 4 bà mẹ được phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, 1 đồng chí được phong quân hàm đại tá Quân đội nhân dân Việt Nam đầu tiên của xã là đồng chí Hoàng Đình Thập.

Những đóng góp, hy sinh của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Vi Hương đã góp phần vào thắng lợi vĩ đại của dân tộc. Đầu năm 1972 Hiệp định Pari được ký kết. Thực hiện khẩu hiệu của Trung ương Đảng: Tất cả cho giải phóng miền Nam. Nhân dân các dân tộc Vi Hương dồn sức cùng đồng bào cả nước, tiến lên đánh trận cuối cùng, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, đưa non sông về một mối vào ngày 30-4-1975.

Với những thành tích đóng góp to lớn của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Vi Hương trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954), chống Mỹ (1954 - 1975), cán bộ, quân và dân Vi Hương đã được Đảng, Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang và được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng Hai, 01 Huân chương lao động hạng Ba cho tập thể xã và 144 huân chương, huy chương (trong đó có 79 Huân chương kháng chiến, 5 Huân chương chiến thắng và 60 Huy chương) cho các cá nhân.

## **CHƯƠNG IV**

### **ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ NĂM 1976 ĐẾN NĂM 2015**

#### **I. LÃNH ĐẠO KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH KẾ - XÃ HỘI THỜI KỲ 1976 - 1986**

##### **1. Ổn định đời sống nhân dân, khôi phục và phát triển kinh tế từ năm 1976 - 1979**

Đại thắng mùa xuân năm 1975, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã đưa đất nước ta bước vào kỷ nguyên mới: Độc lập, thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Từ tháng 5-1975, cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới: Xây dựng đất nước theo định hướng XHCN. Trước mắt, cả nước khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân, hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Trong những năm thực hiện nhiệm vụ chính trị xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của CNXH, huyện Bạch Thông nói chung và xã Vi Hương nói riêng đã đạt được nhiều thành tích trên các mặt kinh tế - xã hội.

Mặc dù vậy, với nền kinh tế tiểu nông còn mang nặng tính chất tự cung tự cấp, cơ chế quản lý cũ, lại chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh. Nên khi bước vào thời kỳ lịch sử mới, Vi Hương là một xã nghèo, kinh tế - xã hội chậm phát triển. Hơn nữa là xã miền núi, đất không rộng, diện tích canh tác ít, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn.

Quán triệt các chủ trương, nhiệm vụ của Đảng bộ huyện Bạch Thông, nhất là Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ 3 (4-1975). Đảng bộ xã đã đề ra các chủ trương biện pháp đẩy mạnh mọi hoạt động toàn xã nhằm ổn định và nâng cao đời sống của nhân dân, tạo ra bước phát triển mới trên tất cả các lĩnh vực như: Phát triển sản xuất, văn hoá, giáo dục, y tế, đảm bảo an ninh trật tự, trước mắt là hoàn thành tốt công tác hậu phương quân đội.

Sau chiến tranh, bộ đội từ chiến trường trở về, trong niềm vui phấn khởi, lãnh đạo Đảng, Chính quyền, đoàn thể của xã đã gặp gỡ, thăm hỏi, quan tâm đặc biệt đối với thương binh, bệnh binh, động viên chia sẻ đối với các gia đình liệt sĩ. Đồng thời động viên các anh bộ đội sẵn sàng góp sức tham gia gánh vác các công tác xây dựng quê hương. Lực lượng bộ đội là những chiến sĩ mang bản lĩnh và phẩm chất anh bộ đội cụ Hồ, trong đó có nhiều anh đã là đảng viên, tạo ra cơ hội bổ sung cán bộ lãnh đạo cho xã, hợp tác xã cũng như các đội sản xuất thêm hùng hậu.

Để ổn định đời sống nhân dân, Đảng bộ đặc biệt chú trọng sản xuất lương thực, thực phẩm, mục tiêu sản xuất nông nghiệp là đạt 5 tấn thóc/ha để có lương thực dồi dào đáp ứng nhu cầu đời sống xã hội. Điều kiện để nâng cao sản lượng nông nghiệp là phải áp dụng triệt để tiến bộ khoa học kỹ thuật vào đồng ruộng và đẩy mạnh công tác quản lý hợp tác xã, nâng cao tính khoa học để có giá trị ngày công cao. Hợp tác xã được củng cố, tăng cường năng lực bộ máy



điều hành; Ban quản trị hợp tác xã được sắp xếp bố trí phù hợp với khả năng từng người và phù hợp với tình hình thực tế để mang lại hiệu quả cao. Đảng bộ và Hợp tác xã đã cử người đi học tại các trường chuyên nghiệp về kỹ thuật nông nghiệp và quản lý kinh tế, cụ thể từ năm 1972 đến năm 1980 đã cử được 4 thanh niên đi học. Đảng bộ cũng đã xác định rõ phương hướng sản xuất của hợp tác xã là đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, tăng sản lượng cây trồng. Tranh thủ sự giúp đỡ đầu tư của các ngành, các tập thể và cá nhân trong huyện để đẩy mạnh công tác thuỷ lợi, từng bước kiên cố hoá hệ thống mương phai, đắp ao hồ trữ nước, chuyển ruộng một vụ thành hai vụ, mở rộng diện tích trồng màu, khai phá soi bãi, sườn đồi dọc bờ suối, san lấp thung lũng, khe sâu... để trồng màu.

Hệ thống giao thông nội đồng được củng cố, đào đắp tôn cao, mở rộng các tuyến đường giao thông từ các bản đến trung tâm xã thuận lợi cho giao thông và vận chuyển vật tư.

Những cố gắng và thành tích đạt được trong công tác thuỷ lợi và giao thông nông thôn, đồng ruộng đã giúp cho việc thâm canh, chăm bón đồng ruộng có hiệu quả. Năm 1978 đã đắp đập xây dựng được trạm thuỷ điện có công suất 20 kw/h. Nhờ đó khắc phục được hạn hán do thiên tai gây ra, vì vậy năng suất lúa luôn đạt khá so với các đơn vị trong toàn huyện.

Song song với trồng trọt, chăn nuôi gia súc, gia cầm ở các gia đình không ngừng phát triển. Tổng đàn trâu của hợp

tác xã đạt 1.400 con. Đời sống nhân dân từng bước được cải thiện và ổn định. Tuy nhiên so với yêu cầu ngày càng cao của cuộc sống thì vẫn chưa đáp ứng được đầy đủ với các gia đình và xã hội, vì giá trị ngày công vẫn thấp, chưa có nhiều việc làm.

*Về văn hoá xã hội*, đất nước được hoà bình, thống nhất, trường học được sửa sang khang trang hơn, học sinh đi học ở các cấp phổ thông ngày càng đông. Tài liệu sách giáo khoa, dụng cụ thiết bị cho dạy và học được đầy đủ, phong phú hơn, thầy cô giáo có điều kiện tập trung nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ, luôn cải tiến phương pháp giảng dạy. Nhà trường luôn có không khí vui tươi với các hoạt động học tập, văn nghệ, thể dục, thể thao sôi nổi. Chất lượng giáo dục được nâng lên.

*Về y tế, chăm sóc sức khoẻ nhân dân cũng được đẩy mạnh*, Đảng bộ đã chỉ đạo xây dựng trạm xá năm 1979, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho cán bộ y tế công tác tốt, đảm bảo đủ thuốc chữa bệnh, thực hiện phương châm đông tây y kết hợp. Chú trọng công tác vệ sinh phòng bệnh, sức khỏe của người dân ngày càng được nâng cao.

Để tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, Đảng bộ xã đẩy mạnh hoạt động thông tin, tuyên truyền thông qua phong trào văn nghệ mừng Đảng, mừng xuân, mừng đất nước thống nhất tạo ra niềm vui phấn khởi chung ở tất cả các thôn bản. Hội phụ nữ đi sâu, đi sát động viên

chị em phát huy tinh thần đoàn kết, hăng hái tham gia phong trào “Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Công tác chính quyền, mặt trận và các đoàn thể được củng cố một bước, thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị (3-1-1976) về việc lãnh đạo cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung cả nước, được Huyện ủy chỉ đạo, Đảng bộ, Chính quyền, Mặt trận xã đã tổ chức động viên nhân dân tham gia cuộc sinh hoạt chính trị lớn của cả dân tộc là bầu cử Quốc hội ngày 25-4-1976, thực sự ngày hội lớn của nhân dân.

Đứng trước những âm mưu và các biểu hiện xâm lược mới của các thế lực thù địch bên ngoài ở biên giới phía Bắc và phía Tây nam của Tổ quốc. Đảng bộ xã quán triệt sâu sắc quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước, tuyên truyền, thông báo cho nhân dân hiểu rõ âm mưu của kẻ thù để thống nhất ý chí và hành động.

## **2. Tích cực tham gia bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc**

Xuất phát từ yêu cầu bảo vệ Tổ quốc, để có hậu phương rộng lớn cho Cao Bằng, tại kỳ họp thứ tư (ngày 29-1-1978) Quốc hội khoá VI Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Nghị quyết phê chuẩn việc sáp nhập hai huyện Ngân Sơn và Chợ Rã của tỉnh Bắc Thái vào tỉnh Cao Bằng.

Vi Hương là xã tiếp giáp với Chợ Rã (tiếp giáp với tỉnh Cao Bằng) có một vị trí rất quan trọng nếu chiến tranh xảy ra ở biên giới.



Khi tình hình biên giới phía Bắc của Tổ quốc ngày càng căng thẳng, cuộc chiến tranh biên giới không thể tránh khỏi. Quán triệt chủ trương của tỉnh, của Đảng bộ huyện Bạch Thông, công việc chuẩn bị cho cuộc chiến đấu mới đã được tiến hành. Đảng ủy và Ủy ban nhân dân xã đã kịp thời xây dựng phương án chiến đấu. Cụ thể vạch kế hoạch sơ tán dân, cất giấu lương thực, tài sản của nhân dân, vạch phương án chiến đấu bảo vệ quê hương nếu kẻ thù liều lĩnh xâm phạm. Kế hoạch dự phòng đón tiếp đồng bào ở các xã phía bắc thuộc tỉnh Cao Bằng khi có chiến tranh có thể di cư xuống Vi Hương. Phát huy truyền thống yêu nước bảo vệ Tổ quốc, Đảng ủy và Ủy ban nhân dân xã động viên thanh niên lên đường nhập ngũ trực tiếp cầm súng bảo vệ biên cương Tổ quốc. Trong đợt tuyển quân đầu tiên cho chiến trường biên giới có nhiều thanh niên Vi Hương đã gia nhập lực lượng vũ trang trực tiếp chiến đấu trên chiến trường biên giới phía Bắc của Tổ quốc. Vi Hương là một trong số các xã như: Huyện Tụng, Dương Quang, Tân Tiến, Cẩm Giàng, Cao Kỳ có phong trào thanh niên hăng hái lên đường nhập ngũ.

Những ngày đầu năm 1979 tình hình chiến sự ở biên giới phía Bắc diễn ra quyết liệt, Vi Hương là địa bàn có khả năng sẽ là chiến trường trực tiếp đối đầu với quân xâm lược. Vì vậy, Đảng ủy và Ủy ban xã được sự chỉ đạo của huyện Bạch Thông và các lực lượng bộ đội đóng trên địa bàn đã đề ra kế hoạch tác chiến, trong đó khẩn trương xây

dụng công sự chiến đấu. Hàng trăm cán bộ và sinh viên của trường Đại học sư phạm Việt Bắc (nay là Đại học sư phạm Thái Nguyên) đã về đây để đào hầm hào, xây dựng công sự chiến đấu. Ở các bản làng của Vi Hương đều có bộ đội, thanh niên, sinh viên trong không khí khẩn trương với tinh thần quyết tâm, sẵn sàng chiến đấu. Nhân dân các dân tộc Vi Hương đã tạo mọi điều kiện để công cuộc chuẩn bị chiến trường đạt hiệu quả cao nhất. Trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc và phía Tây Nam của Tổ quốc, Vi Hương có 7 liệt sĩ và 1 thương binh. Với thành tích xuất sắc đó năm 1979 Vi Hương vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng Huân chương chiến công hạng Nhì.

Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới kết thúc, lực lượng quân địch đã rút khỏi biên giới, nhưng tình hình biên giới vẫn nóng bỏng, các đơn vị bộ đội vẫn đóng ở Vi Hương, sống trong sự đùm bọc yêu thương của nhân dân, trong “Tình quân dân cá nước”.

### **3. Lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội từ năm 1980 - 1986**

Trải qua 5 năm (1975 - 1980), thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc xã Vi Hương đã đạt được nhiều thành tích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Với sự nỗ lực vượt mọi khó khăn, kinh tế - xã hội của Vi Hương có nhiều chuyển biến, song tốc độ phát triển còn chậm, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, làm không đủ ăn, trong đời sống xã hội còn nảy sinh nhiều tiêu cực.

Tình hình đất nước trong giai đoạn này đang gặp nhiều khó khăn to lớn, đặt ra cho Đảng và Nhà nước ta những vấn đề cấp bách cần giải quyết. Chúng ta xây dựng CNXH từ một nền sản xuất nhỏ, kinh tế tự nhiên, tự cấp tự túc và lại chịu hậu quả nặng nề của 30 năm chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ, đời sống nhân dân còn thiếu thốn. Đất nước ta đang ở trong tình thế vừa có hòa bình để xây dựng đất nước, vừa đương đầu với chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch và bối cảnh quốc tế diễn biến phức tạp. Hệ thống xã hội chủ nghĩa khủng hoảng ngày càng trầm trọng.

Trước đặc điểm tình hình thế giới, trong nước và địa phương, Đảng bộ Vi Hương đã quán triệt sâu sắc đường lối chủ trương chính sách của Đảng và nghị quyết của Đảng bộ các cấp đề ra các chủ trương biện pháp phù hợp và hiệu quả nhất. Đảng Bộ đã họp Đại hội lần thứ 20 nhiệm kỳ 1981 - 1984. Trên cơ sở quán triệt nghị quyết Đảng cấp trên, Đại hội đã nhìn nhận đúng đắn thực trạng tình hình, xác định những khó khăn và thuận lợi một cách khách quan, từ đó đề ra các giải pháp đúng đắn, phù hợp. Đại hội nhấn mạnh trọng tâm trước mắt là công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ đảng viên và nhân dân, trên cơ sở nhận thức đúng tình hình, cần giữ vững niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, coi công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Thực hiện chủ trương của Huyện ủy, tiến hành đợt sinh hoạt chính trị kiểm điểm tư cách đảng viên và tổ chức phát thẻ Đảng vào dịp



các ngày lễ lớn mừng 3/2, mừng 1/5 và mừng 2/9. Thông qua các đợt phát thẻ Đảng, quần chúng nhân dân càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Tiếp theo Thông báo số 22-TB/TW ngày 21-10-1980 về một số công tác trước mắt trong việc củng cố hợp tác xã nông nghiệp và những vấn đề khoán sản phẩm trong hợp tác xã nông nghiệp, để tạo ra sự đột phá trong sản xuất nông nghiệp của Trung ương, bản Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp”, ra ngày 13-1-1981 đã nêu rõ mục đích khoán sản phẩm là bảo đảm phát triển sản xuất, củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất XHCN ở nông thôn, không ngừng nâng cao thu nhập cho xã viên, tăng tích lũy cho hợp tác xã, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước. Cải tiến công tác khoán khuyến khích mạnh mẽ lợi ích chính đáng của người lao động, sẽ làm cho mọi người gắn bó với sản phẩm cuối cùng. Vấn đề đặt ra là phải hoàn chỉnh chế độ “ba khoán” (khoán chi phí sản xuất, khoán công điểm, khoán sản phẩm) sao cho hợp lý đến tận nhóm và người lao động, tránh tình trạng “khoán trắng”. Chỉ thị đã đáp ứng được nguyện vọng, quyền lợi và quyền chủ động sản xuất của người nông dân, thúc đẩy năng suất, hiệu quả lao động, làm cho sản xuất phát triển. Căn cứ vào các văn bản trên và theo tinh thần chỉ đạo của Huyện ủy, Đảng bộ đã đề ra chủ trương củng cố hợp tác xã, triển khai công tác khoán phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của địa phương.

Tháng 3-1982 Đảng Cộng sản Việt Nam họp Đại hội toàn quốc lần thứ 5, xác định hai chiến lược cách mạng là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chỉ rõ hơn những nhiệm vụ trước mắt của toàn Đảng, toàn dân.

Quán triệt đường lối và chủ trương trên, Đảng bộ đã lãnh đạo Chính quyền, các đoàn thể quần chúng, thành lập Ban chỉ huy sản xuất, tiến hành xác định lại năng suất, sản lượng trên từng thửa, từng khu, từng cánh đồng cho sát trước khi giao khoán cho xã viên. Hợp tác xã đảm nhiệm khâu giống, phòng trừ sâu bệnh, phân bón và điều chỉnh khâu phân phối đối với các đối tượng chính sách cho hợp lý, toàn bộ các quy trình sản xuất, chăm bón, thu hoạch, đến giao nộp sản phẩm đều do xã viên tiến hành. Do khoán sản phẩm, xã viên chủ động đầu tư sản xuất, chăm bón và được hưởng thành quả theo lao động của mình, đã kích thích sản xuất phát triển, đời sống của nhân dân dần được cải thiện.

*Về lâm nghiệp*, thực hiện Nghị quyết 16 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, năm 1983 tỉnh tổ chức giao khoán rừng và đất rừng cho tập thể và các hộ gia đình quản lý kinh doanh. Huyện ủy đã triển khai trong toàn huyện về giao đất giao rừng. Đảng bộ Vi Hương căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương đã giao khoán đất cho hợp tác xã đến từng đội sản xuất, quy định vùng chăn thả gia súc, đề ra nội quy bảo vệ rừng. Ủy ban nhân dân đã thành lập tổ kiểm lâm, có nhiệm vụ phối hợp với cán bộ kiểm lâm Huyện lên

kế hoạch tuần tra, bảo vệ, xử lý các vụ vi phạm khai thác trái pháp luật tài nguyên rừng.

Việc giao đất giao rừng là chủ trương đúng đắn, tránh được sự khai thác tùy tiện, tự nhiên, gây hậu quả nghiêm trọng về tài nguyên và môi trường sinh thái. Rừng, đất rừng đều có chủ nhân quản lý, có kế hoạch tu bổ, khai thác, kinh doanh và bảo vệ.

*Về chăn nuôi gia súc, gia cầm* được giữ vững và phát triển. Giống lợn mới là lợn lai kinh tế khá phổ biến, nhiều hộ gia đình nuôi lợn nái cung cấp con giống cho địa phương. Đàn trâu hợp tác xã có phần giảm sút do thiếu bãi chăn thả, phòng bệnh dịch yếu, dẫn đến tình trạng thiếu sức kéo.

Phong trào nuôi cá cũng phát triển, ngoài nuôi cá truyền thống còn có thêm giống cá mới như trắm cỏ, mè hoa v.v... được nhân dân nuôi nhiều trong các ao hồ của gia đình và ao tập thể.

Cơ sở hạ tầng được cải thiện, đường xá trong thôn bản đi lại thuận lợi, tất cả các đội sản xuất của hợp tác xã đều xây dựng được sân kho, nhà kho khá kiên cố, lợp ngói. Nhà kho không chỉ là nơi cất giữ lương thực, mà còn là nơi sinh hoạt của cộng đồng.

Nhìn chung đời sống các hộ gia đình xã viên được ổn định, trên 60% hộ sắm được xe đạp, hoặc đài để nghe, có nhiều hộ xây được nhà cấp 4.

Đời sống văn hoá của nhân dân được cải thiện, thường xuyên được xem chiếu bóng, văn công, văn nghệ của các đội lưu động. Hầu hết các gia đình có điện thắp sáng.



Về giáo dục, cơ sở vật chất các trường học còn yếu kém, chưa đáp ứng được nhu cầu của giáo dục đào tạo, lớp học thiếu, dụng cụ học tập không có. Có nhiều học sinh bỏ học ở các khối lớp. Bố mẹ còn thiếu quan tâm tới con trẻ ở tuổi lớp 1 và mẫu giáo, không cho đến lớp. Đội ngũ giáo viên còn thiếu và chưa thật sự an tâm với nghề.

Về quốc phòng an ninh, nhằm tăng cường khả năng sẵn sàng chiến đấu và giữ gìn trật tự an toàn xã hội ở địa phương trong tình hình mới. Ngày 10-4-1980, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh ra Chỉ thị số 120/A-TH “Về việc xây dựng huyện thành pháo đài quân sự vững chắc” với những nội dung cơ bản và toàn diện là: Xây dựng huyện vững mạnh về chính trị, quân sự và thể trận, về hậu cần, kỹ thuật. Để thực hiện Chỉ thị này, Huyện ủy và Ủy ban nhân dân Huyện đã lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ các nội dung này ở tất cả các xã trong toàn huyện. Đảng ủy và Ủy ban nhân dân xã Vi Hương đã tăng cường công tác chính trị, tư tưởng nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ và nhân dân thấy rõ vai trò công tác quân sự địa phương, mà tích cực xây dựng phát huy bản chất tốt đẹp của lực lượng vũ trang tự vệ xã đã có.

Các đồng chí Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch xã, Xã đội, trung đội trưởng Dân quân tự vệ đều được dự lớp học tập ở huyện, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng xây dựng pháo đài quân sự huyện. Từ năm 1980, lực lượng vũ trang tự vệ xã được củng cố, kiện toàn vững chắc cả số lượng và chất

lượng, tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân tự vệ ngày càng cao. Lực lượng vũ trang địa phương luôn phát huy vai trò nòng cốt trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân và giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tích cực tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng, làm thủy lợi, làm đường giao thông, sản xuất lương thực, thực phẩm, góp phần tạo ra nhiều của cải cho xã hội.

Từ năm 1983, Sư đoàn 392 của Quân khu I về đóng ở địa bàn Bạch Thông, trong đó có Vi Hương, Đảng bộ và nhân dân xã đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho cán bộ và chiến sĩ của Sư đoàn hoàn thành mọi nhiệm vụ.

Nhìn chung trong khoảng thời gian từ năm 1981 - 1985 dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân trong xã đã xây dựng được thể trận chiến tranh nhân dân gắn với thể trận an ninh nhân dân ngày càng vững mạnh. Đảng bộ đã phát huy cao độ truyền thống yêu nước, vượt mọi khó khăn thử thách, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ, Đảng bộ đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh.

Tuy nhiên, nằm trong bối cảnh chung của đất nước vừa có hoà bình, vừa có chiến tranh, sự tác động của các yếu tố khách quan và chủ quan, nền kinh tế, cơ sở hạ tầng phát triển còn chậm chưa toàn diện, chưa bền vững, đời sống vật chất của nhân dân trong xã tuy được cải thiện nhưng vẫn rất khó khăn. Song những kết quả đạt được từ năm 1975 đến năm 1985 trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đều có những tiến bộ,

có thành tựu. Điều đó nói lên sự cố gắng của Đảng bộ, đây sẽ là tiền đề, cơ sở để Đảng bộ tiến lên giành được nhiều thành tựu lớn hơn trong các giai đoạn lịch sử sau này.

## **II. ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI TRONG THỜI KỲ (1986 - 2015)**

### **1. Thực hiện đường lối đổi mới trong mười năm đầu 1986 - 1996**

Đầu năm 1986, triển khai thực hiện Chỉ thị 79 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, tiến tới Đại hội Đảng bộ các cấp và Đại hội toàn quốc lần thứ VI. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Huyện ủy Bạch Thông đã tập trung chỉ đạo đợt sinh hoạt chính trị thực hiện phê và tự phê bình trong Đảng.

Thực hiện chủ trương, kế hoạch của Huyện ủy, Đảng bộ xã Vi Hương đã triển khai cuộc sinh hoạt chính trị trong toàn Đảng bộ, từ cán bộ lãnh đạo đến các đảng viên tự kiểm điểm theo ba nội dung: Phẩm chất, phong cách lãnh đạo, tổ chức cán bộ. Do có nhận thức mới, các đảng viên nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật và nói rõ sự thật về tình hình Đảng bộ và sự lãnh đạo của Đảng các cấp, thực trạng kinh tế - xã hội của địa phương. Qua thảo luận đã đánh giá đúng thực chất những mặt làm được và chưa làm được trong lãnh đạo chỉ đạo của Đảng bộ và thấy rõ những việc cần phải giải quyết, đồng thời có nhiều ý kiến đóng góp với các Đảng bộ cấp trên.

Qua sinh hoạt chính trị trong tất cả các chi bộ của Đảng bộ đã rà soát lại phẩm chất tư cách của từng đảng



viên, làm trong sạch và nâng cao một bước chính trị tư tưởng trong Đảng, củng cố tổ chức cơ sở đảng. Tiếp tục học tập Dự thảo văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI, mỗi đảng viên nhận thức rõ sâu sắc đường lối đổi mới của Đảng trong lãnh đạo chỉ đạo xây dựng CNXH ở nước ta.

Trên cơ sở đó, Đại hội Đảng bộ lần thứ 22 của xã Vi Hương đã tiến hành năm 1986. Đại hội Đảng bộ thể hiện tinh thần đổi mới, đề ra Nghị quyết hợp với tình hình nhiệm vụ mới nhằm giải quyết những vấn đề bức thiết nhất của địa phương như vấn đề ruộng đất, củng cố hợp tác xã, tạo bước phát triển kinh tế - xã hội theo quan điểm đổi mới của Đảng. Đại hội đã bầu đồng chí Lường Văn Học làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Mạc Thiêm Sầm làm Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã nhiệm kỳ 1986 - 1988. Đại hội Đảng bộ thành công mở ra một thời kỳ mới trong sự phát triển lịch sử của Vi Hương. Nhân dân phấn khởi bước vào thời kỳ đổi mới trong sự nghiệp xây dựng CNXH, xây dựng quê hương tươi đẹp.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng tiến hành từ ngày 15 đến ngày 18-12-1986 với tinh thần “Nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”. Đại hội đã nghiêm khắc kiểm điểm và đánh giá đúng tình hình, trên cơ sở đó, Đại hội đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện mở ra bước ngoặt trong công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta.

Đại hội chỉ ra: “Nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát của những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hoá XHCN ở chặng đường tiếp theo”<sup>(1)</sup>. Trên cơ sở nhấn mạnh ổn định tình hình kinh tế - xã hội, Đại hội đã xác định những mục tiêu cụ thể là: Sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy, tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý nhằm phát triển sản xuất; xây dựng và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới, tạo ra sự chuyển biến tốt về mặt xã hội, bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh. Trước mắt cần tập trung sức người sức của thực hiện bằng được nhiệm vụ, mục tiêu của ba chương trình về lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Muốn thực hiện được những mục tiêu của “Ba chương trình kinh tế” thì nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp phải được đặt đúng vị trí và được ưu tiên đáp ứng nhu cầu về vốn đầu tư, năng lực, vật tư, lao động, kỹ thuật.

Quán triệt đường lối đổi mới của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Bạch Thông, Đảng bộ và nhân dân xã Vi Hương đã vượt mọi khó khăn vươn lên, từng bước giành được những thắng lợi trên các mặt trận kinh tế - xã hội, củng cố an ninh quốc phòng, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng.

---

<sup>(1)</sup> Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ VI, Nxb Sự thật, H, 1977.

Mở đầu thời kỳ thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Ban Chấp hành Đảng bộ xã coi phát triển sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, nhằm giải quyết an ninh lương thực, thực phẩm, ổn định đời sống nhân dân và thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Những năm 1986 - 1990 là những năm thử thách gay gắt đối với Đảng bộ xã Vi Hương trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, do hạn hán kéo dài, mực nước sông suối, ao hồ giảm đã ảnh hưởng lớn đến sản xuất, năng suất. Trước tình hình đó Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân trồng màu trên diện rộng, khắc phục khô hạn, tích cực làm thủy lợi, lấy vụ mùa bù vụ chiêm. Năm 1986, 1987 tình hình sản xuất chậm phát triển, vấn đề lương thực trở nên khó khăn trong nhân dân. Một số hộ xã viên hoang mang mất niềm tin vào hợp tác xã.

Ngày 5-4-1988, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 10-BCT/TW về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, nhằm mục đích hoàn thiện và nâng cao cơ chế khoán sản phẩm trong các hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất phát triển. Tỉnh ủy đã chỉ đạo triển khai nghị quyết trong toàn tỉnh. Quán triệt Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị và chủ trương của Tỉnh ủy về đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp, Huyện ủy Bạch Thông cũng đề ra nghị quyết đề cụ thể hoá, vận dụng cho phù hợp với điều kiện của huyện nhằm giải phóng sức sản xuất, khai thác hợp lý tiềm năng



lao động, tăng nhanh sản lượng nông sản và hàng hoá, phát huy quyền làm chủ của xã viên trong sản xuất và phân phối sản phẩm, gắn bó xã viên với hợp tác xã. Cấp ủy Đảng cơ sở đã trực tiếp chỉ đạo các tổ sản xuất tiến hành sắp xếp, tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng chuyên môn hoá, giao quỹ đất cho từng hộ xã viên, thực hiện giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất.

Với Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị mà nhân dân ta gọi tắt là khoán 10, hợp tác xã là đơn vị chủ quản, hộ xã viên là đơn vị nhận khoán, từ chỗ làm chủ ba khâu theo Chỉ thị 100-CT/TW (13-1-1981), tiến lên làm chủ ruộng đất khoán ổn định trong một thời gian dài, nên hộ xã viên phấn khởi, yên tâm đầu tư cho phát triển sản xuất, mạnh dạn đầu tư vốn, giống, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thâm canh, sử dụng các giống cây trồng có năng suất cao, tích cực chăm bón, vì vậy sản lượng lúa năm sau tăng hơn so với các năm trước. Thực tế sản xuất đang diễn ra quá trình chuyển từ mô hình hợp tác xã sang mô hình quản lý theo địa bàn dân cư thôn, xóm. Quán triệt chỉ đạo của Huyện ủy Bạch Thông, Đảng bộ, chính quyền xã Vi Hương cùng với các ngành đã tiến hành kiểm tra, quản lý việc kê khai sử dụng đất của từng hộ, giao thuê theo biểu quy định cho từng hạng đất, nhờ đó đảm bảo sản xuất phát triển và thu thuế đầy đủ cho Nhà nước.

Do chủ động kế hoạch sản xuất, đầu tư cho từng loại cây trồng, vật nuôi nên năng suất, sản lượng lúa và hoa

màu của từng hộ dân đều khá, chăn nuôi phát triển hơn. Chương trình lương thực, thực phẩm bước đầu đạt kết quả tốt.

Tuy nhiên, chuyển sang cơ chế quản lý mới trong nông nghiệp, đặc biệt về vấn đề ruộng đất có nhiều khó khăn phức tạp. Hiện tượng tranh chấp, đòi ruộng đất cha ông diễn ra gay gắt ở một số hộ trong khoảng thời gian từ năm 1988 đến năm 1990. Trước tình hình đó Đảng ủy và Chính quyền xã cùng các ban, ngành, đoàn thể vận động, giúp đỡ thương lượng theo đúng quy định của pháp luật, mặt khác khuyến khích, tạo điều kiện cho một số gia đình khai hoang phục hoá đất trồng. Do vậy vấn đề ruộng đất dần dần được ổn định, sản xuất từng bước phát triển.

Năm 1991, tình hình thế giới có nhiều chuyển biến phức tạp, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, Liên Xô đang đứng trước sự tan vỡ. Nước ta sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI đã thu được những thành tựu nổi bật, khẳng định đường lối đổi mới xây dựng CNXH của Đảng là đúng đắn. Trong bối cảnh ấy, tháng 6-1991 Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII họp tại Hà Nội. Đại hội khẳng định quyết tâm đi theo con đường CNXH và đã đề ra mục tiêu: “Đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội”.

Mặc dù trên địa bàn huyện Bạch Thông, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội có nhiều biểu hiện phức tạp, một số nơi xuất hiện tờ rơi, tài liệu có nội dung kích động đòi đa nguyên, đa đảng, xuất hiện truyền đạo trái

phép, hoạt động mê tín dị đoan nổi lên, xảy ra các vụ lộn xộn tranh chấp đất đai, khai thác rừng trái phép tăng lên. Nhưng Đảng bộ, Chính quyền xã cùng các ban, ngành, đoàn thể vẫn kiên định, tin tưởng vào con đường đi lên CNXH và sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng.

Căn cứ vào tinh thần Nghị quyết của Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng và Nghị quyết của Đảng ủy huyện Bạch Thông tại Đại hội lần thứ 9, Đảng bộ Vi Hương đã xác định các nhiệm vụ mục tiêu cụ thể của địa phương nhằm phát triển cơ cấu hạ tầng, thực hiện 4 chương trình: Điện, đường, trường, trạm. Đẩy mạnh phát triển giáo dục, y tế, tăng cường các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thông tin, thể dục thể thao; tiến hành các hoạt động xoá đói giảm nghèo, các phong trào đền ơn đáp nghĩa.

Trong thời kỳ 1991 - 1996, do nhu cầu tăng cường đầu tư vào đồng ruộng của các hộ nông dân, các dịch vụ cung cấp vật tư nông nghiệp phát triển hơn trước, các cơ sở chế biến nông sản xuất hiện ngày càng nhiều, tạo thêm việc làm mới cho người dân.

Thực hiện bước đầu phát triển kết cấu hạ tầng, thực hiện chương trình điện, đường, trường, trạm với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, huyện Bạch Thông đã đầu tư kinh phí, vật tư, xây dựng và hoàn thiện nhiều công trình cho địa phương, bộ mặt làng bản có nhiều đổi mới.

*Trên lĩnh vực sản xuất*, cả nông, lâm nghiệp, chăn nuôi đều phát triển. Tổng sản lượng lương thực đạt 1.019 tấn,



cao nhất từ trước đến năm 1996. Từ năm 1994 bắt đầu giao rừng cho hộ nông dân ở các thôn Nà Sang, Đon Bậy, Nà Pải. Đàn trâu của hợp tác xã cũng tăng, năm 1992 có 807 con. Đồng thời các lĩnh vực dịch vụ cũng phát triển.

Về văn hoá xã hội có nhiều tiến bộ, các hoạt động tuyên truyền văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao với nhiều hình thức phong phú, đội văn nghệ xã được thành lập, tổ chức nhiều buổi diễn văn nghệ và giao lưu với các đơn vị bạn trong dịp lễ, tết. Phong trào đọc sách, báo, bóng chuyền, bóng đá mi ni xuất hiện tới các thôn bản. Các cuộc thi đấu bóng, kéo co, tung còn được diễn ra trong dịp lễ hội. Các hoạt động xã hội như thực hiện chương trình xoá đói, giảm nghèo, phong trào đền ơn đáp nghĩa, nhân đạo, từ thiện... đều được triển khai và tổ chức dưới sự chủ trì của các đoàn thể và được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng tham gia. Tuy vậy còn một số mặt chưa cao, tỉ lệ sinh con thứ 3 chiếm 9%, số hộ nghèo còn 126 hộ, 12 hộ đói trên tổng số 502 hộ toàn xã.

Về giáo dục, để khuyến khích học sinh đi học, các thầy, cô giáo quán triệt tinh thần “Tất cả vì học sinh thân yêu”, động viên quan tâm thường xuyên phong trào học tập của học sinh, thực hiện phương châm giáo dục kết hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội. Nhà trường phát động phong trào “Vở sạch, chữ đẹp”, phong trào trường lớp “xanh, sạch, đẹp”. Đồng thời đẩy mạnh việc thực hiện chủ trương phổ cập giáo dục tiểu học. Tuy nhiên cơ sở vật chất nhà trường còn thiếu thốn, cơ sở hạ tầng xuống cấp.

Về y tế, Đảng ủy thường xuyên chỉ đạo tăng cường cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị cho trạm y tế xã, quan tâm đến đời sống cán bộ y tế để cán bộ yên tâm phục vụ lâu dài ở địa phương. Thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia, y tế dự phòng như tiêm chủng mở rộng, phòng chống lao, chống bấu cổ, sốt rét, vệ sinh môi trường.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, sự triển khai thực hiện của Chính quyền và các tổ chức đoàn thể, sau mười năm (1986 - 1996) phấn đấu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, nhân dân Vi Hương đã đạt được những thành tích trong tất cả các lĩnh vực. Đảng bộ ngày càng được củng cố, không ngừng lớn mạnh. Từ năm 1988 đến năm 1995 trải qua các kỳ Đại hội Đảng bộ xã lần thứ 23, 24, 25 đều do đồng chí Phùng Đức Chiến với cương vị Bí thư chủ trì. Những thành tích đã đạt được trong thời kỳ này đã khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn và sự trưởng thành của Đảng bộ rất đáng tự hào. Đời sống nhân dân được cải thiện về vật chất và tinh thần, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; nhân dân tích cực tham gia các phong trào thi đua xây dựng kinh tế - xã hội; lực lượng tự vệ thường xuyên được luyện tập sẵn sàng chiến đấu, nhân dân ta tích cực tham gia phong trào đấu tranh chống diễn biến hòa bình, bạo loạn... từ năm 1991 đến năm 1994, Đảng bộ xã Vi Hương đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh 5 năm liên và được Tỉnh ủy Bắc Thái tặng 01 Bằng khen.

## **2. Đảng bộ lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ 1995 - 2015**

### ***a/ Đại hội Đảng bộ lần thứ 25 và những thắng lợi trong thời kỳ 1995 - 2000***

Căn cứ vào tình hình chung của đất nước sau 10 năm xây dựng CNXH theo đường lối đổi mới của Đảng, xuất phát từ tình hình thực tế của địa phương để đặt ra nhiệm vụ, mục tiêu cho thời kỳ mới. Đại hội Đảng bộ Vi Hương lần thứ 25 đã họp ngày 28, 29 - 12 - 1995.

Trên cơ sở đánh giá đúng đắn khách quan tình hình kinh tế - xã hội nhiệm kỳ trước, Đại hội đề ra những nhiệm vụ cơ bản cho nhiệm kỳ 1995 - 2000. Xác định cơ cấu kinh tế cơ bản của xã là nông - lâm nghiệp và dịch vụ. Đây mạnh phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp, tăng năng suất và sản lượng. Để đạt được mục tiêu cần chú ý cơ cấu cây trồng, chăn nuôi, chú trọng mô hình kinh tế V.A.C. Tăng cường đầu tư, mở rộng sản xuất, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và chế biến. Khuyến khích phát triển các loại hình dịch vụ. Tập trung đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi công cộng, tranh thủ thu hút các dự án đầu tư. Đồng thời chú trọng phát triển văn hoá giáo dục, y tế từng bước xây dựng nông thôn mới.

Trong không khí phấn khởi, đoàn kết, Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 9 đồng chí: Chiến, Lô, Hảo, Thoa, Bồn, Phương, Vi, Lưu, Sầm. Đồng chí Phùng Đức Chiến được bầu làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Phùng Đức Vi làm Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.



Cuối tháng 6 đầu tháng 7 năm 1996 Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng họp, khẳng định đất nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, quyết định đưa đất nước tiến vào thời kỳ công nghiệp hoá và hiện đại hoá.

Quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, Nghị quyết của Đại hội tỉnh Đảng bộ và Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ huyện Bạch Thông, đặc biệt từ ngày 1-1-1997 tỉnh Bắc Kạn được tái lập Đảng bộ, nhân dân càng thêm phấn khởi và quyết tâm xây dựng quê hương. Đảng ủy xã đã tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, kiên quyết với nhiều biện pháp sáng tạo, phù hợp và thu được kết quả to lớn trong thời kỳ 1996 - 2000.

*Về phát triển sản xuất nông lâm nghiệp*, căn cứ vào điều kiện khách quan của địa phương vốn diện tích tự nhiên có 2.626ha, đất nông nghiệp 157,2ha (chiếm 5,9%), đất lâm nghiệp 1.467ha (chiếm 55,8%), còn lại là núi cao, giá trị kinh tế thấp. Toàn xã có 2.414 nhân khẩu với 502 hộ tập trung ở 6 thôn bản.

Bên cạnh phát triển cây lúa cần chú trọng đầu tư trồng màu như ngô, khoai, sắn, đỗ tương và các loại rau màu khác. Áp dụng khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi và trồng trọt, chế biến. Xây dựng mô hình kinh tế VAC phổ biến rộng trong nông thôn.

Với sự cố gắng của toàn Đảng, toàn dân năm 1997 đạt tổng sản lượng lương thực 1.050 tấn (năm 1996: 1.019 tấn), đến năm 1999 tổng sản lượng lương thực đạt 1.169 tấn. Sản

lượng ngô, khoai, sắn, đỗ chiếm khoảng 5% đến 7%. Như vậy tổng sản lượng lương thực hàng năm bình quân tăng 4,7%, riêng năm 1999 so với năm 1997 tăng 15%. Năng suất lúa bình quân tăng từ 39 đến 41 tạ/ha. Mức lương thực bình quân đầu người 380 kg/năm (so với năm 1996 tăng 5,5%).

Đến năm 1999 đã giao 784ha rừng (trên tổng số 1.469ha) cho 315 hộ. Trong toàn xã có 393 hộ trồng rừng theo chương trình PAM với diện tích 373,16ha. Đã đầu tư cho các gia đình thuộc diện định canh định cư về cây giống và nguồn kinh phí là 22.000 cây quế, 9.000 cây hồi, 22.875.000 đồng để phủ xanh đất trống đồi trọc, phát triển cây công nghiệp. Năm 1999 thu nhập bình quân từ rừng đạt 20 triệu đồng/hộ.

*Về chăn nuôi*, năm 1999 đàn trâu chỉ còn 646 con giảm so với năm 1996 là 161 con (giảm 20%). Nguyên nhân là do nhiều hộ sắm máy cày, không còn nhu cầu sức kéo, bãi chăn thả ngày càng thu hẹp. Năm 1999 toàn xã có 60 máy cày. Chăn nuôi lợn và gia cầm không ngừng tăng, tổng trọng lượng xuất chuồng năm 1999 của xã 130.000 kg, tăng 30,7% so với năm 1996.

Sản xuất phát triển, song các loại hình dịch vụ thương mại phát triển chưa tương xứng, dịch vụ sản xuất nông, lâm nghiệp, thương nghiệp chế biến nông sản chiếm tỷ trọng chưa đáng kể trong cơ cấu kinh tế.

*Về kết cấu hạ tầng*, trong xây dựng cơ bản tổng giá trị kinh phí đầu tư là 828.000.000 đồng, trong năm 1999 hoàn

thành cầu trần Nà Chá, tu sửa trạm y tế, trụ sở làm việc Ủy ban xã, xây dựng bia tưởng niệm liệt sĩ của xã, nhà trạm y tế bản Phiêng Mồ... Sử dụng vốn chương trình 135 của Chính phủ xây trường trung học cơ sở, trường mầm non, nhà bưu điện của xã. Ngoài ra nhân dân còn đóng góp kinh phí xây dựng được hai lớp học cho trường tiểu học và 6 nhà văn hoá cho các thôn để hội họp. Xã cơ bản đã thực hiện xong quy hoạch phát triển các công trình xây dựng theo chương trình 135 của Chính phủ giai đoạn từ năm 2000 - 2015. Năm 1999 toàn xã có 132 máy thủy điện nhỏ, 30 máy cày mini, 16 máy xay sát.

Thu ngân sách hàng năm đều đạt 100% chỉ tiêu, năm 1999 thu ngân sách đạt 57.097.070 đồng tăng 22,8% so với 1996, mức tăng thu ngân sách hàng năm khoảng 7,5%.

*Về văn hoá xã hội*, Giáo dục trên địa phương phát triển cả về chất và lượng, giáo dục mầm non được quan tâm và ủng hộ của phụ huynh. Số trẻ đủ tuổi đều được vào các lớp mầm non 100%. Nhân dân đóng góp xây dựng lớp mầm non trong những năm qua khoảng 4 triệu đồng, bồi dưỡng giáo viên mầm non khoảng 25 triệu đồng.

Phương châm giữ vững phổ cập cấp 1, số trẻ đến lớp đạt 100%, số học sinh lên lớp hằng năm đạt từ 93% đến 98%. Tỷ lệ tốt nghiệp tiểu học đạt từ 86% đến 100%. Cơ sở vật chất được đảm bảo, xây dựng thêm 2 lớp học cấp 4 trị giá 30.000.000 đồng, đóng thêm 42 bộ bàn ghế học sinh cho lớp học thôn Địa Cát. Hằng năm huy động phụ huynh tu sửa bàn ghế, trường lớp khoảng 400 đến 450 công.



Đối với hệ trung học cơ sở trong những năm 1996 - 2000 tỷ lệ lên lớp đạt 93 đến 97%, thi tốt nghiệp cuối cấp (lớp 9) đạt 76% đến 100%.

Ngoài kinh phí nhà nước, nhân dân, phụ huynh còn đóng góp xây dựng thêm các quỹ để có nguồn tài chính thường xuyên đáp ứng được yêu cầu dạy và học như quỹ xây dựng, quỹ bảo vệ, quỹ khuyến học...

Về y tế, ngoài việc xây dựng cơ sở hạ tầng, để đảm bảo chăm sóc sức khỏe tốt cho nhân dân, cán bộ y tế không ngừng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, phát huy tinh thần “Lương y như từ mẫu”. Theo thống kê trạm y tế trong giai đoạn này có tới 3.240 lượt người đến khám và chữa bệnh. Hàng năm hoàn thành kế hoạch tiêm chủng, tiêm vắc xin cho trẻ em trong độ tuổi 100%. Công tác vệ sinh phòng bệnh luôn được toàn dân thực hiện tốt. Các đối tượng chính sách, hộ nghèo được cấp màn chống sốt rét. Chuồng trại gia súc được xây dựng xa nhà, không có bệnh dịch xảy ra.

Phong trào văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao luôn mang đậm bản sắc dân tộc, khôi phục và khơi dậy truyền thống văn hoá, văn nghệ cổ truyền với làn điệu dân ca Tày, Nùng, Dao cùng với các hình thức văn nghệ hiện đại. Tổ chức lễ hội Lồng Tồng vào đầu xuân. Năm 1996 Vi Hương được tặng 01 Bằng khen của Bộ Văn hóa Thông tin thể thao và Du lịch về thành tích xây dựng đời sống văn hóa.

Công tác thông tin tuyên truyền được đẩy mạnh, thường xuyên tổ chức các cuộc tuyên truyền về chủ trương

chính sách của Đảng và Nhà nước trong các thôn bản từ 6 đến 8 cuộc trong năm, đảm bảo chiếu phim đến các thôn bản năm 2 lần. Đến năm 1999 xã Vi Hương 30% số hộ có ti vi, 60% số hộ có đài radiô, tuyệt đại đa số nhân dân đều nắm vững và cập nhật thông tin thời sự, thời tiết phục vụ đời sống, mùa vụ.

Phong trào thể dục thể thao, các thôn bản phát triển phong trào bóng chuyền, bóng đá mi ni, ngoài đội của xã các thôn bản đều có đội của mình. Thường xuyên thi đấu và giao lưu vào dịp tết và các ngày lễ lớn của đất nước.

*Đời sống vật chất và đời sống tinh thần của người dân được nâng lên rõ rệt.* Để chất lượng cuộc sống ngày càng ổn định và bền vững, Đảng bộ chú trọng quan tâm giải quyết nhiều vấn đề trong đời sống xã hội như triển khai thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo. Sử dụng tốt nguồn vốn nhà nước thông qua các dự án, vốn vay và sự tương trợ của cộng đồng. Năm 1996 có 226 hộ nghèo, 12 hộ đói; năm 2000 còn 74 hộ nghèo, 6 hộ đói, số hộ nghèo giảm 41,2%, số hộ đói giảm 50%. Do có các dự án, đặc biệt là dự PAM tạo cho người lao động có việc làm, thu nhập ổn định. Số lao động trong độ tuổi của xã giai đoạn này có 1.171 người là lực lượng chủ lực cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

*Về an ninh quốc phòng* được Đảng bộ quan tâm đúng mức để đảm bảo trị an, an toàn xã hội. Lực lượng dân quân tự vệ được huấn luyện đều đặn theo kế hoạch của Ban Chỉ

huy quân sự huyện, quân số tham gia huấn luyện 100%, lực lượng dự bị động viên được quản lý chặt chẽ, sẵn sàng nhập ngũ khi cần. Chỉ tiêu tuyển quân hằng năm đạt 100%, từ năm 1996 - 2000 Vi Hương có 14 thanh niên lên đường nhập ngũ.

Tình hình an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội trong các bản làng được giữ vững, đẩy mạnh phong trào tuyên truyền nêu gương tốt để học tập, lên án cái xấu, cổ vũ gương tốt. Từ đó các bộ phận chức năng nắm được các đối tượng tiêu cực, xử lý nghiêm minh các hành vi phạm pháp, thiếu đạo đức. Từ năm 1996 - 1999 đã xử lý 60 vụ vi phạm pháp luật, chuyển lên cấp trên 22 vụ. Số người nghiện ma túy từ 1996 là 48 người xuống 21 người năm 1999, không còn hiện tượng cờ bạc, mê tín dị đoan. Từ năm 1991 đến năm 1997 Vi Hương được tặng 03 Bằng khen của tỉnh về công tác an ninh trật tự, an toàn xã hội. Trong công tác tư pháp, các đơn thư khiếu nại, tố cáo của nhân dân được giải quyết nhanh chóng, dứt điểm, tạo được niềm tin trong nhân dân. Quản lý tốt hộ khẩu, khai sinh, khai tử, tạm trú, tạm vắng, góp phần vào công tác an ninh trật tự, làm lành mạnh xã hội.

Xã hội ổn định, đời sống người dân được cải thiện, phát huy truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”. Đảng bộ, Chính quyền và các đoàn thể chú trọng đẩy mạnh phong trào đền ơn đáp nghĩa đối với người có công, quan tâm các gia đình chính sách, thương binh, bệnh binh trong các dịp



lễ, tết. Năm 1999 xã đã xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa 5 764.000 đồng; tặng 18 sổ tiết kiệm trị giá 3.600.000 đồng cho các gia đình chính sách; quỹ chăm sóc trẻ thơ 2.110.000 đồng, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm đáng kể.

Đạt được kết quả trên là do xây dựng được tổ chức Đảng, Chính quyền và các đoàn thể quần chúng ngày càng vững mạnh. Năm 1999 Đảng bộ có 104 đảng viên, gồm 7 chi bộ, trong đó có 1 chi bộ trường học. Các đảng viên luôn quán triệt tư tưởng đấu tranh phê bình và tự phê bình, nâng cao tinh thần đoàn kết thống nhất, giữ vững quan điểm lập trường của Đảng và phẩm chất người đảng viên, giữ mối liên chặt chẽ, gần gũi với quần chúng, tuyên truyền phát triển Đảng. Đó là mục tiêu Đảng bộ đề ra, là những mục tiêu để phấn đấu qua các kỳ đại hội. Từ năm 1996 - 1999, Đảng bộ kết nạp được 27 đảng viên, chất lượng đảng viên tăng qua các năm. Đảng viên đủ tư cách loại 1 tăng 3,7% (chiếm 94,8%); đảng viên đủ tư cách loại 2 giảm 3,2% (chiếm 4,3%); đảng viên đủ tư cách loại 3 giảm 0,1% (chiếm 0,9%). Về tập thể, có 6 chi bộ đạt trong sạch vững mạnh, 1 chi bộ đạt khá.

Cuộc bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp tháng 7 - 1997 có 99,93% cử tri đi bầu cử. Hội đồng nhân dân khoá 16 của xã có 19 đại biểu, hệ thống chính quyền, đoàn thể được củng cố. Kiện toàn cán bộ thôn bản, bầu trưởng thôn, cử công an thôn và an ninh thôn. Mặt trận Tổ quốc xã và các tổ chức đoàn thể được kiện toàn, hoạt động